

TRUYỆN NGẮN THẾ GIỚI

# ĐÊM ĐÌNH MIỀN

LÊ TÂN

tuyển chọn & dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

**ĐÊM ĐỊNH MỆNH**

**Tập Truyện Ngắn**

**Nhiều tác giả**

*Lê Tân tuyển chọn và dịch*

Chuyên text, soát lỗi: **cailubietdi**

Ebook: **Cuibap**

# Con Ngựa Về Nhất

D. H. Lawrence

Đó là một người đàn bà đẹp.

Nàng vào đời với hoàn cảnh thuận lợi nhưng lại kém may mắn. Nàng lập gia đình vì tình yêu nhưng tình yêu nhanh chóng lụi tàn. Nàng có những đứa con xinh xắn, dễ thương nhưng nàng có cảm tưởng chúng là gánh nặng cho nàng. Nàng không thương yêu chúng. Chúng nhìn nàng với ánh mắt lạnh lùng như để tìm lỗi của mẹ chúng. Nàng phải che đậy bằng cách vội vã tự an ủi cho tâm tưởng. Mà che đậy cái gì nàng cũng không rõ. Dù sao, khi những đứa trẻ ở gần, nàng luôn tỏ ra dịu dàng, lo lắng cho chúng, như thật sự chiều chuộng thương yêu chúng. Chỉ có tự sâu thẳm trong tâm hồn, nàng biết hầu như không có chỗ cho sự yêu thương nào dành cho chúng và cho bất cứ ai. Người ta bàn tán: “Bà ấy là người mẹ tốt, rất thương yêu con cái...”. Chỉ có nàng và các con nàng biết đó không phải sự thật. Họ thấy điều đó trong mắt nhau.

Đó là hai đứa bé gái và một bé trai.

Họ sống trong một ngôi nhà sang trọng có vườn hoa bao quanh, có những gia nhân nghiêm trang. Họ cảm thấy họ là người trên kẻ cả trong vùng.

Tuy sống một cuộc sống phong lưu, song họ luôn thấy lo lắng. Sự lo lắng đó luôn bao trùm căn nhà vì họ không bao giờ có đủ tiền cho việc chi tiêu. Hai vợ chồng đều kiếm được ít tiền, không thể đủ cho cách sống của họ. Người cha làm ở một công sở nào đó. Tuy có những viễn cảnh tốt đẹp mở ra trước mắt ông ta nhưng không bao giờ trở thành sự thật. Luôn có những món nợ mới.

Cuối cùng, người mẹ nói.

- Tôi phải thử xem có cách gì kiếm được nhiều tiền không.

Nhưng nàng không biết phải làm thế nào. Nàng vắt óc suy nghĩ, làm việc này rồi việc khác mà không kết quả. Các con nàng lớn dần, chúng phải được đi học. Phải có tiền. Phải có nhiều tiền. Người cha có những thú ăn chơi xa xỉ trong khi không biết làm gì hay hơn để có nhiều tiền. Người mẹ cũng thế. Thế là nhà họ bị ám ảnh một câu không cần nói: “Phải có tiền! Phải có thật nhiều tiền!”.

Những đứa con có thể nghe ở mọi nơi, mọi lúc tuy không ai nói lớn. Chúng nghe câu đó vào ngày Giáng Sinh, khi những món đồ chơi đẹp đẽ, đắt tiền chất đống trong phòng chúng. Đằng sau con ngựa gỗ, phía sau nhà búp bê, một giọng thì thầm: “Phải có nhiều tiền! Phải nhiều tiền hơn nữa!”. Những đứa trẻ ngưng chơi, lắng nghe. Chúng nhìn nhau xem các anh chị em chúng có nghe hay không. Chúng biết chúng đều nghe. “Phải có tiền! Phải có nhiều tiền hơn nữa!”.

Tiếng thì thầm đó dường như phát ra từ con ngựa gỗ lắc lư của Paul. Hình như con ngựa cũng nghe khi cưỡi thẳng bé trên lưng. Con búp bê nằm trong cái nôi nhỏ xíu có lẽ cũng nghe rõ. Con chó nhồi bông thế chỗ con gấu cũ có lẽ cũng nghe rõ. Không hiểu tại sao tiếng thì thầm đó lại len lỏi khắp nhà.

“Phải có thật nhiều tiền!”.

Không ai nói lớn nhưng tiếng thì thầm đó ở khắp nơi trong căn nhà rộng. Nó thật lạ. Cũng như không ai nói: “Chúng ta đang thờ” nhưng ai cũng biết mình đang thờ. Họ cảm nhận lời thì thầm đó tương tự như thế.

Một ngày nọ, Paul nói với mẹ nó.

- Mẹ, tại sao chúng ta phải dùng xe hơi của chú Oscar?

- Tại chúng ta nghèo.

- Tại sao chúng ta nghèo Mẹ nó cay đắng.

- À... mẹ nghĩ... vì cha con không may mắn.

Thằng bé ngẫm nghĩ chút rồi rụt rè.

- May mắn là gì hở mẹ? Là tiền phải không mẹ?

- Không, không hẳn thế. May mắn là cái giúp con kiếm được nhiều tiền.

Thằng bé nói mơ hồ.

- Ô! Con đã nghĩ thế khi chú Oscar nói bồng lộc bán thiu là tiền.

- Bồng lộc bán thiu không phải là tiền, nó là bồng lộc, không phải là may mắn.

- Ô, thế à? Vậy may mắn là gì hở mẹ?

- Là cái giúp con kiếm được nhiều tiền. Nếu con may mắn, con sẽ có tiền. Đó là tại sao con nên được sinh ra trong may mắn hơn là sinh ra trong giàu có vì nếu con giàu, con có thể bị mất tiền. Nhưng nếu con may mắn thì con sẽ kiếm được nhiều tiền.

- Ô, thật vậy hở mẹ? Vậy là ba con không may mắn hở mẹ Mẹ nó đáp chua chát.

- Rất kém may mắn!

Thằng bé nhìn mẹ nó, nghi ngờ.

- Tại sao?

- Mẹ không biết. Không ai biết tại sao người này may mắn, người kia không.

- Thật à? Không ai biết thật hở mẹ?

- Có lẽ chỉ có Thượng đế... nhưng Người thì không nói bao giờ.

- Người phải nói chứ... và mẹ cũng không may mắn phải không?

- Đúng, nếu mẹ lấy một người chồng không may mắn.

- Nhưng riêng mẹ thì sao?

- Mẹ nghĩ trước khi lấy bố con thì mẹ rất may mắn, bây giờ thì hết rồi.

- Tại sao?

- À, đừng nghĩ nữa, mẹ cũng không biết.

Thằng bé nhìn mẹ nó, nghi ngờ nàng giấu nó điều gì. Rồi nó bồng nói một cách mạnh bạo và bướng bỉnh.

- Được thôi, thế thì con là người may mắn.

Mẹ nó bật cười.

- Tại sao?

- Thượng đế nói với con.

Giọng nó quả quyết và trơ tráo. Mẹ nó lại cười, nhưng lần này có chút chua chát.

- Mẹ cũng mong thế!

- Thật mà mẹ!

- Tuyệt lắm!

Nàng bắt chước câu nói ừa dùng của chồng. Thằng bé biết mẹ nó không tin vì thấy mẹ không quan tâm lắm đến sự quả quyết của nó. Nó tức giận muốn bắt buộc mẹ mình phải tin.

Nó bỏ đi, trong đầu mơ hồ tìm hiểu đầu mối của cái gọi là “may mắn”. Không chú ý đến những gì xung quanh nữa. Từ hôm đó, nó cứ nghĩ ngợi, tìm kiếm sự may mắn. Nó muốn gặp may. Sự mong muốn sục sôi trong nó. Khi hai em gái nó ngồi chơi búp bê thì nó leo lên con ngựa bập bênh, lắc lư dữ dội như trong cơn phi nước đại. Nó nhún con ngựa gỗ điên cuồng dữ dội đến nỗi hai em gái nó nhìn nó bằng ánh mắt kỳ lạ, sợ hãi. Con ngựa gỗ như đang lao đi với tốc độ khủng khiếp trong trí tưởng tượng của thằng bé. Hình như có lửa trong ánh mắt trẻ thơ của nó. Hai đứa em gái nhìn nó sợ hãi không dám nói gì.

Khi đến đích của cuộc hành trình điên loạn, nó tụt xuống, nhìn vào mắt con ngựa gỗ, nói như ra lệnh.

- Nào, hãy đưa ta tới nơi có sự may mắn! Mau!

Nó đánh vào cổ con ngựa gỗ bằng cái roi chú Oscar cho nó. Nó biết con ngựa có thể đưa nó đến nơi có sự may mắn nếu nó bắt buộc được con ngựa. Vì thế, nó lại leo lên. Lại nhún điên cuồng, hy vọng sẽ đến được nơi đó. Cô coi trẻ nói:

- Cậu làm gãy con ngựa mất!

Joan, em gái nó nói.

- Anh ấy làm thấy ghê quá! Cứ để té một cái cho biết!

Nhưng thằng bé chỉ nhìn họ bằng ánh mắt lạnh lùng. Cô coi trẻ bỏ đi vì nghĩ rằng dù sao Paul cũng đã lớn.

Một ngày nọ mẹ nó và chú Oscar bước vào phòng khi nó đang phi nước đại trên lưng con ngựa gỗ. Nó không nói lời nào với họ. Chú nó lên tiếng.

- Chào anh nài tí hon! Đang cưỡi con ngựa về nhất phải không?

Mẹ nó nói.

- Con đã lớn rồi, cưỡi ngựa gỗ trông kỳ quá!

Nhưng Paul chỉ giương đôi mắt xanh long lanh nhìn hai người. Nó không bao giờ mở miệng nói khi đang phi nước đại. Nó thấy ánh mắt kỳ lạ của mẹ nhìn nó. Bỗng nó giảm nhịp con ngựa rồi bước xuống. Nó nói một cách dừ dội. Mắt nó hừng hực.

- Tốt, đến nơi rồi!

Mẹ nó hỏi.

- Đến đâu?

Nó hơi xằng giọng.

- Nơi con muốn đến!

Chú nó xen vào.

- Đúng! Chú sẽ không ngừng khi chưa đến đích. Tên con ngựa là gì?

- Nó không có tên.

- Sao kỳ vậy?

- À, nó có nhiều tên... tuần vừa rồi nó tên Sansovio.

- Sansovio?... Ủa, đó là con ngựa về nhất tuần qua ở trường đua Ascot.

Làm sao cháu biết?

Joan xen vào.

- Anh ấy hay nói chuyện ngựa đua với chú Bassett.

Ông chú có vẻ thích thú vì đưa cháu quan tâm đến tin tức đua ngựa. Bassett là người làm vườn trẻ tuổi do ông giới thiệu đến gia đình này. Anh ta rất mê môn đua ngựa, sống gắn bó với tin tức những cuộc đua.

Oscar biết chuyện khi hỏi Bassett.

- Thưa ông, cậu ấy cứ theo hỏi gặng nên tôi không biết làm sao hơn là nói cho cậu ấy rõ.

Anh ta nói với vẻ mặt trang nghiêm đến dễ sợ, cứ như đang bàn luận đến vấn đề tôn giáo.

- Thế có bao giờ nó đánh cược con ngựa nó thích không?

Bassett đáp rất nghiêm trang, hơi bối rối.

- Thưa ông, tôi không muốn cản cậu ấy... cậu nhỏ dễ thương lắm... hay là ông hỏi cậu ấy sẽ rõ! Cậu có vẻ mê môn đua ngựa lắm và có lẽ biết tôi không muốn cho cậu ta dính dáng vào...

Rõ ràng anh ta giấu diếm điều gì.

Người chú trở lại chỗ đưa cháu, đưa nó đi chơi bằng xe hơi của ông.

- Này, Paul, đã có bao giờ cháu đánh cá con ngựa cháu thích chưa?

Thằng bé nhìn chú nó đăm đăm.

- Sao, chú thấy không nên à?

- Ô, không hề! Chú còn muốn cháu mách cho chú con ngựa nào về nhất ở trường đua Lincoln hôm nay đây.

Họ đã ra đến ngoại ô. Thằng bé nói.

- Vậy chú phải hứa danh dự là giữ kín tin tức nhé?

- Danh dự!

- Tốt, đó là con Daffodil.

- Daffodil? Chú nghi ngờ đấy! Thế còn con Mirza?

- Cháu chỉ biết con ngựa thắng cuộc. Đó là Daffodil.

- Daffodil? Hừm...

Daffodil là con ngựa không chút tiếng tăm.

- Chú này...

- Gì cháu?

- Chú đừng tiết lộ tin đó nhé? Cháu đã hứa với Bassett rồi.

- Bassett? Anh ta dính dáng gì ở đây?

- Chúng cháu là bạn cùng phe từ lâu rồi. Chú này, cháu mượn cậu ấy năm shilling và thua hết. Cháu đã hứa danh dự với cậu ấy là chỉ có hai người biết... cho đến hôm đó, cháu xin chú mười shilling, cháu đã thắng, thắng bằng tiền của chú nên cháu nghĩ chú là người may mắn. Chú hứa không tiết lộ tin Daffodil sẽ về nhất nhé?

Thằng bé nhìn chú nó trừng trừng, ánh mắt rục lên. Người chú cười nhưng trong lòng thấy khó chịu. Có cái gì...

- Được, chú hứa... cháu tin là Daffodil về nhất à? Cháu đánh bao nhiêu cho nó?

- Tất cả tiền cháu có, chỉ chừa lại hai mươi bảng.

Ông chú nghĩ nó nói đùa.

- Cháu để dành lại đến hai mươi bảng thật à? Vậy là cháu đánh cá bao nhiêu?

Thằng bé nghiêm nghị.



- Cháu cá ba trăm bảng. Nhưng chú phải hứa danh dự là không nói với ai đấy nhé?

Người chú phá lên cười.

- Được, được thôi, chỉ có chú và cháu... nhưng ba trăm bảng của cháu đâu?

- Bassett giữ cho cháu, người cùng phe mà.

- Thật chú? Thế Bassett cá bao nhiêu?

- Cậu ấy không dám cá nhiều như cháu, chỉ một trăm năm mươi.

- Cái gì? Cháu ba trăm, Bassett một trăm năm mươi... xu?

- Bảng!

Thằng bé nhìn chú nó, vẻ mặt ngạc nhiên, tiếp.

- Bassett sợ thua nên dành tiền lại.

Ngạc nhiên lẫn thích thú, Oscar im lặng, không bàn cãi nữa. Ông quyết định đưa cháu đến trường đua Lincoln. Ông nói.

- Nào, cậu bé mơ mộng, tôi sẽ cá hai mươi bảng cho con Mirza, tôi cho cậu năm bảng vào bất cứ con nào cậu thích. Con nào?

- Daffodil.

- Đừng, đừng cá đến năm bảng cho con Daffodil.

- Cháu sẽ đặt cược năm bảng cho nó nếu là tiền của cháu.

- Thôi được, tao cũng theo mày xem sao, năm bảng phần mày, năm bảng phần tao, cho con Daffodil.

Đây là lần đầu tiên thằng bé được đến trường đua ngựa. Mắt nó rục rứa. Miệng nó mím chặt. Một người Pháp trước mặt nó cá con Lancelot, rất phấn khích, vung tay la hét.

- Lancelot! Lancelot!

Daffodil về nhất. Lancelot về nhì. Mirza về ba. Thằng bé mặt đỏ bừng, mắt long lanh nhưng thái độ nó trầm tĩnh kỳ lạ. Chú nó lãnh tiền, đưa nó bốn tờ giấy năm bảng, một ăn bốn. Ông hỏi nó.

- Cháu định làm gì?

- Cháu nghĩ chúng ta nên gặp Bassett. Bây giờ cháu đã có 1.500 bảng, với 20 bảng dành lại, và với 20 bảng này...

Chú nó nhìn nó một lúc.

- Này cháu, cháu nói thật về Bassett và về 1.500 bảng đó chứ?  
- Danh dự! Nhưng chú hứa danh dự không nói với ai đấy!  
- Nhưng chú phải gặp Bassett cái đã.  
- Nếu chú thích thì nhập phe chúng cháu đi. Chú chỉ phải hứa không tiết lộ những gì cháu nói. Cháu và Bassett rất may mắn, chú cũng may mắn vì nhờ 10 bảng chú cho nên cháu mới thắng...

Oscar đưa Bassett ra công viên. Bassett nói.

- Mọi chuyện như vậy, thưa ông... cậu Paul cứ bắt tôi phải giảng giải về đua ngựa và tin tức những cuộc đua. Cậu tỏ ra tinh tế về môn này. Cậu biết trước tôi sẽ thắng hay thua. Mọi chuyện bắt đầu hơn một năm nay. Hôm đó tôi cho cậu mượn năm shilling, cá con Blush và thua. Rồi với mười shilling xin ông, cậu ấy cá con Shinghalese, thắng. Từ đó cậu thắng đều đều... cậu nói đi, cậu Paul.

- Cháu thắng khi cháu chắc chắn. Khi không chắc lắm, cháu sẽ thua.

Ông chú mỉm cười.

- Thế khi nào cháu không chắc chắn?

Bassett xen vào, giọng đầy bí ẩn.

-Thưa ông, đó là điều kỳ lạ, cậu ấy biết chắc chắn như có Thượng đế mách bảo vậy... chẳng hạn như con Daffodil, cậu ấy nói chắc như đóng đinh.

Oscar hỏi.

- Anh có cá con Daffodil không?

- Thưa có, nhưng không nhiều bằng cậu ấy.

- Nó đánh bao nhiêu?

Bassett lưỡng lự nhìn Paul. Nó nói.

- Tôi thắng 1.200 bảng phải không Bassett? Với 300 bảng vốn là 1.500.

Bassett gật đầu. Thắng bé la lên, xen vào.

- Với 20 bảng giữ lại, và 20 bảng lúc này thắng con Daffodil!

Oscar lẩm bẫm.

- Lạ thật!

- Thưa ông, xin ông bỏ lỗi cho vì lời này: nếu cậu ấy mời ông nhập phe chúng tôi... nếu tôi là ông thì tôi không từ chối đâu.

Oscar ngẫm nghĩ rồi nói.

- Khoan, lấy tiền cho tôi coi đã!

Họ trở về nhà và Bassett lấy cho ông chú của Paul xem 1.500 bảng toàn tiền giấy mới tinh và 20 bảng dành lại.

- Chú thấy đấy, khi chắc chắn thì cháu sẽ thắng. Chúng ta sẽ giàu phải không Bassett?

- Đúng.

Người chú cười.

- Thế thì bao giờ chúng ta chắc chắn?

- Ồ... thỉnh thoảng cháu chắc chắn... như Daffodil... cũng có lúc cháu không nghĩ được, phải không Bassett? Lúc đó chúng ta phải cẩn thận nếu không thì...

- Đúng, đúng! Thế khi cháu chắc chắn, như Daffodil chẳng hạn, cái gì làm cháu chắc chắn?

Thằng bé tỏ vẻ khó chịu.

- Cháu không biết... khi cháu nghĩ con ngựa nào về nhất và tin chắc thì cháu sẽ thắng, thế thôi.

Bassett xen vào.

- Như có Thượng đế mách nước vậy!

Người chú nhún vai.

- Tôi cũng nghĩ thế.

Ông thành người phe họ.

Và khi cuộc đua Leger đến, Paul chắc chắn con Spark mà nó là một con ngựa tồi tệ. Nó cá 1.000 bảng, Bassett 500, chú Oscar 200.

Spark về nhất, tỉ lệ cá một ăn mười. Paul thắng 10.000 bảng. Nó nói.

- Chú thấy chưa? Cháu đã nói là chắc chắn mà!

Oscar là người đặt cược ít nhất mà cũng thắng 2.000 bảng, một số tiền không nhỏ. Ông nói.

- Này cháu, việc này làm chú căng thẳng thật đấy!

- Đừng bận tâm chú ạ! Có lẽ cháu sẽ không chắc chắn trong một thời gian dài đấy.

- Nhưng cháu định làm gì với số tiền này?

- Dĩ nhiên cháu sẽ cho mẹ cháu. Mẹ cháu nói mẹ cháu không may mắn vì bố cháu là người không may mắn. Nhưng cháu may mắn, vì thế cháu nghĩ sẽ không còn lời thì thầm đó trong nhà nữa.

- Cái gì thì thầm?

Thằng bé bồn chồn.

- À, à... cháu không biết... hình như nó luôn nói về việc thiếu hụt tiền nong... có lẽ chú biết...

- Chú hiểu.

- Chú biết người ta thường gửi những hóa đơn đòi tiền mẹ cháu chứ?

- Biết.

- Và những lời thì thầm, như có người cười nhạo sau lưng cháu vậy... dễ sợ lắm! Cháu nghĩ nếu cháu gặp may thì...

- Thôi, tốp!

Thằng bé nhìn ông chú bằng đôi mắt mở to. Trong ánh mắt nó có tia lửa vừa nóng bỏng vừa lạnh lẽo ma quái. Nó im. Chú nó hỏi.

- Thế nào? Cháu định làm gì tiếp?

- Cháu không muốn mẹ cháu biết cháu là người may mắn.

- Tại sao?

- Mẹ cháu sẽ cấm cháu.

- Chú không nghĩ mẹ cháu sẽ cấm đâu.

Thằng bé bỗng nói như rít lên.

- Không! Chú Oscar! Cháu không muốn mẹ cháu biết!

- Được, cậu bé mơ mộng! Chúng ta sẽ tìm cách để mẹ cháu không biết.

Họ dễ dàng xoay xở. Theo đề nghị của Oscar, Paul đưa cho chú nó 5.000 bảng. Ông gửi cho người luật sư riêng của gia đình. Ông này báo cho mẹ Paul là có người bà con của mẹ nó gửi ông 5.000 bảng, bảo mỗi năm giao cho nàng 1.000 bảng vào ngày sinh nhật của nàng.

Chú Oscar nói.

- Vậy là bà ấy có 5.000 bảng trong năm năm. Chú mong rằng số tiền ấy sẽ làm cho bà ta dễ thở đôi chút.

Ngày sinh nhật của mẹ Paul vào tháng mười một.

Căn nhà “thì thằm” còn tệ hơn trước. Tuy bây giờ nó đã gặp may nhưng thằng bé vẫn không chịu nổi. Nó nôn nóng chờ kết quả của bức thiệp mừng sinh nhật báo cho mẹ nó biết về số tiền.

Hình như ngày nào mẹ nó cũng lên tinh. Ngẫu nhiên nàng biết mình có khiếu vẽ trên vải và da thú. Nàng làm việc kín đáo trong nhà một người bạn mà người đó nhận vẽ cho các hiệu buôn vải. Vẽ hình những người con gái trên da thú, trên tơ lụa, vẽ cả những hoa văn quảng cáo trên báo. Người bạn nàng kiếm được vài ngàn bảng mỗi năm nhưng nàng chỉ kiếm được vài trăm bảng và nàng lại không vừa lòng. Nàng muốn xuất sắc ở một cái gì đó nhưng nàng không bao giờ thành công, ngay cả vẽ quảng cáo cho báo chí.

Nàng xuống phòng ăn vào sáng hôm sinh nhật mình. Paul nhìn mặt mẹ nó xem đã đọc bức thiệp chưa. Nó thấy có cái thiệp của người luật sư trong đó. Mặt mẹ nó lạ lạ. Nàng giấu bức thư, không nói một lời. Paul hỏi.

- Không có cái thiệp nào làm mẹ vui à?

Giọng nàng lạnh lùng thờ ơ.

- Có một cái...

Không nói gì, nàng lên tinh.

Trưa hôm đó chú Oscar đến. Ông nói mẹ Paul đã gặp người luật sư, hỏi rằng có thể nhận hết số tiền đó một lần không, cả 5.000 bảng, vì nàng đang nợ ngập đầu.

- Chú nghĩ sao?

- Đó là quyền của cháu.

- Cho mẹ cháu hết đi! Chúng ta còn tiền mà! Chúng ta sẽ kiếm được tiếp!

- Nhưng một đồng trong tay thì chắc hơn hai đồng chưa có đầy cậu bé mơ mộng ạ!

- Nhưng cháu sẽ thắng trong cuộc đua ở trường đua National hoặc Lincoln, có thể là ở Derby. Chắc chắn cháu sẽ thắng một trong những cuộc đua đó.

Thế là Oscar ký giấy và mẹ Paul lãnh trọn số tiền. Nhưng chuyện quái dị vẫn tiếp diễn. Những lời thì thầm càng nhiều hơn, điên loạn hơn, như bản hợp xướng của sương mù trong buổi tối mùa đông. Đã có những đồ dùng, đồ trang trí mới trong nhà và Paul có thầy dạy kèm tại nhà. Mùa thu sắp đến, nó sắp được đi học.

Mùa đông năm nay trong nhà cũng có hoa, toàn hoa đắt tiền mà mẹ nó mua về. Trong những bó hoa rực rỡ phát ra những lời thì thầm mê hoặc, kỳ dị: “Ô, ô...! Phải có tiền bây giờ!...Phải có nhiều tiền hơn nữa!...Ngay bây giờ! Ngay bây giờ! Ngay bây giờ!... Phải có nhiều tiền hơn... Ngay bây giờ...” Nó làm Paul sợ hãi. Nó lơ đãng trong giờ học. Những giờ miệt mài của nó là với Bassett. Cuộc đua ở National đã qua và Paul không chắc chắn, nó thua 100 bảng. Mùa hè đến, nó mong chờ từng ngày cuộc đua ở Lincoln. Nhưng nó cũng không chắc chắn và thua 50 bảng. Mắt nó trở nên man rợ, kỳ quái như có cái gì sắp nổ tung trong nó. Chú Oscar bảo nó.

- Đừng nghĩ nữa cháu! Đừng bận tâm làm gì nữa!

Nhưng thằng bé nào có nghe chú nó nói gì. Nó gặt gồng, mắt nó lộ vẻ điên dại.

- Cháu phải biết con nào thắng trong cuộc đua ở Derby. Cháu phải biết! Cháu phải biết!

Mẹ nó thấy sự căng thẳng khác thường ở nó.

- Con nên đi nghỉ mát ở bãi biển, đi càng sớm càng tốt, mẹ nghĩ con sẽ khỏe.

Nàng nhìn nó, lòng chùng xuống. Một cái gì đè nặng trên vai nàng. Nhưng thằng bé ngược mắt ma quái nhìn mẹ nó.

- Con không thể đi trước khi cuộc đua ở Derby bắt đầu, không thể được!

Người mẹ thấy tâm hồn nặng trĩu hơn khi bị nó phản đối lần đầu tiên.

- Tại sao? Tại sao không? Ở đó con vẫn có thể đến trường đua Derby với chú Oscar mà. Sao... mẹ thấy có bao giờ con gắn bó với căn nhà này đâu. Mẹ thấy con bận tâm nhiều đến đua ngựa rồi đấy, không tốt đâu. Gia đình ta đã khổ sở vì cờ bạc, lớn lên con sẽ hiểu tác hại của cờ bạc cho bản thân và gia đình. Mẹ sẽ cho Bassett nghỉ việc và yêu cầu chú Oscar không

nói chuyện ngựa đua với con nữa, trừ khi con hứa phải ngoan ngoãn, đi nghỉ mát ở biển và quên đi... con căng thẳng quá rồi đấy!

- Con hứa sẽ làm theo lời mẹ miễn mẹ hứa không đuổi con đi trước khi cuộc đua ở Derby bắt đầu.

- Mẹ đuổi con? Đuổi đi đâu? Này Paul... cái gì làm con quyến luyến căn nhà này vậy? Có cái gì... có bao giờ con tỏ ra yêu thích căn nhà này đâu?

Nó chỉ nhìn mẹ nó, không nói một lời. Nó có bí mật riêng. Bí mật ấp ủ trong bí mật. Nó không tiết lộ cho ai biết, ngay cả với chú Oscar và Bassett. Mẹ nó lưỡng lự rồi nói như hờn dỗi.

- Thôi được, tùy con, nhưng phải hứa với mẹ là không được căng thẳng vì chuyện đua ngựa nữa.

Thằng bé nói, ra vẻ tự nhiên.

- Con có nghĩ gì đâu. Mẹ đừng lo nhé! Nếu là mẹ con chẳng phải lo nghĩ gì.

- Mẹ cũng chẳng phải bận tâm mệt trí làm gì với những chuyện vợ vẫn nếu mẹ là con.

Nó lặp lại.

- Nhưng mẹ không phải lo lắng gì cả.

Người mẹ đáp, giọng mệt mỏi.

- Sao không lo?

- Không! Mẹ phải biết là mẹ không nên lo lắng gì cả!

- Sao? Mẹ phải biết ư?

Sự bí mật của Paul là con ngựa gỗ không tên. Từ ngày không cần cô coi trẻ túc trực, con ngựa gỗ được đưa lên phòng nó trên lầu. Mẹ nó thường trách.

- Con lớn rồi, cưỡi ngựa gỗ trông kỳ lắm!

Nó đáp thật kỳ lạ.

- Vâng, cho đến khi có một con ngựa thật. Bây giờ con cần một con ngựa làm bạn.

Nàng cười.

- Nó làm con vui à?

- Vâng! Nó tốt lắm, luôn đưa con đến đó!

Cuộc đua ở Derby đến gần. Thăng bé căng thẳng hơn. Hầu như nó không ý thức được mọi việc xung quanh nữa và nó rất khác lạ. Mắt nó trở nên ma quái hơn. Mẹ nó thỉnh thoảng có những linh cảm bất thường về nó. Một thứ linh cảm chết chóc. Nàng thường chạy đến chỗ nó, xem nó có khỏe không.

Hai đêm trước cuộc đua Derby, nàng đi dự dạ hội trên tỉnh. Đang lúc vui vẻ thì linh cảm đó chợt ập đến, bóp nghẹt tim nàng làm nàng không chịu nổi. Nàng xua đuổi nó bằng sự tỉnh táo, bằng lý trí vì nàng không tin dị đoan. Nhưng nó quá mạnh mẽ. Nàng phải rời sàn nhảy, xuống nhà gọi điện thoại cho người coi trẻ. Cô coi trẻ kinh hoàng vì bị dựng dậy giữa đêm khuya.

- Các cháu bình thường chứ?

- Vâng, bình thường cả...

- Paul... có khỏe không?

- Cậu đi ngủ sớm... tôi lên xem nhé?

Nàng không muốn sự riêng tư của con trai bị xâm phạm.

Nàng cùng chồng trở về nhà lúc một giờ sáng. Tất cả im lìm. Nàng bảo người tớ gái cứ đi ngủ. Chồng nàng đang pha nước cam ở trong bếp.

Vì sự xao xuyến vẫn bóp nghẹt tim nàng, thật nhẹ nhàng, nàng lên lầu, đến phòng Paul. Hành lang im lìm. Có tiếng gì trong phòng thăng bé khe vọng ra. Cái gì vậy?

Nàng đứng đó, ngoài cửa phòng, lắng nghe. Tiếng động kỳ lạ, không lớn lắm. Nó nặng nề, man rợ như từ cõi khác vọng lại. Cái gì vậy? Trời ơi, nó là cái gì vậy? Nàng đoán và biết là cái gì rồi. Nhưng nàng không dám chắc, không thể nói chắc đó là tiếng gì.

Nó vẫn tiếp tục, điên loạn...

Lạnh toát người vì sợ hãi, nàng xoay tay nắm cửa.

Căn phòng tối đen. Bên cửa sổ lờ mờ, nàng thấy có cái gì lắc lư. Nàng nhìn nó trân trân trong kính nguyệt. Thật nhanh, nàng bật công tắc đèn và thấy con trai mình. Nó đang ngồi trên con ngựa gỗ, lắc lư điên dại. Ánh đèn thỉnh thoảng sáng nó và thỉnh thoảng sáng nàng. Nàng hét lên.



- Paul! Con làm gì vậy!

Nó cũng hét lên, giọng mạnh mẽ và kỳ dị.

- Đó là Malabar! Đó là Malabar!

Mắt nó nhìn nàng không chút thần sắc. Nó cànng thúc con ngựa dữ dội hơn và nó té rất mạnh trên sàn. Nàng thấy tim mình thót lại, vội chạy đến bên con trai, bế nó lên.

Nhưng thằng bé đã bất tỉnh. Sau đó nó tỉnh lại nhưng không nhận biết gì được nữa vì bị viêm não. Nó trần trọc, nói sảng. Mẹ nó ngồi suốt với nó.

- Malabar! Malabar! Bassett đâu, tôi biết rồi, đó là Malabar!

Thằng bé gượng dậy đến bên con ngựa gỗ, vỗ về, cảm ơn nó đã truyền thông điệp. Người mẹ kinh hãi hỏi.

- Nó nói Malabar nghĩa là gì?

Bố nó đáp lạnh lùng.

- Tôi không biết.

Nàng hỏi Oscar.

- Nó nói Malabar nghĩa là gì?

- Đó là tên một trong những con ngựa ở cuộc đua tại Derby sắp tới.

Oscar báo cho Bassett biết và chính ông ta cá cược 1.000 bảng cho con Malabar, một ăn mười bốn.

Ba hôm sau, bệnh tình thằng bé có chiều nguy ngập. Mọi người trông chờ một phép lạ. Thằng bé cứ trần trọc, mê sảng. Nó không ngủ, cũng không hồi phục trí nhớ. Đôi mắt nó thất thần. Mẹ nó túc trực bên cạnh, lòng tan nát.

Tối hôm đó Oscar không đến nhưng Bassett đến, xin được vào thăm Paul một chút, chỉ xin một phút thôi. Nàng đã cho anh ta nghỉ việc từ hôm đó, bực mình vì anh ta đến nhưng bằng lòng cho anh ta vào vì biết đâu Bassett sẽ làm thằng bé tỉnh trí lại.

Anh ta bước nhẹ nhàng vào phòng, chào nàng rồi đến bên Paul, nhìn vào cặp mắt của đứa bé mê sảng, sắp chết. Anh nói thật khẽ khàng.

- Cậu Paul... Cậu Paul! Malabar về nhất, ăn trắng! Tôi đã làm theo lời cậu. Cậu đã thắng hơn 70.000 bảng, tổng cộng cậu có hơn 80.000 bảng. Malabar thắng rồi, cậu Paul!

- Malabar! Malabar! Phải con nói Malabar sẽ thắng không mẹ? Phải con đã nói thế không? Mẹ có nghĩ con may mắn không? Con biết Malabar sẽ về nhất mà! Hơn 80.000 bảng! Con biết mà! Thế là Malabar đã về nhất... nếu tôi cưới con ngựa của tôi cho đến khi tôi chắc chắn, tôi sẽ báo cho cậu biết, Bassett, cậu thắng bao nhiêu?

- Tôi cá 1.000, thắng 14.000.

- Con chưa bao giờ nói với mẹ rằng nếu con cưới con ngựa gỗ của con thì con sẽ đến đó, con sẽ tuyệt đối chắc chắn! Mẹ, phải con là người may mắn không mẹ? Con may mắn lắm mà!

- Không, mẹ không nghĩ thế, con không bao giờ may mắn cả!

Thằng bé chết trong đêm đó.

Mẹ nó ngồi bên xác nó, tiếng người chú vọng bên tai nàng.

- Trời ơi, chị Hester! Chị có hơn 80.000 bảng để cưới và một đứa con để khóc... thằng bé khốn khổ... nó đã ra đi một cách tốt đẹp trên lưng con ngựa gỗ của nó để tìm cho ra con ngựa về nhất...

# Canh Bạc

Alfred Hitchcock

**T**rời nắng như đổ lửa, ánh nắng cháy bỏng phủ lên hòn đảo đơn độc giữa biển.

Hắn không biết mình đang ở đâu, chỉ biết mình vừa thoát chết. Con tàu chìm mau sau khi va phải đá ngầm đêm qua. Thuyền cứu hộ và phao cứu sinh được thả nhanh xuống biển nhưng quá nhiều hành khách kinh hoàng nên hỗn loạn diễn ra, hậu quả là đa số thuyền cứu hộ bị lật. Có lẽ hắn là người duy nhất còn sống sót. Hắn văng xuống biển khi thuyền cấp cứu của hắn bị lật. Hắn bơi rất giỏi. Nhưng bơi giỏi đến mấy thì phỏng ích gì khi ở giữa biển? Hắn kiệt lực khi trời tờ mờ sáng.

Khi mọi nỗ lực, mọi hy vọng đã tàn, chỉ còn lại cảm giác rã rời cả tinh thần lẫn thể xác thì hắn chỉ muốn buông xuôi tất cả mặc cho thân xác chìm xuống biển. Lúc đó hắn chỉ thèm được nghỉ ngơi, thư giãn, chỉ khao khát được yên nghỉ dù là mãi mãi. Cái chết bấy giờ chẳng có gì là đáng sợ như người ta thường nói.

Ngay lúc đó một cái gì chạm vào tay hắn.

Một cái phao!

Có lẽ là một trong những cái phao cứu sinh của con tàu đó. Hy vọng sống còn lại trỗi dậy trong hắn. Hắn chụp lấy nó, ôm chặt. Hắn trôi trên biển đến trưa. Ánh nắng gay gắt, chói chang. Những cuộn sóng ập đến, nhắc nhở hắn lên rồi ném xuống. Nước biển mặn chát trong miệng hắn. Hắn không dám mở miệng ra nữa. Cổ họng khô đắng, hắn bắt đầu thấy chóng mặt. Bỗng hắn thấy một chấm đen ở phía chân trời. Hắn mở to mắt... một con tàu! Hắn đập chân như điên, cố bơi về hướng đó, một tay giữ cái phao, một tay giơ lên quơ liên hồi, miệng gào to. Chiếc tàu lớn dần rồi nó

rẽ sang hướng khác. Hãn cuống cuống bơi theo một cách tuyệt vọng. Hãn kêu gào. Hãn khóc rống lên, tay quơ điên dại.

Con tàu từ từ mất dạng. Hãn không bơi nữa, không la hét nữa, mắt ngây dại như vừa trông thấy một ảo ảnh. Rồi hãn bật khóc, khóc nức nở.

Hãn mặc cho sóng đưa đẩy, lênh đênh trên biển. Đêm xuống. Đêm trên biển lạnh buốt. Hãn không còn bao nhiêu sức lực nữa. Hãn chỉ biết bám chặt lấy cái phao, đầu óc trống rỗng.

Một cuộn sóng lớn ập đến hất văng cái phao trong tay hãn. Chới với tuyệt vọng trong màn đêm dày đặc. Giữa sóng nước mênh mông, hãn nghĩ thầm: “Thế là hết!”.

Hãn muốn buông xuôi tay nhưng bản năng đòi quyền sống. Hãn nổi người trên biển, mặc cho sóng đưa hãn đi. Sau cùng, hãn kiệt lực hoàn toàn và đúng vào lúc hãn sắp mặc cho thân xác chìm xuống biển thì một bên vai hãn chạm vào cái gì cứng như đá.

Hãn quơ tay sờ soạng. Đúng, tay hãn chạm mặt đá cứng! Đất liền à? Hãn không rõ. Hãn leo lên, loạng choạng. Hãn ngồi xuống. Đến lúc này, cái mệt rã rời ập đến, bản năng đòi hỏi được đền bù. Hãn ngất đi.

Hãn tỉnh lại khi ánh mặt trời chói chang rọi trên mặt hãn. Ánh nắng rất bóng. Cỗ họng hãn khô đắng, người hãn bưng bưng như lên cơn sốt. Gượng đứng dậy, hãn lảo đảo bước đi, nhìn quanh. Nước mênh mông. Hãn đang ở trên một hòn đảo nhỏ, đường kính khoảng hơn ba mươi mét. Có lẽ đây là ngọn một quả núi nhỏ dưới biển. Trên đảo không cây cối, vài chỗ có đất, còn toàn là đá, mặt đá lồi lõm, rải rác những tảng đá lớn nhỏ...

Không chết dưới biển cũng chết ở đây, hãn nghĩ thầm, mà cái chết này có lẽ còn ghê gớm hơn. Hãn thất thểu bước đi. Sau khi xem xét hòn đảo nhỏ, hãn hoàn toàn tuyệt vọng. Liệu người ta có tìm đến đây không? Đoàn cứu hộ đi tìm dấu vết con tàu đắm đêm kia có ngờ rằng có người trôi dạt đến đây không? Nơi này có trên bản đồ hàng hải không? Nơi đây cách chỗ đắm chừng bao xa? Nhiều ý nghĩ quay cuồng trong cái đầu bưng bưng của hãn. Hãn thấy đói cồn cào và khát, khát ghê gớm. Có thể sẽ có người đến đây, nhưng bao giờ? Ngày mai, tuần tới, tháng tới? Hãn ăn gì để sống?

Uống gì? Làm thế nào sống được đến lúc có người xuất hiện? Mà người ta đến đây làm gì chứ?

Hắn lại thấy đói, cái đói cồn cào nhộn nhạo trong bụng hắn. Đã gần hai ngày đêm không được ăn gì, chỉ uống mà lại uống toàn nước biển! Hắn nghĩ thầm: “Tình trạng này mình sống được bao lâu?”

Ánh mắt thần thờ của hắn tình cờ nhìn thấy một vật nổi trên mặt biển. Hắn nhìn kỹ... hình như một cái thùng gỗ. Hắn đứng dậy bước tới nhìn cho rõ. Sóng đang đưa nó vào bờ. Đúng là một cái thùng gỗ. Thùng gì vậy? Hắn bước tới nữa, sát mép hòn đảo. Sóng đánh nước bắn lên chân hắn. Cái thùng gỗ đã đến vừa tầm tay, hắn nắm lấy nó bằng hai tay, nhấc lên. Đó là một cái thùng gỗ hình vuông, cạnh khoảng sáu mươi phân. Nắp thùng có then cài. Hắn mở ra. Trong thùng là một cái hộp bằng giấy dầu khá dày và một cái can bằng nhựa. Nước chỉ lọt vào khoảng một phân. Hắn mừng muốn hét lên vì thấy thủy thủ trên tàu dùng những cái can như vậy để chứa nước ngọt. Hắn mở nắp cái hộp giấy dầu... hơn nửa hộp bách bích-qui! Hắn mở can ném thử chất nước trong đó, đúng là nước ngọt! Hắn dốc vào miệng... nước! Trời ơi, nước! Nước không màu không mùi mà sao ngon thế! Đặt can nước xuống, hắn bóc bánh ăn ngẫu nhiên. Ăn được mười cái, hắn sực nhớ. Không, không được phí phạm! Phải nghĩ đến những ngày tới. Hắn nhìn can nước, còn nhiều, ít nhất phải tám lít. Hắn đếm bánh... còn bảy mươi lăm cái. Hắn tính nhẩm: “Mỗi ngày mình ăn mười cái thì được hơn bảy ngày, không, vậy thì phí quá, sáu cái thôi. Sáng, trưa, tối, mỗi bữa hai cái và một ngụm nước... như thế sẽ được hơn mười hai ngày... rất có thể trong thời gian đó sẽ có tàu thuyền đi ngang qua đây... có thể lâu hơn... mình phải ăn bớt đi, mỗi ngày bốn cái thôi... nhưng... như vậy sao sống nổi? Không sao, người ta có thể nhịn đói lâu hơn nhịn khát, mình phải tiết kiệm nước...”

Hắn xếp tất cả chỗ bánh vào hộp giấy dầu, vặn chặt nắp can nước, bỏ tất cả vào thùng gỗ, đóng nắp cài then cẩn thận rồi đi quanh đảo, nhìn tứ phía. Không bóng dáng một chiếc tàu nào, chỉ có nước mênh mông..

Trời bắt đầu tối. Hắn tìm một chỗ đá bằng phẳng để nằm, đặt cái thùng gỗ bên cạnh. Người hắn vẫn hâm hấp như sốt. Hắn nghĩ thầm: “Có lẽ cái

thùng gỗ này rơi từ một trong những thuyền cứu hộ đêm kia... không biết nó sẽ cứu mình hay chỉ kéo dài cái chết của mình?" Suy nghĩ miên man và hần thiếp đi.

Khi hần tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao. Hần mở thùng gỗ, lấy ra hộp bánh và can nước. Hần ăn hai cái, không dám ăn nhiều hơn. Hần nhâm nhi từng chút hương vị ngọt thơm của đường, trứng, sữa, bơ. Chưa bao giờ hần thấy bánh bích-qui ngon như thế. Ăn xong, hần uống nước, chỉ dám uống một ngụm rồi cẩn thận xếp hộp bánh và can nước vào thùng gỗ. Người hần vẫn như đang sốt. Ánh nắng bắt đầu gay gắt. Vậy là đã bốn ngày trôi qua, hai ngày trên biển, hai ngày trên đảo. Liệu hần có còn được trông thấy đất liền không? Có cơ hội gặp lại gia đình, người thân không? Hần là nhà sưu tập tem. Hần đi từ Úc đến nhiều nước để xem những con tem quý mà người ta báo cho hần biết. Hần không đem theo nhiều tiền mặt, chỉ có ngân phiếu. Tập ngân phiếu đã chìm theo con tàu. Hần bỗng sực nhớ, thò tay vào túi. Nó vẫn còn. Hần lấy ra một tờ giấy năm mươi đô-la nhàu nát và một cái kính lúp khá dày. Cái kính dùng để coi tem. Cái bật lửa mạ vàng ở túi kia đã rơi mất. Nhưng những thứ còn lại này giúp được gì cho hần? Hần bỏ lại tờ giấy bạc và năm mươi đô-la vào túi áo, ngồi thừ người nghĩ ngợi.

\*\*\*

Tối hôm đó hần ăn hai cái bánh, uống một ngụm nước rồi nằm ngủ. Ngày nóng như thiêu. Đêm lạnh cắt thịt, lại không có chỗ trú. Thế là hần ốm. Hần lên cơn sốt dữ dội. Hần rên rỉ trong cơn nhức đầu dữ dội, trong cái lạnh của đêm trên biển, trong cơn đói khát... hần ngủ hay ngất đi lúc nào không hay.

Sáng hôm sau hần vẫn thấy trong người bưng bưng và cơn nhức đầu mới càng ghê gớm. Hần ăn hai cái bánh rồi uống một ngụm nước. Cổ họng khô khốc, hần muốn uống thêm một ngụm nước nữa nhưng không dám. Hần đứng dậy, lảo đảo đi quanh. Lát sau, hần trở lại bên thùng gỗ. Ngay khi sắp ngồi xuống, hần thấy thấp thoáng bóng một con tàu mãi xa phía chân trời. Hần đứng bật dậy, quên cả đói khát mệt mỏi. Cơn nhức đầu cũng biến mất. Chạy nhanh đến mép hòn đảo, hần giơ hai tay vẫy một cách điên cuồng. Con tàu từ từ mất dạng. Hần quy xuống, khóc nức nở. Thế là hết!

Khóc chán, hần đứng dậy trở về chỗ cái thùng gỗ. Bỗng trong đầu hần nảy ra ý nghĩ: “Ừ... sao mình không nghĩ ra nhỉ? Sao mình ngu quá vậy!”. Hần bước đến bên cái thùng gỗ, mở nắp lấy hộp bánh và can nước ra ngoài. Hần giơ cao cái thùng gỗ, đập mạnh xuống đất. Lát sau hần gom tất cả mảnh gỗ lại thành một đống. Cầm cái kính lúp trong tay, ngắm nghía: “Ánh nắng xuyên qua kính hội tụ đủ để bắt lửa... nếu có tàu đi ngang qua mình sẽ đốt... họ sẽ thấy khói...”. Ý nghĩ khác bỗng đến: “Trường hợp tàu đi ngang qua ban đêm thì sao, lúc mình đang ngủ?”. Lắc đầu chán nản. Tuy thế, hần vẫn hy vọng. Cơn nhức đầu trở lại, miệng hần đắng ngắt. Ánh nắng bắt đầu thiêu đốt thân xác khốn khổ của hần. Nheo mắt nhìn ra biển... có cái gì... một cái thùng gỗ nữa! Hần đứng bật dậy, chạy tới. Nó đang tấp vào bờ. Ngay sau đó hần nhận ra đó là một cái thùng rỗng, không có nắp. Định quay đi thì hần sực nhớ: “Ồ... phải có thật nhiều khói...”. Hần đến mép đảo vừa lúc cái thùng dạt vào tầm tay hần. Nó lớn hơn cái thùng kia, gàn gập đôi. Hần lại đập nát nó ra, chất thêm vào chỗ gỗ trước. Bây giờ thì đống gỗ ấy đủ để quay chín một con heo.

Xế chiều, hần ăn hai cái bánh và uống một ngụm nước. Hần vẫn sốt, cơn nhức đầu vẫn không giảm. Đêm xuống, hần mệt nhọc thiếp đi...

Sáng hôm sau hần thức giấc trong cảm giác kỳ lạ. Cơn sốt vẫn còn nhưng cơn nhức đầu giảm bớt. Hần linh cảm có cái gì bất thường trên đảo. Nặng nhọc, hần đứng dậy nhìn quanh và thấy...

Cách hần độ bảy, tám mét, một con chuột khá to đang đứng trên một tảng đá lớn. Nó đảo mắt nhìn quanh. Hần sững người giây lát rồi cười chua chát: “Mày cũng chết khô trên hòn đảo này như tao thôi!”. Có lẽ nó cũng trên con tàu đó, trong hầm chứa lương thực, trôi dạt đến đây. Hần bỗng thấy thích thú vì không phải chỉ mình hần trên đảo này. Hần có bạn! Con chuột nhảy xuống và biến mất sau những tảng đá. Không nghĩ đến nó nữa, hần mở hộp bánh lấy ra hai cái và nhấm nháp từng chút. Nửa giờ sau hần ăn hết hai cái bánh, không để rơi vãi đi đâu một chút nào. Uống một ngụm nước rồi hần đứng dậy đi quanh đảo. Vẫn trên trời dưới nước. Nước mênh mông. Không một bóng tàu thuyền nào. Hần đi quanh, nhìn về phía xa hút tầm mắt, hy vọng, trông mong...

Lát sau, cảm thấy mệt, hắn trở lại chỗ cũ. Vừa ngồi xuống thì hắn nghe có tiếng động. Cái gì vậy? Tiếng động lại phát ra, ngay bên cạnh hắn, trong hộp bánh. Hắn mở to mắt. Một lỗ thủng bên thành hộp.

Con chuột! Hắn chụp lấy cái hộp và nhanh như cắt, con chuột thò đầu ra, nhảy xuống chạy biến mất trước khi hắn kịp có phản ứng.

Nó ăn bánh của mình! Đồ khốn!

Hắn lấy hết bánh ra đếm lại. Hắn đã ăn mười cái thì phải còn sáu mươi lăm cái. Bây giờ chỉ còn bốn mươi cái nguyên vẹn, mười cái bị vỡ và vụn bánh... nó ăn hết gần mười ngày lương thực quý giá của hắn! Mắt hắn tóe lửa nhìn quanh. Không thấy nó đâu cả. Nhưng làm sao giết được nó? Hắn cởi áo khoác, đặt tất cả bánh nguyên và vỡ vào rồi cuộn lại. Hắn vét tất cả vụn bánh, để dành cho bữa chiều. Từ bây giờ hắn sẽ không rời gói bánh quý giá này nữa. Xăm tối, sau khi ăn xong chỗ vụn bánh, uống một ngụm nước, hắn lại thấy nhức đầu. Hình như cơn sốt tăng thêm. Hắn nằm xuống, hai tay ôm gói bánh và mau chóng rơi vào giấc ngủ mê mệt.

Hắn thức dậy sáng hôm sau, hốt hoảng khi thấy vụn bánh rơi vãi đầy trên ngực hắn, trên đất đá cạnh hắn. Cái áo rách một lỗ lớn. “Nó cắn thủng cái áo để ăn bánh!”. Điên cuồng, hắn giở tung cái áo ra. Chỉ còn hai mươi cái nguyên vẹn, chỗ còn lại là bánh vỡ và vụn bánh. Hắn ngồi chờ người một lúc rồi đứng dậy. “Nó phải chết!”.

Hắn gói chỗ bánh lại và xách đi. Hắn đi tìm con chuột. Chẳng thấy nó đâu cả. Lát sau, nhức đầu và mệt lả vì đói khát và cơn sốt, hắn ăn hết chỗ vụn bánh rồi trở lại chỗ để can nước. Hắn uống một ngụm rồi vặn nắp thật chặt trong lúc nghĩ cách bắt con chuột. Làm thế nào để bắt được nó bằng hai tay? Hắn lại đi tìm nó. Vẫn không thấy bóng dáng nó đâu cả. Thất thểu quay trở về, hắn đi men theo mép đảo. Đi ngang một tảng đá lớn hình bầu dục, một đầu bệch chìa ra ngoài biển như một cái cầu nhảy ở hồ bơi, nửa dưới nước, nửa trên cạn. Con chuột đang bơi ở đó. Hắn đứng lại. Nó đã thấy hắn. Nó giương đôi mắt tròn xoe nhìn hắn như trêu chọc. Hắn bước đến. Ngay lập tức, nó lặn xuống và mất hút. Hắn đứng chờ và chỉ chốc lát sau, hắn thấy nó nổi lên đằng kia, cách hắn vài mét và nó nhảy lên bờ. Hắn



mới bước tới được hai bước thì nó đã biến mất sau những tảng đá. Cơn giận cùng cơn sốt làm hăn ngây ngất cả người. Hăn không biết phải làm gì.

Ánh nắng lại tiếp tục thiêu đốt da thịt hăn. Hăn chợt nghĩ ra một cách để giấu bánh. Trên đảo có vài chỗ có đất. Hăn đến đó, dùng cán của cái kính lúp đào đất. Hăn đào từng chút, từng chút. Khi mồ hôi ướt đầm cái áo sơ-mi thì cái hố cũng vừa xong. Hăn đặt gói bánh vào đó. Lấp đất lại, kiểm một tảng đá lớn chặn lên trên. Vậy là yên trí. Chỉ có hăn mới biết chỗ giấu bánh và chỉ có hăn mới lấy lên được.

Suốt buổi chiều hăn ngồi chịu trận cho cái nắng ác độc hành hạ thịt da. Cơn sốt vẫn đeo đẳng, đầu vẫn nhức dữ dội. Trời tối, hăn đào đất, lấy gói bánh và chỉ dám ăn một cái, uống một ngụm nước. Hăn lấp đất và chặn tảng đá lại như cũ.

Đêm đó hăn ngủ ngon.

\*\*\*

Sáng hôm sau hăn quan sát bốn phía mặt biển một lúc rồi quay lại chỗ chôn bánh. Lật tảng đá, đào đất lên để rồi bật khóc. Cái áo rách tung. Có một lỗ ngằm bên dưới chỗ dấu bánh. Hăn mở cái áo rách bươm để nhìn thấy cảnh đau lòng. Chỉ còn chín cái nguyên vẹn, vài cái bánh vỡ và một ít vụn bánh. Hăn vừa khóc vừa quỳ xuống liếm hết chỗ vụn bánh. Hăn gói chỗ bánh còn lại vào cái áo rách nát rồi nặng nề đứng dậy, trở lại chỗ để can nước, thần thờ nhìn ra biển.

Lại một ngày cực hình. Ánh nắng hành hạ hăn không chút xót thương. Cái nắng ghê hồn làm da thịt hăn như bốc khói. Cơn sốt vẫn không giảm. Đầu hăn đau nhức khủng khiếp.

Đêm xuống, hăn ăn một cái bánh, uống một ngụm nước rồi đi nằm. Trải cái áo rách trên đất, hăn đặt tất cả bánh trên đó rồi nằm đè lên. Bánh vỡ hết cũng chẳng sao miễn là con chuột không thể ăn trộm...

Hăn giật mình thức giấc lúc nửa đêm. Hình như có tiếng động. Ở đâu? Có cái gì động đập dưới lưng hăn. Hăn ngồi dậy. Ánh trăng soi rõ chuyện không thể tin được. Con chuột đào một lỗ cách hăn vài tấc, trên mặt đất, đi ngằm xuống đất đến dưới lưng hăn. Chỉ còn ba cái bánh! Như hóa điên, hăn đứng dậy nhìn quanh. Ánh trăng tuy sáng nhưng không đủ nhìn thấy nó, mà

có lẽ nó cũng đã chạy mất rồi. Hãn không ngủ được nữa. Hãn ngồi đến sáng.

Khi mặt trời lên cao, hãn ăn nửa cái bánh, không chịu nổi, hãn ăn nốt nửa kia. Bây giờ chỉ còn hai cái. Hãn uống một ngụm nước rồi nghĩ ngợi trong lúc đầu óc quay cuồng. Sau hai ngày nữa, hãn sẽ ăn gì? Hãn không dám nghĩ nữa. Nặng nhọc đứng dậy, hãn bước quanh, dỗi mắt ra xa mong gặp bóng dáng một con tàu. Vãn trời nước mênh mông... tuyệt vọng, hoàn toàn tuyệt vọng.

Một ngày nữa trôi qua. Hãn không thấy bóng dáng con chuột đâu cả. Đêm đó hãn ăn một cái bánh, uống một ngụm nước rồi ngủ.

Hãn thức giấc trong cơn sốt hằm hập và cơn khát cháy cổ. Lại cái nắng cay nghiệt hành hạ hãn. Có lẽ hãn ngủ mê vì cơn sốt và đói khát. Gượng ngồi dậy, hãn với tay lấy can nước.

Cái can nhựa bồng lên, nhẹ tênh!

Ánh mắt ngây dại của hãn nhìn sững cái can nhựa. Chỉ còn một chút nước đọng ở đáy can. Gần đáy can có một vết thủng nhỏ, vết răng chuột gặm...

Hãn ngất đi. Khi hãn tỉnh lại thì mặt trời đã đứng bóng. Hãn không nghĩ ngợi được gì nữa. Hãn ăn nốt cái bánh cuối cùng rồi tiếp tục ngồi hứng ánh nắng trừng phạt. Đêm đó hãn nói sáng nhiều trong giấc ngủ.

\*\*\*

Sáng hôm sau, hãn uống một ngụm nước khi vừa thức giấc. Chẳng còn gì để ăn. Gắng gượng ngồi dậy đi quanh nhưng đầu gối hãn cứ muốn khụy xuống. Lát sau, không thể đi nổi nữa, hãn xách can nước chỉ còn một chút, trở lại chỗ cũ.

Con chuột đâu? Một ý nghĩ chợt lóe trong đầu hãn.

“Tại sao mình không ăn nó? Nó là món thịt tươi duy nhất trên đảo này... biết đâu có thể sống vài ngày nữa trên đảo này...”

Hãn đi tìm con chuột và thấy nó. Nó đứng lấp ló sau một tảng đá gần đó, giương đôi mắt tròn xoe tinh quái như trêu chọc thách thức hãn, dẫu như hãn còn mạnh khỏe thì cũng chưa chắc bắt được nó huống chi giờ đây

hắn quá yếu. Biết rằng không thể nào bắt được nó, hắn chán nản ngồi bệt xuống. Chợt hắn nghĩ ra một cách.

“Giả chết! Nó sẽ đến gần mình, bò lên người mình, có thể sẽ bò lên tay, ngay bàn tay mình...”

Thế là hắn nằm xuống trong ánh nắng hỏa ngục. Hắn không biết mình sẽ chịu đựng được bao lâu. Mắt hắn nhúc nhối tuy đã nhắm chặt. Đúng lúc hắn sắp bỏ cuộc thì nó đến. Quả nhiên nó mắc bẫy thật. Nó bò lên chân hắn, lên đùi, đến bụng rồi nhảy xuống. Hắn tưởng nó bỏ đi nhưng không, nó lại nhảy lên người hắn, bò trên ngực hắn. Hắn thầm mong nó bò xuống tay hắn nhưng nó đứng im. Hắn không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Thu hết sức lực, hắn chụp mạnh và ngồi bật dậy, mở mắt. Mắt hắn hoa lên vì ánh nắng. Hắn không nhanh bằng nó. Nó chạy mất.

Đêm đó cơn sốt vẫn hành hạ hắn.

Sáng hôm sau hắn không còn sức lực để đứng dậy nữa. Hắn đã uống hết những giọt nước cuối cùng.

Trưa hôm đó hắn thấy các ngón tay bắt đầu tê dại. Hắn biết đó là dấu hiệu thiếu nước trầm trọng trong cơ thể. Chiều hôm đó cảm giác tê dại lan dần lên hai cánh tay.

Sáng hôm sau cảm giác tê dại đã ở mặt. Hắn biết đã đến những giờ phút cuối cùng của cuộc đời hắn. Không còn hy vọng gì nữa. Hắn cố gượng ngồi dậy nhưng hắn lại gục xuống. Hắn nằm nghiêng một bên và trông thấy con chuột. Nó đang đứng cách hắn khoảng bốn, năm mét nhìn hắn. Không có nước thì làm sao nó sống được? Sao cứ nhờn như thế kia? Lại có vẻ mập mập nữa! Hắn chợt hiểu. Trên đảo có những hốc đá giống như hang chuột mà tay hắn không cho vào lọt. Ban đêm rất lạnh, ban ngày nóng, quá nóng nên nước bốc hơi. Hơi nước đó bám vào bờ đá như một thứ nước cất không còn muối. Nó liếm lớp nước đó. Vậy là nó may mắn hơn mình. Hắn thấy tức tối. Nó hại mình. Nó sống lâu hơn mình. Hắn nhìn nó. Nó vẫn nhìn hắn. Nó bước tới vài bước nghe ngóng. Thấy hắn nằm im, nó bước tới bước nữa, bước nữa... hai mét, một mét, nửa mét. Hắn vung tay ra nhưng cánh tay run rẩy rồi rũ xuống. Con chuột chạy mất.

Đầu hăn nhúc dử dội, hăn ngất đi. Hăn tỉnh lại khi mặt trời đã hơi chéch bóng, có lẽ khoảng một giờ trưa. Không phải tự nhiên hăn thức tỉnh mà có cái gì chạm vào tay hăn.

Con chuột! Nó đang gặm tay hăn! Nó ăn hăn!

Hăn không ngờ đến chuyện này. Hăn định ăn nó và giờ đây nó ăn hăn! Hăn rụt tay lại và con chuột chạy mất. Không, canh bạc này hăn phải thắng. Con chuột sẽ không ăn được hăn. Không được để nó làm việc đó. Hăn rùng mình giữa cái nắng ghê gớm khi nghĩ rằng con chuột sẽ ăn dần thân thể hăn, mỗi ngày một chút: tay, chân, ruột, gan... xác hăn sẽ nuôi nó trong nhiều ngày và hăn phải chết một cách đau đớn... Không, hăn phải thắng!

Ý nghĩ ghê gớm hình thành trong đầu hăn.

Hăn sẽ dùng cái kính lúp để đốt đồng gỗ và hăn sẽ nằm trong đó, ngọn lửa sẽ thiêu xác hăn ra tro. Nó sẽ không ăn được tí gì của thân xác hăn. Nhưng chỗ củi đó liệu có đủ để thiêu xác hăn ra tro không? Hăn chua chát nghĩ thầm, có lẽ không đủ. Nhưng ít ra mình cũng đã chết để không thấy nó ăn thịt mình. Hăn không chịu nổi ý nghĩ bị ăn sống. Gom hết tàn lức, hăn gượng ngồi dậy, lết đến đồng gỗ. Chỉ độ tám mét thôi mà sao hăn thấy xa quá. Cuối cùng hăn cũng đến nơi. Nghỉ một chút rồi hăn lấy cái kính lúp ra. Mặt trời hơi nghiêng, có lẽ khoảng hai giờ. Tay hăn run quá, không cầm vững được cái kính. Hăn cố xoay xở và sau cùng đặt gác nó lên một cục đá nhỏ. Ánh nắng như thiêu xuyên qua mặt kính hội tụ, chưa đầy một phút sau, trên mặt một miếng ván đã nám đen, bốc khói. Đồng ván đã quá khô vì nhiều ngày phơi nắng. Một đốm lửa đỏ xuất hiện trên mặt miếng ván, khói bốc nhiều hơn, vết cháy đen loang rộng. Ngay lúc đó hăn thấy con chuột bên kia đồng ván, lưng quay về phía hăn. Nó đang ngậm trong miệng một con cá nhỏ. Con cá chỉ bằng hai ngón tay. Hăn bỗng thấy đói cồn cào, quên cả việc đang làm, vừa bò vừa lết lại chỗ con chuột. Nó vừa nhả con cá ra, có lẽ bị sóng đánh văng lên bờ. Con chuột nghe tiếng hăn, ngoạm lấy con cá và chạy biến mất. Đầu óc hăn quay cuồng vì vừa cố gắng quá sức, quỵ vật xuống. Rủi thay, đầu hăn va phải một cục đá. Hăn suýt ngất đi, nhưng không, hăn vẫn tỉnh, cảm thấy một luồng hơi nóng hắt đến từ phía sau lưng. Chậm chạp quay đầu lại, hăn thấy ngọn lửa đã bùng lên, đám gỗ khô nẻ bắt

cháy nhanh chóng. Hãn đang nằm cách đồng lửa khoảng sáu, bảy mét. Hãn cố lết lại. Cơ thể hãn không còn chút sức lực nào. Hãn ước sao mình được nằm trong đồng lửa đó. Hãn cố nữa, cố nữa, nhưng chỉ được nửa mét. Hơi nóng hắt vào mặt hãn, lên người hãn. Hãn chột ân hận: “Sao lúc này mình không ráng lặn xuống biển nhỉ! Mà chẳng biết có nổi không!” Hãn ngất đi.

Hãn tỉnh lại lúc trời chưa tối hẳn. Ánh nắng chiều tàn vẫn còn trên đảo. Đồng gỗ đã cháy hết, đồng than hồng cũng tàn gần hết. Những cuộn khói trắng bốc cao trên nền trời màu cam. Giờ thì hoàn toàn tuyệt vọng. Từng thớ thịt trong cơ thể hãn đau nhức rã rời.

Màn đêm xuống dần. Hãn vẫn thức, vẫn tỉnh và biết con chuột đã đến. Nó đang cắn ngón chân hãn. Hãn không thấy đau, chỉ thấy nhột vì cơ thể hãn giờ đã tê dại. Hãn không sợ, không kinh hoảng vì sắp bị ăn sống nữa mà chỉ thấy chua chát.

Mình đã thua!

Hãn không thể cử động dù chỉ một ngón tay. Hãn nhắm mắt lại. Con chuột vẫn gặm ngón chân hãn. Hãn bỗng thấy ngứa ngáy khắp người và ngay sau đó hãn nghe có tiếng động.

Tiếng xích sắt loảng xoảng và tiếng người lao xao.

- Đây rồi! Có một người ở đây!
- Tôi đã nói mà... rõ ràng có khói...
- Kìa, đồng than đang tàn kìa...
- Anh ta còn sống không?
- Không biết, để tôi coi...

Họ đặt hãn lên cái băng-ca, khiêng ra ca-nô để chuyển lên tàu. Lúc đến mép hòn đảo, hãn sức nhớ, mấp máy môi. Qua ánh đèn măng-sông sáng rực, một người trông thấy, cúi xuống hỏi.

- Anh muốn gì?

Hãn thì thào yếu ớt.

- Trong túi áo... tôi có... năm mươi... đô-la... lấy ra...

Người đó làm theo lời hãn và hỏi.

- Để làm gì?
- Trên tàu... có bánh... bích-qui không?

- Có.

- Có... nước ngọt không?

- Có.

- Bán cho tôi... năm mươi... đô-la... bánh và nước... bỏ lên đảo cho tôi... tôi đã thắng...

Người đó nói lại cho những người kia nghe. Họ nghĩ hăn mê sảng. Nhưng có một người nói.

- Chắc có chuyện gì đấy, cứ làm theo lời anh ta và lấy tiền đi.

Hăn gắng gượng cho đến khi thấy họ mang hai thùng bánh rất to và hai thùng nước bỏ lên đảo, rồi một màn đen phủ chụp lấy hăn.

Con tàu không nhổ neo cho đến sáng hôm sau. Họ tiếp nước biển, tiêm thuốc hồi sức cho hăn. Họ muốn biết chuyện gì xảy ra với con tàu, với những hành khách. Dù rất yếu, hăn vẫn đủ sức cho họ biết có lẽ hăn là người duy nhất sống sót.

Hăn hỏi mượn một cái ống nhòm, gượng dậy nhìn về hòn đảo.

Hăn thấy con chuột đang đứng trên thùng bánh, hai chân trước cầm một cái bánh, gặm ngon lành, cặp mắt dáo dác nhìn quanh...

# Sáu Cỗ Quan Tài

**Jonathan Craig**

Tôi cho rằng người ương ngạnh, sắt đá hay côn đồ nhất trong chúng ta cũng có tính mềm yếu trong sâu thẳm tâm hồn dù cho người đó chẳng ưa ai, chẳng thương ai, cũng có thể không thương luôn chính bản thân họ.

Đối với tôi đó là tình cảm, đặc biệt là tình yêu nếu đó là một chuyện tình buồn. Tôi là người dễ xúc động trước những chuyện tình buồn. Chúng làm tôi ăn không ngon, ngủ không yên, chẳng hạn như chuyện tình của Denver Eddie và Sweet Alice mà tôi sắp kể cho các bạn. Nó làm tôi ray rứt cả tuần lễ, xao xuyến mãi và làm tôi mất toi hai trăm đô-la.

Tôi không bao giờ quên buổi tối được nghe kể câu chuyện đó. Tôi muốn quên nó nhưng không sao quên được.

Tôi đang trên đường đến dự buổi họp mặt hàng tuần tại câu lạc bộ của những người biệt xứ. Chúng tôi vẫn gọi thế. Chúng tôi có mười hai người ở đây, Rio. Chúng tôi là những người trốn biệt xứ, không phải chúng tôi đến sinh sống ở đất nước Brazil này vì thích nó mà vì sự sống còn, vì ở Mỹ, chúng tôi không thể sống nổi trong nhà tù Leavenworth hoặc Sing Sing hay bất cứ địa ngục nào tương tự. Càng không thể sống ở Mỹ một cách ung dung vì phòng hơi ngạt và ghế điện có thể lúc nào cũng chờ đón chúng tôi.

Vì thế, chúng tôi phải đến xứ Brazil này để được sống, được tự do. Chúng tôi thành lập một câu lạc bộ và mỗi tuần một lần, chúng tôi họp mặt trong một phòng đặc biệt của một khách sạn ở bãi biển Copabana nổi tiếng. Chúng tôi gặp nhau để uống rượu, tán gẫu những chuyện ngày xưa ở Mỹ.

Có vài chàng trai cô gái bản xứ được nhập hội chúng tôi và họ đều dễ thương. Đó là Môi mỏng, Johnny nóng tính, Charlie một, Charlie hai, Millie, Sue chậm chạp, Willie mít ướt, Mặt dầy...

Họ gọi tôi là giáo sư vì tôi đã qua hai năm ở đại học Hanley Miller.

Như tôi nói lúc nãy, tôi đang trên đường đến dự buổi họp mặt với họ. Lúc đó trời chưa tối hẳn. Tôi đi thong thả bên lề đường, thích thú vì trời lành lạnh. Bỗng tôi thấy một người đàn bà đang đứng bên cột đèn đường nhìn tôi chăm chú. Ánh mắt bà ta như dò xét, đánh giá tôi. Theo tôi, bà ta khoảng sáu mươi tuổi, nhưng trong đời tôi chưa thấy một người đàn bà nào ở tuổi đó mà vẫn giữ được sắc đẹp như vậy. Bà ta đẹp, rất đẹp.

Bà ta nói khi tôi đến gần.

- Xin lỗi, tôi có thể nói chuyện với cậu một chút chứ?

Giọng nói mới tuyệt làm sao! Đó là tiếng nói của một phụ nữ trẻ, nhẹ nhàng, thánh thót.

- Vâng, xin sẵn sàng...

- Tôi muốn kiếm một người tin cậy để nhờ một việc quan trọng...

Mắt bà ta mờ đi, hình như bà ta khóc.

- Trông cậu người lịch sự, tôi thấy có thể tin được. Cậu vui lòng giúp tôi một việc nhé?

- Còn tùy chứ!

- Chỉ mất một phút để làm việc đó thôi, xin cậu nhận lời giúp tôi nhé?

- Việc gì vậy?

Bà ta khẽ hất mặt về phía căn nhà bên kia đường, cửa ra vào đang mở.

- Có một người thân của tôi trong căn nhà đó... ông ấy mới chết... đang nằm trong quan tài... chưa đóng nắp... tôi... tôi muốn nhờ cậu đặt vào trong đó một vật hộ tôi.

- Nghĩa là bà muốn vật đó được chôn cùng người chết?

- Vâng, vì nó là của người đó.

Giọng bà ta run run.

- Tôi biết nhờ cậu như vậy rất đường đột... nhưng nó phải được chôn cùng ông ấy... nó phải...

- Tại sao bà không tự làm lấy?

- Tôi đã cố thử... khi tôi vào chào tạm biệt ông ấy...

- Chào tạm biệt?

- Vài phút trước đây tôi nhìn ông ấy lần cuối, tôi đã thử nhưng không được. Tôi bị bệnh thấp khớp, tay tôi không nhấc lên được.



- Tôi hiểu.

- Làm ơn giúp tôi, tôi sẽ nhớ ơn cậu suốt đời.

- Nó quan trọng đến thế à?

- Đây là chuyện quan trọng nhất đời tôi... xin giúp tôi.

Giọng bà ta van lơn thật đáng thương.

- Tôi chỉ bỏ nó vào trong quan tài thôi chứ gì?

- Vâng, xin cậu bỏ nó vào chỗ nào mà không ai thấy để lấy nó ra - Lỡ có ai nhìn thấy tôi làm thế thì sao?

- Không có ai trong đó. Hình như không có ai đến viếng ông ta. Tôi vừa trong đó ra đây vài phút.

- Bà muốn tôi bỏ cái gì trong đó?

Mắt bà ta sáng lên nhưng nước mắt tuôn theo ngay.

- Vậy là cậu nhận lời?

Bà ta vội vã thò tay vào túi xách.

- Cầu Chúa ban ơn cho cậu.

Thật tình, tôi thấy tò mò lẫn căng thẳng.

Bà ta lấy ra một vật nhỏ bằng kim loại, hình tròn, nhìn đăm đăm nó một lúc như không muốn rời nó. Cuối cùng, bà ta trao nhanh cho tôi, mặt quay đi.

- Đây, làm ơn đặt nó ở chỗ không ai thấy.

Trời đã nhập nhoạng tối, thêm vào ánh đèn đường nên tôi không biết nó bằng kim loại gì. Nó hình tròn, giống như hộp phấn thoa má của phụ nữ, nắp hộp đóng kín, dán một lớp băng viền quanh miệng. Tôi hỏi.

- Cái gì vậy?

Bà ta chỉ nhìn tôi mỉm cười, cố mím môi để khỏi bật khóc. Tôi nhún vai, bỏ cái hộp vào túi.

- Được, tôi sẽ giúp bà.

- Cầu Chúa ban phước cho cậu.

- Không có chi.

Tôi băng qua đường, bước vào căn nhà ba ta chỉ. Đúng như bà ta nói, không có ai ở đó. Căn phòng tối tàn không đồ đạc, chỉ có mười hai ngọn

nền quanh cổ quan tài. Tôi đứng tránh cửa sổ để bà ta không nhìn thấy tôi, lấy cái hộp ra xem kỹ.

Đó là một cái hộp bằng vàng trắng.

Cái hộp này đem bán ở chợ trời với giá rẻ mạt cũng được hai trăm đô-la. Tôi nhìn vào quan tài. Người chết là đàn ông khoảng trên sáu mươi. Có hai vết sẹo dài ở má phải ông ta. Vành tai trái ông ta bị cắt cụt sát vào đầu.

Tôi cầm cái hộp giơ lên trước ánh nến cốt cho người đàn bà ngoài kia trông thấy vì có thể bà ta đang nhìn tôi rồi tôi thò tay vào quan tài. Khi rút tay ra, tôi vẫn nắm cái hộp trong lòng bàn tay, bước tránh khỏi cửa sổ, bỏ nó vào túi quần.

Hai trăm đô-la chứ đâu ít!

Khi tôi trở ra thì bà ta không còn ở đó nữa. Tôi quẹo phải và tiếp tục đi bộ đến nơi họp mặt. Tối nay thật đẹp trời, tôi thấy sáng khoái và vui hơn nữa vì tự nhiên có hai trăm đô-la.

Đi được hai dãy phố thì có một chiếc xe hơi thăng lại phía sau lưng tôi, bóp còi inh ỏi.

Đó là Gus, người lớn tuổi nhất trong nhóm chúng tôi. Ông nói.

- Lên xe đi, giáo sư.

Tôi lên xe và ông ta lái đi tiếp. Gus là tay anh chị khét tiếng ở Mỹ chuyên được thuê gây hỏa hoạn. Ông là người thích pha trò, lúc nào cũng tươi vui rạng rỡ. Nhưng bây giờ thì không. Tôi hỏi.

- Chuyện gì vậy? Sao bác trông như đưa đám ma vậy?

- Giáo sư, tôi không tin ma quỷ, nhưng tôi vừa trông thấy ma.

- Ồ, ở đâu?

Ông ngoắc ngón tay cái ra sau lưng.

- Đằng đó. Suýt nữa thì tôi đâm vào xe khác.

- Ma kéo đấy!

- Tôi không đùa đâu, thật đấy.

- Thế con ma đó là ai vậy bác?

- Một cô gái tôi quen bốn mươi năm trước, lúc tôi chỉ là một thằng nhóc mới vào đời. Khó tin quá! Khó tin... lạ thật... cô ta biến mất bốn mươi năm nay rồi.

- Ai mới được chứ?

- Sweet Alice. Một cô gái tóc vàng rất đẹp, đẹp lộng lẫy, đẹp nhất trên trái đất này mà tôi may mắn được quen.

- Và bác mới thấy lại người đó?

- Ừ, nếu nàng còn sống thì người tôi vừa gặp là nàng chứ không ai khác. Cô ấy đã già gần bằng tôi nhưng vẫn đẹp. Tôi sẽ kể lại chuyện xưa cho giáo sư nghe, chuyện làm tôi choáng váng từ đó đến nay vẫn chưa hết.

- Tại sao bác không dừng xe xem có đúng người đó hay không.

- Khi kiểm được chỗ đậu xe rồi quay lại nơi nhìn thấy nàng thì bà ta đã biến mất. Có lẽ bà ta đã lên xe buýt hay taxi...

Gus trông có vẻ buồn bã hơn. Đến khách sạn, chúng tôi lên thẳng phòng. Đó là một loại phòng khác thường. Nó hình tròn, một cái bàn tròn giữa phòng. Tất cả đã có mặt. Mọi người thấy ngay sự bất thường ở Gus.

Frankie la lên từ đầu bàn bên kia.

- Chuyện gì mà mặt mày sừng sĩa vậy bác Gus? Bộ bác mới đốt lầm nhà hả?

Gus nói lại chuyện đã nói với tôi lúc này về Sweet Alice.

Charlie Một nói.

- Vậy thì cái cô Alice đó hẳn là một tuyệt thế giai nhân nên bác mới nhớ suốt bốn mươi năm qua.

Gus nói.

- Bạn không bao giờ thấy cô gái nào lộng lẫy hơn cô ấy đâu. Bất cứ người đàn ông nào trông thấy nàng đều yêu nàng ngay. Cả tôi cũng thế. Nàng là cái đẹp mà người ta gọi là người đẹp... người đẹp...

- Người đẹp giết người.

Tôi tiếp lời vì thấy Gus có vẻ không tìm ra chữ. Ông gật đầu.

- Đúng! Người đẹp giết người, đúng! Năm người đàn ông đã chết vì nàng bốn mươi năm trước chứng minh điều đó đúng. Năm người đàn ông đã chết, trừ tôi, vì may mắn, quá may mắn. Đáng lẽ tôi đã chết cùng năm người đó.

Ông lắc đầu buồn bã.

- Tất cả chỉ vì tình yêu. Tình yêu là cái nguy hiểm, nhất là mối tình này. Tôi khuyên các bạn chớ vướng vào nó. Tình yêu thường chỉ là sự nghiệt ngã mà thôi.

Millie kinh ngạc hỏi.

- Bác nói nàng giết chết năm người đàn ông? Giết năm người và suýt giết bác?

- Không! Không phải thế! Tôi muốn nói nàng là nguyên nhân thôi. Nàng là nguyên nhân của tất cả những cái chết đến với những người đàn ông yêu nàng.

Sue chậm chạp hỏi.

- Bác nói đã bốn mươi năm qua không thấy nàng phải không?

- Đúng, và cũng không thấy Denver Eddie nữa.

Môi mỏng ngạc nhiên.

- Denver Eddie? Ai vậy?

- Lâu lắm rồi, trước khi các bạn ra đời nữa kia... bốn mươi năm trước... lâu quá rồi còn gì. Denver Eddie là tay khủng bố thuê, chuyên dùng dao và thuốc nổ. Hắn rất đẹp trai. Hắn đã nhận lời khủng bố thuê cho ai thì luôn làm đến nơi đến chốn. Thế mà hắn phá luật trong vụ thanh toán Alice.

Mặt dầy hỏi.

- Hắn là một trong những người chết?

- Không, nếu được thế thì đã hay quá.

Millie nói.

- Tôi chưa bao giờ được nghe những chuyện tình thơ mộng. Chuyện này có vẻ hay đấy. Năm người đàn ông chết vì nàng!

Cô nàng Betty xen vào.

- Ấy, đã có một thằng cha nhảy lầu tự tử vì tôi rồi đấy...

Millie cắt ngang.

- Im đi, Betty. Bác Gus đã nói thì nói cho hết. Nào, bác kể cho chúng tôi nghe đi.

Sue chậm chạp tiếp lời.

- Đúng, kể đi bác.

Gus ngồi im một lúc, đôi lông mày nhíu lại như không biết nên kể hay không. Cuối cùng ông nhún vai và bắt đầu.

- Không ai trong các bạn ở đây hiểu được cuộc sống bốn mươi năm trước, nhất là ở Chicago. Tôi ở băng Monk Homma lúc đó. Băng chúng tôi có sáu người kể cả Monk. Gom góp vốn, chúng tôi cùng nhau kinh doanh, đang định cạnh tranh...

Millie ngắt lời.

- Chúng tôi đang chờ bác kể về Sweet Alice cơ mà!

- Vâng, nàng là bồ của Monk. Hãn là thủ lĩnh của băng. Hãn thu xếp cho nàng chỗ ở thật tốt mặc dù đó là chung cư. Hãn vung tiền cho nàng. Chuyện bắt đầu khi hãn biết nàng không chung thủy với hãn. Hãn đến phòng nàng một buổi trưa nọ, lúc nàng đang đi thăm người em họ. Hãn nhặt được một cái kẹp ca vát trên sàn nhà cạnh giường nàng. Có sáu cái như vậy. Hãn chơi ngông lăm, đặt làm sáu cái kẹp ca vát bằng vàng để tặng từng người trong băng, đều làm theo hình cổ quan tài. Chúng tôi gọi đùa đó là sáu cổ quan tài sống. Hãn nhặt được một cái trong phòng Alice, biết rằng nàng đang dan díu với một trong năm đàn em của hãn.

Một người xen vào.

- Nhưng làm sao biết được người đó là ai?

- Hãn nghĩ ra cách tìm được kẻ đó. Hãn đến bưu điện, gửi năm bức điện tín cho năm người, ký tên Alice, nói rằng nàng vừa đi thăm người em họ về, muốn chàng đến gặp nàng ngay tại phòng riêng của nàng. Tôi quên một điều: hãn giấu mọi người chỗ ở riêng hãn thuê cho nàng. Vì thế bất cứ người nào trong năm chúng tôi đến đó tức là kẻ đang dan díu với nàng. Sau khi gửi điện cho năm người chúng tôi, hãn trở lại phòng, súng trên tay chờ đợi con mồi.

Willie hỏi.

- Người đó là ai?

Gus thở dài.

-Tôi. Khi tôi vào phòng thì hãn hướng khẩu súng vào ngực tôi, tôi nghĩ hãn bắn ngay.

Charlie Hai hỏi.

- Tại sao hắn không bắn ngay?

- Hắn muốn tôi thú nhận. Đó là điều cứu tôi thoát chết. Hắn ngồi đó, súng hướng vào ngực tôi thì cánh cửa bật mở. Trời ạ! Một cậu trong băng! Thế là hắn có hai kẻ để giết.

Ngưng một chút, ông tiếp.

- Vài phút sau, ba người còn lại đều có mặt trong phòng. Monk định gài bẫy một tên phản bạn, thế mà hóa ra cả năm tay em!

Millie la lên.

- Thánh thần ơi! Tư tình với cả năm tay em của ông trùm! Hay! Hay quá! Tiếp đi bác.

- Ban đầu, Monk suy tính xem bắn ai trước. Tất cả chúng tôi phát điên vì nhau, không ai biết nói gì, cũng không sợ chết. Thế rồi chúng tôi nghĩ về Alice khi đã tỉnh trí lại, hiểu rằng nàng đang cười trên đầu sáu thằng đàn ông chúng tôi.

Cô nàng Betty khịt mũi.

- Đàn ông mà! Cứ cho mình là nhất!

- Nàng làm thế chỉ có hại cho nàng vì chúng tôi sẽ không thù oán nhau. Chúng tôi bàn bạc một lúc rồi quyết định Alice phải chết, nhưng suy đi tính lại nếu thế thì nhẹ cho nàng quá. Chúng tôi nghĩ một cách: phá hủy sắc đẹp của nàng. Chúng tôi sẽ cắt tai nàng. Nàng sẽ nhớ suốt đời hình phạt này. Thế là chúng tôi kiếm Denver Eddie, tên giết mướn chuyên dùng dao và chất nổ tôi nói lúc nãy. Sau khi thỏa thuận giá cả, hắn lên đường đem về cho tôi, à, cho chúng tôi một cái tai của Alice.

Một người nói.

- Giống như kiểu hành hình thời Trung cổ bên châu Âu.

- Chúng tôi biết Denver không bao giờ phá vỡ hợp đồng khi đã thỏa thuận mà cũng không dám phản chúng tôi. Alice có đôi tai rất đẹp, ở mỗi trái tai có xâm hình một bông hồng rất khéo, nó bé xíu do một bàn tay bậc thầy xâm cho nàng. Chúng tôi sẽ biết Denver đem tai của nàng hay của ai về cho chúng tôi.

Một người hỏi.

- Gã Denver này có quen Alice không?

- Không. Hắn đi ngay, mang theo một con dao bấm và vài quả bom tự chế. Hắn luôn mang chất nổ trong người phòng khi bất ngờ có chuyện. Sau khi hắn đi rồi chúng tôi gọi một thùng rượu và cùng nhau uống để quên Alice.

Millie nói.

- Tội nghiệp cô bé quá!

Cô nàng Betty thì nguýt dài.

- Đàn ông các người chỉ có thế! Chán người ta rồi sai một thằng điên đi cắt tai nàng, lại còn ung dung ngồi nhậu nhẹt nữa chứ!

Gus tiếp.

- Denver gặp may vì khi hắn đến nhà người em họ của nàng thì cô em đi vắng, chỉ có Alice ở nhà.

Sue nhấp nhồm.

- Rồi sao?

- Một tay cầm lược đạn, một tay cầm dao găm, hắn đứng nhìn Alice. Chỉ nhìn thấy nàng một lần thôi, Eddie không còn là Eddie nữa. Tình yêu là thế đấy.

- Nhưng hắn cắt tai nàng chứ? Hợp đồng là hợp đồng. Nếu hắn phá hợp đồng thì các bác phanh thây hắn phải không?

Gus gật đầu.

- Đúng, nhưng hắn không thể cắt tai nàng. Hắn không phải người đàn ông duy nhất rơi vào vũng lầy Alice. Mọi bi kịch đến với đàn ông đều do cái nhìn đầu tiên khi đối diện Alice. Denver cũng không thoát khỏi số phận nghiệt ngã đó.

Người bồi bưng khay rượu tới, tôi chụp ngay ly Scotch làm một hơi. Tôi đã nói tôi là người yếu mềm. Tôi cần rượu để đủ sức nghe tiếp câu chuyện vì sắp đến hồi bi thảm nhất. Tôi làm thêm một ly nữa. Một người hỏi.

- Denver làm gì? Alice thế nào?

- Họ cùng ngồi xuống nói chuyện. Denver cho nàng biết lý do hắn đến. Hắn nói với nàng rằng hắn coi như đã chết vì nếu không thực hiện hợp đồng thì hắn sẽ bị giết. Trong vài phút gặp gỡ ngắn ngủi đó Alice yêu hắn

ngay với tất cả sự cuồng nhiệt. Nàng bảo hấn cứ cắt tai nàng đem về nộp cho chúng tôi vì nàng không muốn Denver phải chết.

Sue kêu lên.

- Thế mới là tình yêu!

Mọi người im lìm, không khí trong phòng chùng hấn xuống.

- Nhưng Denver không làm thế. Hấn nói sẽ có cách khác. Cả giờ đồng hồ hai người ngồi đó, ôm nhau như hai đứa trẻ lạc loài rồi hấn nghĩ ra một cách giải quyết mà các bạn không thể tưởng tượng được. Chỉ có một tên điên mới nghĩ được thế. Denver có vành tai nhỏ như của đàn bà và hấn muốn xâm chúng giống như Alice để cắt đem về cho chúng tôi.

Sue lại kêu lên

- Thế mới là tình yêu!

- Hấn yêu nàng thật sự, không còn gì trên đời này có ý nghĩa đối với hấn ngoài Alice. Họ đến nhà người nghệ sĩ xâm hình. Alice ngồi làm mẫu để ông ta xâm cho Denver.

Millie nói, mắt ươn ướt.

- Đây là chuyện tình hay nhất tôi được nghe.

Tôi cũng thế, có thể chính tôi cũng làm thế. Tôi không dám nói gì vì sợ sẽ bật khóc nếu lên tiếng.

- Denver đưa Alice trở về nhà người em họ rồi nói nàng chờ một chút hấn ra ngoài mua thuốc lá. Nhưng Alice biết đó chỉ là cái cớ nên ngay sau khi hấn vừa khép cửa thì nàng chạy vào phòng tắm lấy lưỡi dao lam cắt luôn một tai mình.

Sue la lên.

- Trời ơi! Tình yêu!... Có thể vậy ư?

- Nàng chạy ra gọi Denver. Nhưng đã muộn. Denver máu đầy mặt, tay cũng cầm một cái tai.

Sue lại thảng thốt.

- Trời ơi! Sao lại có chuyện như thế...

- Vâng, khi họ thấy việc họ đã làm vì nhau, họ thấy tình yêu của họ đối với nhau là vô cùng, cả hai ngắt đi trong tay nhau. Tôi biết rõ mọi chuyện vì tôi và những người kia đến đó vài phút sau.



Frankie la lên.

- Để làm gì?

- Khi đã say mèm, chúng tôi ước sao đừng bảo Denver làm việc đó. Chúng tôi biết mình đã lầm vì chúng tôi vẫn còn yêu Alice, không muốn nàng bị hại. Thế là Monk chở chúng tôi đến đó. Đến nơi thì thấy cả hai nằm ngất trên sàn nhà.

Không ai nói gì. Không khí kỳ lạ bao trùm căn phòng. Có tiếng hỏi.

- Rồi sao nữa?

- Chúng tôi lấy khăn ướt lau mặt cho họ, lau máu cho họ. Denver tỉnh lại ngỡ chúng tôi tìm giết hắn, ngồi bật dậy, chạy biến vào một phòng nọ, đóng cửa lại. Chúng tôi không hiểu tại sao... còn về Alice, khi tỉnh lại, nàng nhặt cái tai của nàng và của Denver rồi chạy xuống lầu. Tôi chạy theo sát nàng ngay vì tôi là người tinh rệu nhất. Tôi bắt kịp nàng ở cửa. Đúng lúc tôi chụp lấy tay nàng thì một tiếng nổ khủng khiếp làm rung chuyển cả căn nhà.

George gật đầu.

- Chết nổ của Denver.

- Vâng. Hắn hóa điên, mở hé cửa và ném ra những quả đạn tự chế. Monk và bốn người kia chết ngay. Cả tuần sau người ta mới sắp xếp được những mẩu thịt xương của từng người.

- Thế còn Denver?

- Hắn lặn ngay. Từ đó không ai gặp hắn nữa.

- Sweet Alice?

- Tôi đưa nàng biến khỏi nơi đó ngay vì cảnh sát đang đến. Tôi đưa nàng đến một bác sĩ hành nghề lậu. Trong lúc ông ta săn sóc vết thương cho nàng thì nàng ngồi nắm chặt cái tai của Denver. Nàng nói không bao giờ để mất nó. Sau đó tôi đưa nàng tới một khách sạn, ở đó nàng kể mọi việc cho tôi nghe. Nàng nói sẽ đi tìm Denver. Nàng vẫn giữ cái tai của hắn. Tôi bảo nàng đi nghỉ, tôi xuống phố mua thuốc cho nàng. Khi tôi trở về thì nàng đã đi. Bốn mươi năm qua tôi không được tin gì về nàng.

Gus kể xong ngồi im.

Tôi nhìn ly rượu trên bàn. Bây giờ tôi đã biết cái hộp trong túi quần tôi đựng cái gì rồi. Tôi đã biết người đàn bà đó là ai. Tôi biết mình phải làm gì với cái hộp đó. Tôi sẽ không kể cho ai biết chuyện này.

Bạn nghĩ gì? Tôi không quên được tối hôm đó. Tôi nhìn quanh, mắt người nào cũng ươn ướt.

# Sòng Phẳng

**John Cortez**

Nàng có gương mặt buồn.

Đôi mắt to màu xám, cứ đắm chiêu mớ màng như hồi tưởng cái gì đó đã mãi mãi xa vời. Đôi môi hồng nhạt luôn nghiêm trang và đôi gò má hơi cao càng làm vẻ mặt xương xương của nàng héo hon thêm. Nàng rất ít khi cười. Tuy thế, nàng đẹp, đẹp ám ảnh, đẹp náo nùng, đẹp khó quên.

Dáng nàng yếu điệu, mảnh mai, ai cũng có thể nhận thấy thân hình xinh xắn của nàng qua bộ trang phục mùa đông. Cứ như một món đồ sứ Trung Hoa thanh tú. Ngay cả giọng nói nàng cũng mong manh, như tiếng vọng sau cùng của lời thì thầm quên lãng.

Mỗi khi ôm nàng trong vòng tay, tưởng chừng như hẳn có thể bóp nát hơi thở, bóp nát cả cuộc sống của nàng, vì hẳn là một người đàn ông to lớn, cục súc. Tôi cho rằng bề ngoài thì thế chứ thật ra hẳn rất dịu dàng vì nàng tỏ vẻ thích thú. Chỉ có những lúc đó tôi mới thấy nàng mỉm cười và ôm chặt hẳn, đáp lại những nụ hôn.

Những lúc đó tôi cố gắng không nhìn, nhưng dù cho tôi có lảng đi thật nhanh thì hình ảnh nàng và hẳn vẫn còn đó, rõ ràng, vĩnh viễn...

\*\*\*

Nàng nhìn thấy chúng tôi và bước ra ngoài đứng im trong tuyết, đầu trần. Nàng vẫy tay và thế là đủ để hẳn bước nhanh về phía nàng. Tôi đứng lại, nhìn màu xanh mặt nước lặn tẩn ở cái hồ gần đó. Nước chưa kịp đóng băng sau đợt tuyết rơi đầu tiên tháng mười hai.

Tôi nghe tiếng họ líu ríu với nhau. Những lời du dương ngọt ngào... phải vậy không? Tôi cố không quan tâm.

“Cái gì dẫn vật mi vậy, Ludlow?” Tôi tự nhủ.

“Tại sao cứ để nó ám ảnh mi như thế? Không có gì cả. Không có một tí gì... giữa mi và nàng cả! Nàng hầu như không biết có mi hiện hữu trên cõi đời này. Hơn nữa, nàng đã có chồng và chồng nàng là người tốt...”.

Tôi đi vòng qua họ và nghe tiếng nàng:

- Thôi... anh...

Tôi cảm nhận thấy nàng gỡ khỏi vòng tay ghì siết của hắn khi tôi bước lên những bậc thềm đã được nàng lau rất sạch. Tôi giữ tuyết ở giày rồi nhìn từ hướng tây qua hướng nam. Chỉ có một khoảng trời xám đen, mênh mêng nối tiếp mênh mêng hoang dã.

Endicott hỏi:

- Anh không vào nhà sao, Ludlow?

Tôi đóng cửa. Endicott cởi áo khoác và nàng vội đỡ lấy, treo lên giá cho hắn. Bộ ngực vạm vỡ của hắn phập phồng.

Hắn nói:

- Cà phê thơm quá, Rosemary, có pha whiskey không, em yêu? Anh mê thứ đó lắm...

Tôi vào phòng ngủ, lấy hết đạn trong súng ra rồi dựng súng ở góc tường. Tôi cởi mũ áo quăng lên giường rồi ngồi rồi xuống mép giường. Tôi không biết mình ngồi như thế bao lâu, hai tay kẹp trong đùi, dăm dăm nhìn sàn nhà.

Tiếng Endicott kéo tôi về thực tại:

- Ludlow, cà phê nhé?

Hắn gọi từ phòng ngoài, tôi đáp vọng ra:

- Tôi ra ngay.

Hắn đang cầm một cái tách, tôi thấy trong đó có một nửa là cà phê đen đặc sánh, tay kia hắn cầm một chai whiskey. Tôi nói:

- Không, anh uống đi, tôi uống cà phê đen.

Hắn nhướn mày:

- Anh vẫn thích cà phê đen pha whiskey mà?

- Nhưng hôm nay tôi không thích.

Hắn nhún vai.

- Tùy anh.

Tôi cảm thấy ánh mắt nàng nhìn tôi soi mói, như vẫn thường nhìn. Tôi giả vờ không biết. Nàng nhìn tôi một lúc rồi nói:

- Hôm nay cũng không gặp may à, anh Ludlow?

Tôi lắc đầu. Nàng nói:

- Tôi thì không biết nên vui hay buồn! Những con nai đó có làm hại gì ai đâu? Tội nghiệp! Tại sao đàn ông các anh nhẫn tâm quá vậy? Tại sao lại cứ thích giết chúng?

Endicott lên tiếng:

- Ludlow, anh đừng bực mình vì vợ tôi nhé? Chưa bao giờ tôi gặp ai có tâm hồn đa cảm ủy mị như Rosemary...

Ông ta cười vang tiếp:

- Cô ấy thà đi vòng để tránh một con bọ trên đất chứ không chịu dẫm lên nó! Rosemary, em phải tập tính gan dạ mới được!

Nàng đáp:

- Không, anh thừa biết mà, em không thể chịu nổi ý nghĩ có một sinh vật bị giết.

Endicott lại cười vang.

- Em phải vượt qua chính mình chứ! Hôm nào thử đi săn với anh để xem anh bắn một con thú, anh tin em sẽ thấy chẳng có gì là ghê gớm cả.

Nàng rùng mình:

- Anh thừa hiểu là em không chịu nổi mà! Em sẽ ốm cả tuần cho anh coi. Em chỉ muốn anh đừng giết một con vật nào nữa...

Tôi nhìn họ, thầm nghĩ, hẳn là hạng đàn ông to con, cục súc, tuýp người dễ gây quyến rũ những phụ nữ yếu điệu, mảnh mai. Có lẽ họ là một cặp cực kỳ xứng đôi vừa lứa. Nhưng hẳn lớn tuổi hơn nàng nhiều quá. Có đến hơn hai mươi tuổi chứ không ít!

Nghĩ thế tôi bỗng giật mình, người nhộn nhạo.

“Lại nữa! Ludlow, mi làm sao vậy? Việc họ hơn kém tuổi nhau thì quan hệ gì đến mi chứ? Hay chỉ vì thỉnh thoảng nàng nhìn mi... mi không thấy rằng hẳn yêu nàng đến nhường nào hay sao?”

Hắn cùng nàng chuẩn bị bữa tối. Tuy bảo nàng lo bữa ăn nhưng chính hắn là người nấu ăn. Hắn cười vui vẻ:

- Bây giờ tôi mới có dịp trở tài nấu ăn đấy anh Ludlow. Ở nhà thì không bao giờ cô ấy cho tôi vào bếp!

Ăn xong hắn rửa đĩa, nòng lau khô. Tôi vào phòng, lên giường trùm chăn, cầm một cuốn tạp chí nhưng không đọc được chữ nào. Tôi nghe tiếng họ trò chuyện, nhẹ nhàng, âu yếm. Tiếng cười của hắn thỉnh thoảng vang lên sau một câu gì đó của nàng. Tôi nằm im giả vờ không nghe và nhớ lại mọi chuyện.

Khi hắn cho tôi thêm một số tiền khá lớn vào tiền thuê nhà, để tôi làm người hướng dẫn hắn trong mùa săn nai năm nay thì tôi cho rằng hắn là một anh nhà giàu đến từ miền nam nước Mỹ và có lẽ là chủ nhân một công ty xây dựng, hoặc chí ít thì cũng phải là một công ty gì đó cỡ khá. Tôi cũng chẳng thắc mắc gì về việc đó. Hắn trả trước tiền nhà là tôi thích rồi, lại còn cho thêm một khoản nữa để tôi dẫn hắn đến nơi có hươu, nai. Lúc đó hắn có nói rằng sẽ đưa vợ hắn đến ở cùng suốt mùa săn này. Tôi bằng lòng và định ninh vợ hắn cũng là người to lớn như hắn.

Thế mà giờ đây lại là một cô gái như vậy!

Tôi vừa bỏ cuốn tạp chí xuống, nhìn lên trần nhà thì nàng bước vào. Nàng nói giọng nhỏ nhẹ, thậm chí rụt rè:

- Em có làm phiền anh không?

- Không.

Đáp xong tôi ngồi bật dậy.

Không chớp mắt, nàng nhìn hai khẩu súng của tôi ở góc phòng. Nàng chỉ tay, hỏi:

- Tại sao anh lại dùng đến hai khẩu súng?

Tim tôi đập mạnh. Tôi tự nhủ: “Nàng hẳn là bức bối lắm? Phải ru rú ở nhà cả ngày trong khi chồng nàng và tôi đi săn. Chắc nàng chỉ quen đến những vũ trường, hộp đêm để giải trí chứ đâu có thích bị đưa đến một nơi hẻo lánh như thế này...”.

Tôi cố pha trò, hơi cợt nhả:

- Tôi bắn súng hai tay, như cao bồi trong phim miền viễn tây ấy mà! Mỗi tay một khẩu.

Nàng liếc tôi, ánh mắt nàng vốn mơ màng và bỗng sắc lém trong giây lát và miệng nở nụ cười u buồn, giọng trách móc:

- Anh đừng chế nhạo em, em hỏi thật mà! Hai khẩu súng đó có khác gì nhau không?

Tôi bước lại chỗ hai khẩu súng:

- Đây là súng trường, và đây là súng carbine. Carbine thì ngắn hơn, nhẹ hơn nên dễ mang cả ngày trong rừng, nhưng tôi vẫn thích súng trường hơn. Chúng không có gì khác nhau về cỡ nòng, đều 30.30...

- Anh có vui lòng chỉ em cách bắn không?

Tôi nhìn nàng trừng trừng. Trong một thoáng, nét mặt xanh xao của nàng ửng đỏ.

- Em... em thực tình muốn biết... vì chồng em. Anh ấy rất mê săn bắn... em muốn được đi cùng anh ấy. Em muốn được chia xẻ mọi thứ với anh ấy, anh anh ấy cứ cười nhạo em, cứ chế giễu em khi em nói chuyện nghiêm túc. Anh dạy em cách bắn súng nhé?

Tôi vẫn nhìn nàng trừng trừng. Ánh mắt nàng lẩn tránh mắt tôi, rồi lại nhìn thẳng vào mắt tôi. Chính cái ướm át trong ánh mắt nàng bắt tôi phải gật đầu.

- Khi cò súng nhẹ như vậy là nó đã được cài khóa an toàn. Muốn bắn, cô bật ngón tay cái như thế này, rồi bóp cò. Muốn đẩy vỏ đạn ra để thay đạn mới thì làm như vậy, sau đó bắn tiếp. Nếu không muốn bắn nữa thì ấn cò như vậy rồi khóa an toàn... cô hiểu chưa?

Nàng gật đầu. Tôi nói:

- Đây, cô cầm lấy và thử đi, không có đạn đâu.

Nàng mở to mắt như thể tôi vừa định ném một con rắn độc vào nàng.

- Ô, không! Anh Ludlow, em không dám đâu!

- Thế thì làm sao cô tập bắn được?

- Cho em thời gian, nhé? Ngày mai ở nhà một mình em sẽ tập. Anh cứ để khẩu súng đó và đừng nạp đạn nhé? Em biết làm vậy có vẻ ngây ngô lắm, xin anh đừng bực mình... em rất muốn biết bắn... để làm chồng em vui lòng. Anh dạy em nhé?

Tôi thấy trong khoảnh khắc đó, ở nàng tỏa ra một nỗi mong mỏi, khát khao, tuyệt vọng. Một nỗi cô đơn kỳ lạ, rất khác thường. Tôi đáp:

- Được, tôi sẽ chỉ cho cô.

\*\*\*

Con hươu bước ra khỏi khu rừng nhỏ, đứng im một chút. Tôi thấy nó ngay nhưng lại lưỡng lự, suy tính. Nếu nó đi lên cái gò kia thì nó sẽ là cái bia rất lý tưởng cho Endicott. Tôi ngứa tay muốn bắn nhưng hãn đã trả tiền cho tôi nên tôi nhường hãn mà trong lòng tiếc rẻ.

Con hươu thật to, cặp gạc rất đẹp. Nó vẫn còn xa quá, khó mà ước lượng khoảng cách cho chính xác. Thật khó nhai. Tôi biết Endicott ao ước lập được chiến tích vì từ ngày đến đây hãn chưa bắn được con nào. Tôi đặt ngón tay lên cò súng, nếu nó bước lên cái gò kia thì tôi nhường hãn. Nếu nó đứng im thì tôi sẽ bắn. Ngay sau đó con hươu cựa mình rồi từ từ bước lên cái gò. Nó đi thật thong thả. Hình dáng nó nổi bật giữa khoảng không xám xịt.

Tôi chờ đợi. Một phát súng vang lên chát chúa phía trước tôi. Âm thanh vọng vào hoang dã rồi im ắng trở lại. Ngay sau đó một phát súng nữa, phát thứ ba tiếp theo ngay. Những tiếng vọng lịm dần rồi tắt hẳn.

Một cái gì kỳ lạ xâm chiếm tôi khi tôi bước lên con đường dốc. Tôi không thể hiểu, không nhận thức được. Nó làm tôi nôn nao, căng thẳng. Phải chăng do thời tiết khắc khắc nghiệt, do những đám mây ghê sợ kia, hay do cái im ắng của mùa đông nơi đây, giống như sự tĩnh lặng vĩnh cửu của huyết mộ sâu kín? Ngay lúc đó hình ảnh nàng hiện trong trí tôi và tôi hiểu đó là cái gì.

Tôi dừng lại giữa đỉnh đồi. Hãn ở phía trước tôi, đang ngồi trên một khúc cây, lưng quay về tôi. Tôi nhìn hãn và lại thấy nhộn nhạo trong người. Mới đầu nó êm ả, sau đó cuồn cuộn dồn dập khuấy động trong sâu thẳm tâm hồn tôi và tôi không hiểu rõ đó là cái gì. Rồi một cái gì khác làm nó nảy nở mỗi lúc một lớn hơn và tôi thấy nó bùng bùng choán ngự tôi. Sau cùng, tôi cố hết sức mình, tự kềm chế, bắt cái đó quay trở về hố thẳm mà nó vừa thoát thai.

Tôi hạ khẩu súng xuống, thấy toàn thân run rẩy.



Khi đã hoàn toàn chế ngự được mình, tôi xuống đò, đi về phía hăn. Nghe tiếng chân tôi, hăn liền đứng dậy, cầm khẩu súng, lộ vẻ bức tức chán chường. Hăn nói:

- Hụt rồi! Ba phát hụt cả ba. Anh nghe tiếng súng chứ?

Tôi im lặng. Hăn tiếp:

- Nó đi lên cái gò kia, đi chậm lắm. Chẳng có cái bia nào ngon lành hơn thế mà tôi bắn hụt phát đầu, cả hai phát sau cũng hụt nốt! Cũng phải thôi, lần đầu là mục tiêu di động chậm mà bắn không trúng thì hai lần sau làm sao trúng được khi nó di động nhanh!

Tôi không quan tâm đến hăn. Nhận thấy sự khác lạ ở tôi, hăn hỏi:

- Anh có nghe tôi nói không?

Tôi sực tỉnh, cố lôi mình ra khỏi những ý tưởng đen đúa cùng nỗi sợ hãi, nỗi sợ tê tái con quỷ vô hình vừa mới ngự trị trong tôi. Tôi đáp khô khan:

- Tôi nghe anh bắn. Chính tôi cũng thấy khó ăn, nhưng đừng buồn, còn nhiều dịp khác mà.

Hăn vẫn nhìn tôi chăm chú.

- Anh sao vậy? Trông anh không được khỏe.

Tôi nhìn vòm cây xanh, những cây bóng nước, vân sam, độc cần bao quanh vùng.

- Tôi khỏe mà.

- Thế mà tôi lại thấy anh lạ lạ. Mình về chứ?

Tôi không thích trở về căn nhà gỗ của tôi để lại thấy bóng hình nàng quanh quẩn, nghe tiếng nàng nói và thỉnh thoảng bắt gặp ánh mắt nàng nhìn tôi. Tôi không muốn về chút nào nhưng cũng chẳng có cách nào tránh được. Tôi đáp:

- Ủ, chúng ta về.

Tối hôm đó tôi không nằm đọc báo nữa mà thu mình trong chăn, gối đầu lên hai bàn tay, nhắm mắt, cố xua đuổi chuyện đã xảy ra trong ngày, cố không quan tâm tiếng họ trò chuyện bên kia bức màn.

Họ đang chơi bài. Nàng kêu lên thích thú mỗi khi thắng được một ván và hăn lăm lăm cắn răng nhưng tôi dư biết hăn buông cho nàng thắng.

Chẳng có gì hẳn không sẵn sàng làm vì nàng.

Tôi không nghe tiếng nàng đến. Mắt nhắm nhưng tôi ngửi thấy mùi hương. Linh cảm nàng đến, tôi mở mắt. Nàng đứng đó, nhìn tôi đăm đăm. Ánh mắt nghiêm trang và u buồn. Endicott đang ở phòng bên, mở nhạc thật to. Tôi vốn ghét mở máy hát quá to. Nhưng ngay lúc này tôi lại cần như thế. Nàng hỏi:

- Anh có khỏe không, Ludlow?

Hình như có gì khác thường trong giọng nàng. Một nỗi khát khao được giải bày. Nhưng tôi tự nhủ đó chỉ là sự tưởng tượng phong phú của tôi mà thôi. Tôi ngồi dậy đáp:

- Tôi khỏe mà.

- Hôm nay anh không ăn gì.

- Tôi không đói.

- Em làm món gì cho anh ăn nhé?

- Thôi, đừng bận tâm.

- Em muốn làm cái gì đó cho anh...

Tôi không muốn câu chuyện tiếp diễn theo chiều hướng này nên tìm cách lảng đi.

- Hôm nay cô đã tập bắn súng chưa? Khẩu đó rất nhẹ, hợp với cô lắm.

Nàng rùng mình.

- Em thử rồi... quả thật là dễ sợ... em có cầm lên nhưng chỉ có thể thôi. Em bỏ xuống ngay. Hễ cứ đụng đến nó là em cứ nổi da gà... em không tin là mình có thể bắn trúng được cái gì...

- Vớ vẩn thật! Tôi không hiểu tại sao cô lại sợ hãi quá như thế!

- Em sợ lắm!

Nàng lại rùng mình. Mắt nàng mở to nhìn quanh quất, nhìn cái gì mông lung mà chỉ có nàng biết.

- Người ta gọi đó là ám ảnh sợ. Có lẽ có chuyện gì đó xảy đến với em từ bé mà em không nhớ rõ...

Nàng bật cười, tiếng cười căng thẳng:

- Có lẽ em phải đến bác sĩ. Anh không cần em giúp gì chứ?

- Không, cảm ơn cô nhiều.

- Vâng, chúc anh ngủ ngon.
- Cám ơn, chúc cô ngủ ngon.

\*\*\*

Có cái gì lạ lùng về những dấu chân đó làm tôi khó chịu ngay từ lúc đầu tiên trông thấy nó. Nhưng tôi không hiểu, không có một chút ý niệm cái “lạ lùng” đó là cái gì. Tâm trí tôi đang chất đầy những chuyện khác, về sự tuyệt vọng, ghê tởm, băng hoại của chính mình cùng với nỗi sợ hãi con quỷ đen đúa vô hình đang ngự trị trong tôi, và tôi đang làm chủ nó.

Tôi bỏ Endicott ở một chỗ trống rồi đi vòng qua những cụm rừng nhỏ để xem có lừa được con thú nào chạy ngang đường cho Endicott bắn không. Chẳng có dấu chân con thú nào hôm nay. Chỉ có một vùng hoang vu mênh mông. Một màu xanh ngắt và cái im ắng buồn thảm, kiên nhẫn, dễ sợ, đầy chán chường cô quạnh.

Tôi chạy theo con đường ngoằn ngoèo lên đồi, nhớ lại hôm qua, nhớ lại sự kích thích ma quái, nhớ khẩu súng tôi nâng trên lên vai, nhớ lúc hình ảnh nàng chợt hiện ra trong tâm trí. Và giữa những hồi tưởng đó, tôi lại thấy những vết chân. Chúng song song với những dấu chân của tôi, trừ một điều lạ là chúng lên đồi trong khi dấu chân tôi đi xuống. Nghĩa là, chúng ngược lại dấu chân tôi. Trước khi đến đỉnh đồi tôi thấy những dấu chân đó quẹo trái, hướng về rừng cây.

Hắn ngồi hút thuốc trên một thân cây cụt, khẩu súng đặt trên đầu gối. Tôi tự bảo mình đừng lưỡng lự. Có lẽ sự suy nghĩ của tôi hôm qua là sai lầm. Nhưng không hiểu sao tôi cố tình gây tiếng động. Hắn đứng dậy. Mắt hắn nhìn tôi kỳ kỳ. Hắn có hiểu không? Hắn có nghi ngờ gì về hôm qua? Hắn liếc nhìn đồng hồ rồi nói:

- Anh đi lâu quá.

Rồi hắn nói giọng thành thật:

- Tôi bắt đầu lo cho anh.

Tôi giật mình:

- Lo cái gì cho tôi?

Hắn lại nhìn tôi chăm chú:

- Tôi không biết, chỉ thấy hai ngày nay anh khác lạ. Nếu anh không được khỏe thì cứ nghỉ ngơi vài ngày.

Tôi thở ra nhẹ nhõm. Vậy là hẳn không biết, không nghi ngờ gì cả. Tôi đáp:

- Không có gì đâu, cảm ơn anh, tôi khỏe mà.

- Tôi vẫn chưa bắt được con nai nào. Năm nay không săn được thì sang năm tôi sẽ trở lại đây, thế nào cũng được phải không? Thôi, ngày mai anh cứ nghỉ ở nhà, tôi sẽ đi săn quanh đây, chẳng thể lạc được. Anh đừng cố gắng vì tôi trả tiền cho anh, cứ nghỉ ngơi nếu anh không được khỏe, tôi vẫn trả tiền cho anh.

Tôi suýt gào lên “Sao anh tốt với tôi quá vậy?”

Tôi nói lớn:

- Không, tôi khỏe lắm, có gì đâu? Thôi, chúng ta về kiếm cái gì uống đi.

\*\*\*

Nàng ngồi giữa hai gã đàn ông chúng tôi, hai tay đặt trên đùi. Mặt nàng trông xanh xao hơn qua ánh đèn xe hơi hắt lại. Ánh đèn vàng vọt mờ trốn mặt nàng làm tôi ganh tị vì tôi không dám ôm lấy khuôn mặt đó. Tôi nói với Endicott.

- Tới một chút nữa, quẹo trái.

Đấy là những lời đầu tiên tôi nói từ khi ra khỏi nhà. Endicott hăm ga, rẽ trái. Khá nhiều xe hơi đậu trước quán rượu. Vừa ra khỏi xe thì tôi nghe tiếng hát vọng ra từ các máy hát tự động trong quán rượu cùng tiếng cười nói âm ỉ. Tôi đứng lại nhường nàng và hẳn vào trước. Có một hành lang nhỏ ở lối vào. Chúng tôi cởi áo khoác ở đó tôi vẫn nhớ lời một bài hát đang phát ra từ máy hát tự động, nó trùng hợp với tâm trạng tôi lúc này.

“... có em trong anh, có một nỗi buồn...”

Chúng tôi cùng vào quán. Endicott sà lại bên một cái máy hát tự động, bỏ tiền vào khe. Tôi gọi rượu, uống một hơi cạn ly, gọi tiếp ly nữa. Tôi thấy nàng và hẳn liếc nhìn tôi. Hai ly rượu của họ vẫn còn nguyên. Tôi lại lắng nghe bài hát.

“... những giọt nước mắt lại rơi, khi anh nhớ em...”

Trong quán toàn những tay thợ săn. Họ cười đùa náo nhiệt. Chuyện chỉ xoay quanh việc săn bắn, những con nai họ giết, những con bị thương, những con to hiếm có mà họ bắn hụt... những lời trêu chọc chế giễu nhau, chuyện khôi hài... Mọi người đều mặc áo len dày, quần jean màu đỏ sẫm. Đàn ông không ai cạo râu và thậm chí có thể ngửi thấy mùi gỗ rừng từ người họ. Tất cả đều cười nói oang oang, ai cũng muốn lời mình lấn át lời người khác át luôn cả những cái máy hát ồn ào.

Chẳng bao lâu sau, Endicott đã nhập bọn với họ để được nghe bàn bạc về những loại súng tốt nhất dùng săn nai. Tôi gọi ba ly rượu nữa. Chát men làm tôi ngà say. Cái bóng đen ma quái đó tan biến trong tôi, nhưng tôi vẫn thấy buồn vì biết rằng nó sẽ trở lại với tôi khi men rượu đã tan.

Hai lần, tôi bắt gặp ánh mắt nàng nhìn tôi qua cái gương lớn ở quầy rượu và cả hai lần tôi lảng nhìn nơi khác. Cuối cùng, tôi quay lại, nhìn thẳng nàng. Nàng mân mê ly rượu, mặt đăm chiêu. Một lúc sau nàng nhìn lên và bốn mắt chúng tôi gặp nhau.

Tôi cho rằng tôi đã đọc được thông điệp nàng dành cho tôi trong ánh mắt đó.

Tôi hỏi:

- Cô thích nhảy chứ?

Nàng vừa vắn, nhỏ nhắn, ấm áp trong vòng tay tôi và tôi cũng nhận thấy đây là một sai lầm. Nàng nói khi chúng tôi đi nhau ra giữa sàn:

- Trong này ngọt ngào quá, em muốn ra ngoài một chút.

Tuyệt phủ đầy những chiếc xe hơi. Hơi lạnh bốc lên từ mặt hồ. Nàng đứng đó, lưng về phía tôi, in lìm như chìm đắm trong suy tư, như mê mải miên man trong thế giới mộng tưởng khó hiểu của đàn bà. Và một lần nữa, tôi chống lại nó, nhưng ngay sau đó tôi nghĩ đây là cơ hội bằng vàng đến với tôi, tuy trong tôi có cái gì bắt tôi phải ngưng lại. Cái đó hòa lẫn một nỗi khát khao băng hoại. Tôi ôm vai nàng, xoay nàng lại, ghì xiết nàng trong tay tôi.

Tôi đoán nàng sẽ vùng vẫy lúc đầu, mong nàng sẽ kháng cự, ao ước nàng làm thế. Đôi môi nàng lãnh đạm lúc đầu rồi ươn ướt, ấm dần và tôi biết mình không lầm.

Thình lình, có tiếng động như có ai mở cửa quán rượu. Nhưng nàng biết trước nên xô tôi ra ngay. Tôi quay lại, định ninh là chồng nàng. Nhưng chỉ là một đôi tình nhân. Họ đi qua chúng tôi, vào một chiếc xe hơi.

Chúng tôi trở vào quán.

\*\*\*

Trời xám xịt, xám đen như những ý nghĩ trong đầu tôi.

Nhưng đám mây đen lơ lửng thấp gần. To và cuộn cuộn. Không khí ẩm ướt, lạnh buốt. Một cơn mưa tuyết rất lớn, có thể là bão sắp đến nơi hoang dã này.

Tôi đứng ngoài nhà chờ Endicott từ biệt nàng. Họ luôn mất thì giờ trong việc chia tay nhau. Hänn đang đứng trên bậc thềm, tần ngần như đứa trẻ nói lời chào cha mẹ trước khi đến trường. Cảnh đó hôm nay làm tôi nghiêng rãng tê tái, vì nhớ đêm qua nàng đã ở trong vòng tay tôi.

Giọng Endicott vang lên:

- Anh không nghe vợ tôi nói sao?

Tôi giật mình quay lại. Hänn nói:

- Cô ấy hỏi anh hôm nay trời có mưa tuyết lớn phải không?

Tôi nhìn nàng nhưng khá xa nên không thấy rõ ý đồ trong mắt nàng.

Tôi đáp:

- Chắc chắn đấy.

Hänn hỏi:

- Tuyết nhiều lắm phải không?

- Ừ.

Hänn hôn nàng đắm đuối và nói:

- Anh không đi lâu đâu, em yêu.

- Cần thận nhé anh!

Tôi bắt đầu bước ra con đường mòn, tiếng nàng vọng theo:

- Tạm biệt anh, Ludlow!

Trong một khoảnh khắc, bước chân tôi lưỡng lự, nhưng tôi không dừng lại, chỉ la lớn:

- Sớm gặp lại cô.

Trên đường, tôi và hãn không nói lời nào. Âm thanh duy nhất là tiếng bước chân chúng tôi dẫm trên tuyết. Đến chỗ con đường rẽ, tôi dừng lại nói với hãn:

- Hôm nay chúng ta tìm thú bằng cách khác xem sao. Mỗi người đi mỗi ngả. Anh cũng khá thuộc đường nơi đây rồi nên không sợ lạc đâu miễn là anh đừng rời con đường mòn này mà mò vào rừng. Tôi sẽ tìm thú trong rừng vì tôi quá thuộc đường rồi. Biết đâu hôm nay lại chẳng bắt được con nai nào, vậy nhé?

Hãn nhìn tôi không đáp. Hãn có biết không? Hãn có hiểu lý do thực đằng sau sự xếp đặt của tôi không? Hãn có biết tôi đang sợ hãi chính tôi không? Sợ cái tôi sắp làm?

Mấy bông tuyết rơi nhẹ nhàng giữa hai chúng tôi. Hãn nói:

- Được.

Tôi bảo hãn:

- Anh không cần đợi tôi như mọi khi, cứ trở về nhà nếu anh thấy mệt. Nhớ là đừng đi vào rừng, đừng bỏ con đường mòn này. Vùng này rộng lắm, rời đường chính thì tuyết sẽ lấp mất dấu chân anh và anh sẽ không tìm được đường về đâu, nguy lắm đấy, cẩn thận nhé.

Hãn gật đầu rồi bước đi.

Tôi theo con đường ngoằn ngoèo lên đồi. Những con đường tôi đã thuộc lòng từ bé nhưng ít khi đến đây những năm sau này. Bây giờ chúng chỉ còn trong ký ức, và sau việc này, tôi muốn sẽ quên chúng cũng như quên tất cả mọi chuyện.

Tôi theo những dấu chân nai về hướng nam. Những vết chân còn mới nên tôi rẽ ngoặt vào rừng để không đánh động chúng. Tuyết đã ngập đầy khắp nơi, những bông tuyết rơi dày đặc hơn. Chẳng bao lâu nữa, trận mưa tuyết sẽ kéo đến với tất cả sức mạnh của nó.

Không lâu sau, những vết chân nai băng qua con đường chính. Tôi cũng thấy dấu chân Endicott vừa đi qua. Sau đó, khi thấy hai hàng dấu chân đi theo dấu chân Endicott, tôi vội theo ngay. Chúng tương tự như dấu chân tôi bắt gặp hôm qua, và khi nhìn kỹ chúng, tôi thấy trong người nhộn nhạo, quay cuồng và tôi hiểu.

Đó là dấu chân nhỏ nhắn của con nít, hoặc của một người đàn bà. Tôi theo chúng...

Nàng đang ngồi thu mình sau một gốc cây đại thụ, chăm chú ngắm bắn, quá chăm chú đến nỗi không nghe tiếng chân tôi rất nhẹ sau lưng nàng. Hắn dừng lại không xa phía trước, đang châm thuốc lá. Cái lưng của hắn là tấm bia lý tưởng vì cái áo khoác đỏ nổi bật giữa biển tuyết trắng xóa.

Giữa cái im lặng rừng rú, tiếng “cách” khi nàng lên cò khẩu carbine chỉ là âm thanh mơ hồ. Nàng đã tháo găng tay bóp cò súng. Tôi vẫn mang găng và tôi chặn lại hành động cuối cùng của nàng vừa kịp lúc. Chính vì giật mình nên nàng bóp cò, nhưng ngón tay tôi đã đón phía trước - giữa cò và kim hỏa - cốt để vừa chặn được phát súng oan nghiệt, vừa không cho khẩu súng rơi xuống. Nàng quá kinh hoàng, quá ngạc nhiên nên tôi dễ dàng tước khẩu súng trong tay nàng.

Nàng co rúm người, tay ôm ngực, tay kia che miệng ngăn một tiếng kêu sợ hãi.

Hắn không bao giờ biết chuyện gì xảy ra sau lưng hắn. Khi tôi quay lại thì hắn đã đi tiếp, súng lủng lẳng trên vai. Hắn không nhìn lại và dần mất dạng.

Tôi đã từng biết cái gọi là nỗi đau trong lòng, nhưng chẳng có cái đau nào có thể so sánh với cái đang đến với tôi trong lúc này. Nó là sự ghê tởm khôn cùng của một ảo tưởng tan vỡ...

Tôi nhìn nàng, trong lòng nhức nhối, tràn ngập xót xa. Đó là một thứ đau đớn có thể phai nhòa nhưng không bao giờ chấm dứt. Tuy thế, tôi ngạc nhiên là không hề có chút ghét bỏ nào đối với nàng trong tôi. Cho dù bây giờ - sau cùng thì tôi đã hiểu nàng - tôi cũng không thể ghét nàng được. Điều tôi cảm nhận, hiểu thấu về nàng thì quá thật, quá sâu lắng, không thể bị chiếm cứ bởi sự ghét bỏ. Tôi nói:

- Thế mà cô nói không biết bắn súng, và súng làm cô ghê sợ! Lại còn bảo sợ lạc nếu đi một mình trong vùng này nữa chứ!

Tuyết đang rơi dày hơn, nhiều hơn. Gió bắt đầu mạnh. Những vết chân của chúng tôi trên đường đã bị tuyết lấp mất. Tôi nói:



- Cô muốn làm cho không ai nghi ngờ cô chứ gì? Đó là lý do cô không bắn hẳn hôm qua mà phải chờ đến hôm nay vì hôm nay tuyết sẽ lấp mất dấu chân cô. Trường hợp bị nghi ngờ thì cô cũng đã lo liệu rồi: súng của tôi! Cảnh sát kiểm thấy viên đạn trong người hẳn, sẽ biết là đạn từ súng của tôi. Hay quá phải không? Vì thế nên cô không biết bắn chứ gì?

Hai giọt nước mắt nàng trào ra, đọng trên hàng mi, run rẩy một chút rồi lăn xuống gò má. Nàng lắc đầu nguầy nguậy. Cảnh này trước kia có thể làm tôi mủi lòng, nhưng giờ đây tôi bỗng khôn ngoan, già dặn hẳn lên. Tôi tiếp:

- Ngay cả đêm qua cô cố tình cho tôi hôn, cố tình để cho người khác thấy tôi hôn cô. Đó là cái bẫy dành cho tôi chứ gì? Đó là nguyên nhân tôi giết hẳn. Còn nguyên nhân nào hay hơn tôi giết hẳn vì muốn chiếm vợ hẳn? Nhưng có một điều tôi thắc mắc: phải chăng không chỉ có mình cô trong vụ này?

Bây giờ nàng mới nói:

- Em yêu anh, Ludlow, em yêu anh!

- Thật à? Hay là một người đàn ông đang ở đâu đó? Endicott quá già đối với cô nên cô muốn thoát khỏi hẳn, nhưng cô lại muốn có tiền của hẳn.

- Em yêu anh, tin em đi!

Rồi như thấy vô ích, nàng hỏi:

- Anh định làm gì?

- Tôi sẽ không nói cho ai biết đâu, Rosemary, không kể cho ai đâu. Ai mà tin tôi! Nào, chúng ta về.

- Về đâu?

- Về nhà chứ về đâu!

\*\*\*

Dĩ nhiên tôi nói dối nàng. Endicott quá say mê nàng nên vô ích nếu tôi kể mọi chuyện. Nàng sẽ chối quanh. Sẽ lẩn tránh đủ kiểu và hẳn sẽ tin nàng chứ không tin tôi. Không, không thể kể cho hẳn được.

Nhưng nàng sẽ tìm cách khác để giết hẳn. Không cách này thì cách khác. Hẳn sẽ chết mà tôi không làm sao báo trước cho hẳn...

Tôi rẽ ngoặt khỏi đường làng, vào rừng. Nàng dừng lại, lưỡng lự rồi nói:

- Đâu phải đường về...

- Lối tắt.

Nàng vẫn do dự. Tôi nói:

- Cô không thấy trời sắp bão sao? Tôi muốn về nhà thật nhanh, theo tôi mau lên.

Nàng vội theo tôi. Rừng cây dày đặc xung quanh. Gió rền rĩ trên những ngọn cây nhưng dưới này khó mà nghe rõ. Đây là một cõi khác, một thế giới nguyên thủy ban sơ, một thế giới của rừng cây và băng tuyết. Cây cối xung quanh giống hệt nhau. Mọi hướng đều y như nhau. Ngay cả mặt trời cũng không thể cho biết đâu là hướng đông, đâu là hướng tây, cả bầu trời cũng vậy. Vì làm sao mà thấy được gì khi tuyết rơi quá dày và quá nhanh đến nỗi không thể nhìn xuyên qua cành cây kẽ lá?

Tôi bước nhanh. Nàng gọi:

- Anh Ludlow! Chậm lại, em không theo kịp!

Tiếng nàng ngắt quãng. Tôi đi nhanh hơn. Nàng hét lên, chạy theo.

- Ludlow!

Tôi vùng chạy.

- Ludlow, Ludlow... Ludlow...

Tôi tiếp tục chạy, chạy mãi.

- Ludlow... Ludlow... Ludlow...

Tôi vẫn chạy, mặc những cành cây quất vào mặt, bỏ lại đằng sau tiếng thét lạnh lạnh kinh hoàng.

Tiếng thét lịm dần và chỉ còn trong trí tưởng tượng của tôi.

\*\*\*

Tôi đi cùng đoàn người tìm kiếm và chính hẳn tìm ra nàng. Bão đã ngớt sau đó hai ngày. Chúng tôi thấy nàng gục bên một gốc cây, hai bàn tay nắm chặt, áp hai bên má. Viên cảnh sát nhẹ nhàng gạt tuyết trên mặt nàng. Trông nàng như đang ngủ và vẫn đẹp nãy nùng. Tôi quay đi và suýt ứa nước mắt trước cảnh đó. Nhưng không ai để ý vì ai cũng muốn khóc.

Nước mắt ràn rụa, hẳn gào lên:

- Tại sao? Tại sao vợ tôi đến đây? Tại sao cô ấy đi lang thang như vậy? Tại sao... cô ấy sợ rùng mà! Có ai nói cho tôi biết tại sao không?

# Biệt Thự Chim Sơn Ca

Agatha Christie

-**T**ạm biệt, em yêu.

-Tạm biệt, anh yêu.

Alix Martin đứng tựa vào hàng rào của khu vườn tuyệt đẹp, đôi mắt trông theo hình dáng chông nàg nhỏ dần khi anh đi xuống con đường dốc dẫn vào làng. Không bao lâu sau, anh khuất dạng ở một khúc queo nhưng Alix vẫn đứng ở chỗ cũ, ánh mắt xa vắng, mơ màng.

Alix Martin không đẹp lắm, chỉ khá xinh và có chút gì đó vui nhộn ở nét mặt nàg mà các bạn nàg ít khi nhận thấy. Cuộc đời nàg không được suôn sẻ lúc tuổi đôi mươi. Mười lăm năm qua, từ tuổi 18 đến 33, nàg phải sống tự lập, làm thư ký đánh máy và làm việc rất năng động, chăm chỉ. Sự vất lộn với cuộc sống gay go làm nàg già dặn nhiều cả tâm hồn lẫn thể chất.

Nàg đã một lần yêu say đắm trong đời. Nàg yêu Dick Windyford, một bạn đồng nghiệp. Tuy bề ngoài họ có vẻ chỉ là những người bạn thân thiết bình thường, nhưng Alix biết rất rõ là Dick yêu mình. Dick phải làm việc cật lực để kiếm thêm tiền nuôi đũa em trai còn đang đi học, vì thế anh không thể tính chuyện lập gia đình.

Bỗng nhiên cuộc đời bình lặng và buồn tẻ của cô gái thay đổi nhanh chóng, nhanh một cách đáng ngạc nhiên, cứ như trong tiểu thuyết vậy. Một người bà con của nàg qua đời và để lại tất cả tài sản cho nàg, một số tiền lớn. Thế là Alix có một cuộc sống thoải mái, không lệ thuộc vào ai. Nàg nghĩ Dick và nàg chẳng phải trì hoãn nữa, chỉ việc làm đám cưới là xong.

Nhưng Dick bỗng có thái độ khác thường. Anh chưa hề thẳng thắn nói với nàg là anh yêu nàg. Bây giờ, anh càng có thái độ xa cách hơn. Anh hay tránh mặt nàg. Anh bỗng trở nên im lặng, hay buồn bã. Alix mau

chóng hiểu ra sự thật. Nàng đã trở thành một cô gái giàu có. Lòng kiêu hãnh của Dick không cho phép anh hỏi nàng làm vợ. Nhưng không vì thế mà nàng không còn yêu anh, mà còn định ướm lời cho anh. Nhưng nàng chưa kịp thực hiện ý định đó thì một việc bất ngờ khác xảy đến.

Nàng gặp Gerald Martin tại nhà một người bạn. Người đàn ông này bỗng yêu nàng điên cuồng và chỉ một tuần sau, ông ta ngỏ lời cầu hôn nàng. Alix vốn bản tính nhân hậu và nhạy cảm, đã xiêu lòng trước người đàn ông này, và vô tình, nàng đánh động Dick Windyford. Anh đến gặp nàng, gần như ghen lời vì tức giận:

- Người đàn ông đó hoàn toàn xa lạ đối với em! Em chưa hiểu gì về ông ta cả!

- Em chỉ biết là em đã yêu ông ấy.

- Làm sao em biết mình đã thực sự yêu hay chưa chỉ trong... một tuần gặp gỡ?

Alix tưởng anh bóng gió chuyện bậy bạ, nàng hét lên:

- Bộ anh tưởng phải mất mười năm để biết mình có yêu hay không à?

Mặt Dick tái nhợt:

- Anh yêu em từ khi gặp em lần đầu và anh nghĩ em cũng yêu anh.

Alix thú thật:

- Vâng, em đã yêu anh, nhưng lúc đó em chưa thực sự hiểu tình yêu là gì.

Sau đó, trong cuộc nói chuyện, Dick bùng lên giận dữ. Lúc đầu anh năn nỉ, van xin nàng, rồi sau thì anh đe dọa, dọa sẽ làm cái gì đó với người đàn ông đã cướp người yêu của anh. Alix rất ngạc nhiên về tình yêu của chàng trai, người mà nàng tưởng mình hiểu rất rõ.

Sáng nay đứng tựa hàng rào biệt thự Chim Sơn Ca trong ánh nắng ấm, nàng hồi tưởng cuộc gặp gỡ hôm đó. Nàng vừa lấy Gerald được một tháng và rất hạnh phúc. Tuy thế, nàng bỗng có những lúc đột nhiên xao xuyến lạ lùng làm u ám những ngày hạnh phúc này. Nguyên nhân gây ra sự xao xuyến đó là Dick. Ba lần trong những giấc ngủ sau ngày cưới, nàng có ba giấc mơ giống nhau. Nơi xảy ra sự việc trong ba giấc mơ thì khác nhau nhưng các chi tiết chính thì giống nhau.

... nàng thấy chồng nàng chết và Dick đứng bên xác chồng nàng.....  
nàng biết Dick đã giết Gerald...

Nhưng nếu đó là chuyện ghê rợn thì có cái gì đó khủng khiếp hơn, tuy chỉ trong mơ nhưng nó rất tự nhiên, rất thật.

... nàng, Alix Martin, vui mừng vì chồng mình đã chết...

Trong mơ nàng đã dang tay đón kẻ sát nhân, cảm ơn hẳn. Cả ba giấc mơ luôn kết thúc giống nhau: nàng trong vòng tay Dick Windyford.

Nàng không kể cho chồng nghe những giấc mơ đó. Chúng làm nàng lo sợ vu vơ, nhưng nàng không hề muốn kể cho chồng biết. Phải chăng đó là một lời cảnh báo huyền bí - phải đề phòng Dick?

Alix giật mình vì tiếng chuông điện thoại reo vang trong nhà. Chạy vào nhắc ống nghe và nàng gần muốn xỉu, phải chống một tay vào tường.

- Ai... ai đầu dây đây... hình như...

- Ủa, Alix, em làm sao vậy? Sao giọng em lạc đi vậy? Anh gần như không nhận ra giọng em nữa! Anh đây, Dick đây!

- Ô! Anh... anh đang ở đâu vậy?

- Ở khách sạn Du Lịch trong làng gần nhà em. Chắc em biết? Anh đang nghỉ phép, đến đây câu cá. Em không phản đối nếu chiều tối nay anh đến thăm vợ chồng em chứ?

Alix đáp nhanh:

- Không, anh không được đến!

Im lặng một chút rồi giọng Dick hơi khác cùng với vẻ trịnh trọng:

- Xin lỗi em, dĩ nhiên anh không bao giờ muốn làm em buồn...

Alix vội ngắt lời anh, sợ anh hiểu lầm mình hay nghĩ nàng không bình thường. Mà đúng vậy, ắt hẳn nàng điên rồi! Nàng nói, cố giữ giọng tự nhiên:

- Không phải... vợ chồng em vắng nhà tối nay... anh... anh đến dùng bữa tối mai với tụi em nhé?

Nhưng Dick nhận thấy không có chút nhiệt thành nào trong giọng nàng nên anh anh đáp, vẫn giọng trịnh trọng:

- Cảm ơn em nhiều lắm, nhưng anh có thể đi khỏi nơi đây bất cứ lúc nào vì anh đang chờ một người bạn. Tạm biệt em.

Ngưng một chút, anh tiếp, vẫn thiết tha, ân cần như ngày trước:

- Cầu mong em gặp nhiều may mắn!

Alix gác máy, lòng nhẹ nhõm, tự nhủ: “Dick không được đến đây, không được... quái lạ... mình làm sao vậy nhỉ! Nhưng... Dick không được đến đây... mình không muốn...!”

Nàng lấy cái mũ rơm trên bàn rồi trở ra vườn. Vừa ra khỏi cửa, nàng dừng lại ngược nhìn lên khung cửa. Có một bảng khắc bằng đá gắn ở đó: “Biệt Thự Chim Sơn Ca”. Nàng nói với Gerald khi mới cười:

- Cái tên hay quá anh nhỉ?

Anh cười vui vẻ:

- Có lẽ em chưa bao giờ nghe về loài chim nightingale. Chúng chỉ hát cho những người yêu nhau. Chúng ta sẽ được nghe chúng hát vào những buổi chiều tối trong vườn.

Quả thật, nàng đã nghe chúng hát những buổi chiều tối, nàng rất vui. Gerald tìm thấy biệt thự này và đến gặp Alix với tâm trạng bối rối. Anh nói đã tìm được một căn nhà lý tưởng cho hai vợ chồng, một tổ ấm tuyệt vời. Khi đến xem căn nhà thì Alix mê ngay. Tuy ở một nơi khá hẻo lánh, cách ngôi làng gần nhất gần bốn cây số, nhưng căn nhà toát ra vẻ gì đó vui mắt và ấm cúng. Cách kiến trúc thật lôi cuốn, trong nhà đầy đủ tiện nghi. Xem một vòng, Alix hoàn toàn bị thuyết phục. Nhưng cả hai vợ chồng trẻ thất vọng khi tìm gặp chủ nhà, biết ông ta không cho thuê mà bán đứt.

Gerald có rất nhiều tiền nhưng phần lớn là tiền đã ủy thác trong công việc làm ăn nên không thể sử dụng tùy tiện. Anh chỉ có thể rút ra trong ngân hàng được 1.000 bảng. Chủ nhà định giá là 3.000 bảng. Alix quá mê căn nhà, và để giải tỏa lo lắng cho anh, nàng đưa cho anh 2.000 bảng để giao cho chủ nhà. Thế là biệt thự Chim Sơn Ca trở thành sở hữu của họ và Alix không một chút hối tiếc quyết định của mình. Có điều là căn nhà lớn quá mà không ai muốn làm gia nhân nơi hẻo lánh này nên Alix phải tự thu dọn lấy. Đã trải qua tuổi trẻ vất vả, nàng cũng không coi đó là nặng nhọc.

Trong vườn nhà có nhiều loại hoa đẹp, được một người làm vườn chuyên nghiệp chăm sóc. Ông ta đến trông coi những luống hoa mỗi tuần hai lần.

Vừa queo sang hông nhà, Alix ngạc nhiên khi thấy người làm vườn già đang lúi húi bên những luống hoa. Nàng ngạc nhiên vì ngày làm việc của bác ta là thứ hai và thứ sáu. Hôm nay là thứ tư.

Bước về phía ông già, nàng hỏi:

- Ủa, bác George, bác làm gì vậy?

- Tôi biết cô sẽ ngạc nhiên, nhưng sắp có một cuộc triển lãm hoa trên tinh vào thứ sáu, tôi nghĩ cô cậu không trách việc tôi đến đây làm việc hôm nay bù cho ngày nghỉ thứ sáu.

- Vậy à? Vâng, cháu chúc bác sẽ đoạt giải.

- Cám ơn cô, và tôi cũng muốn gặp cô trước khi cô đi để hỏi cô tôi sẽ làm gì với những luống hoa khi chúng trở bông. Cô không định trước bao giờ sẽ trở về à?

- Cái gì? Cháu đi đâu?

Ông George nhìn sững nàng, ngạc nhiên:

- Không phải cô đi Luân Đôn ngày mai à?

- Không! Ai nói thế?

Ánh mắt người làm vườn khác lạ:

- Tôi gặp cậu chủ trong làng hôm qua, nói là cậu và cô sẽ đi Luân Đôn ngày mai và chưa biết bao giờ trở về.

Alix cười.

- Vô lý, chắc bác nghe lầm hay hiểu lầm ý anh ấy rồi.

Tuy nói thế nhưng nàng không hiểu chồng mình nói thế nào mà người làm vườn lại nghe ra như vậy. Đi Luân Đôn! Không bao giờ nàng muốn trở lại nơi đó. Nàng bỗng nói một cách cay đắng:

- Tôi ghét Luân Đôn!

Ông già điềm tĩnh:

- À, chắc tôi lầm... nhưng cậu nói rất rõ... tôi rất vui khi cô vẫn ở đây. Tôi không thích cô cậu đi vắng lâu và tôi cũng cũng không thích Luân Đôn chút nào. Tôi không muốn đến thành phố đó nữa, thành phố ồn ào nhất thế giới! Khi có một chiếc xe hơi thì người ta không chịu ở yên một chỗ. Ông Ames, chủ cũ nhà này vốn là người thích yên tĩnh thế mà thay đổi nhanh chóng sau khi sắm một chiếc xe hơi. Mua xe được một tháng thì bán nhà.



Ông ta tốn bộn tiền cho việc sửa sang, trang trí căn nhà này đó chứ. Tôi đã nói với ông ấy là sẽ không bao giờ lấy lại được số tiền bỏ ra phí phạm như vậy. Nhưng ông ấy nói chắc chắn sẽ bán được căn nhà với giá 2.000 bảng, dư lấy lại vốn, còn lời nữa! Tưởng đùa mà ông ấy bán được với giá đó thật!

Alix mỉm cười:

- Ông ấy bán được 3.000 bảng cơ đấy!

Ông George lặp lại:

- Hai ngàn, người quanh đây bàn tán nhiều vì giá đó hơi cao!

- Chỉ có 2.000?

Ông già nghiêm mặt:

- Sao, cô nói rằng ông Ames trơ tráo đến độ đòi cô cậu đến 3.000 bảng à?

- Ông ấy không nói với tôi, ông ấy gặp chồng tôi và hai người thỏa thuận.

Ông già lại cúi xuống những luống hoa, nói giọng quả quyết:

- Tôi biết chỉ có 2.000 bảng mà thôi.

\*\*\*

Không bận tâm đôi co với lão, nàng bước về phía những luống hoa cuối vườn, chọn những bông đẹp nhất, hái một bó lớn. Khi đang trở vào nhà, vô tình nàng thấy một vật nhỏ màu xanh đậm nằm vắt trên cành một cây hoa. Nàng dừng lại nhặt nó lên và nhận ra là cuốn sổ tay của chồng mình. Anh ấy vẫn ghi những việc sắp làm, những việc cần nhớ trong cuốn sổ này. Là người vui tính, cởi mở đồng thời cũng là người rất ngăn nắp, làm việc gì dù nhỏ anh ấy cũng có thời gian sắp đặt trước hẳn hoi. Khi mới cưới, anh ấy đề nghị ăn đúng giờ và từ đó nàng thấy việc gì anh ấy cũng sắp xếp một cách cẩn thận, chi tiết.

Lật vài trang trong cuốn sổ, nàng bỗng thấy thích thú vì một trang có ghi: “Ngày 14 tháng 5, cưới Alix tại nhà thờ Thánh Peter lúc 2 giờ 30”. Nàng khẽ bật cười, lật tiếp những trang kế. Thành linh nàng dừng lại: “Thứ tư, ngày 18 tháng 6. Tại sao không làm tối hôm nay nhỉ?”. Ngay bên dưới là nét chữ nắn nót của anh: “9 giờ tối”.

Chỉ có thế.

Gerald định làm gì lúc chín giờ tối nay? Ngẫm nghĩ và nàng mỉm cười khi nhận ra rằng một cuốn sổ tay thì có thể ghi bất cứ điều gì và chỉ có chủ nó mới hiểu thôi. Rất có thể trong cuốn sổ này có tên một người đàn bà nào đó. Nàng hờ hững lật tiếp. Nhiều ngày tháng ghi trước những cuộc hẹn, gặp gỡ việc làm ăn, nhưng tên người đàn bà duy nhất là... tên nàng!

Khi bỏ cuốn sổ vào túi áo, bước đi giữa những luống hoa, nàng bỗng thấy xao xuyến. Nàng chợt nhớ lời Dick Windyford. Lời anh rõ mồn mọt như bên tai nàng: “Người đàn ông ấy hoàn toàn là người xa lạ đối với em. Em chưa hiểu gì về ông ta cả!”.

Quả đúng vậy. Nàng đã hiểu gì về Gerald? Anh ấy đã bốn mươi tuổi. Tuổi đó hẳn đã có nhiều đàn bà trong đời anh ấy...

Alix thấy bực bội. Nàng tự nhủ không nên nghĩ những chuyện vớ vẩn như vậy. Còn nhiều việc trước mắt phải làm. Có cần phải nói với anh ấy việc Dick phân cho nàng? Nói hay không?

Có thể Gerald đã gặp Dick trong làng. Nếu thế thì chắc chắn anh ấy sẽ kể cho nàng ngay khi về nhà chiều nay, bấy giờ nàng nói với anh ấy cũng không muộn. Mà... cái gì vậy nhỉ? Alix bỗng muốn giữ kín chuyện này trong lòng. Nàng không muốn nói với ai cú phân vừa qua. Nếu nói với Gerald thì anh ấy sẽ mời Dick đến chơi tại biệt thự, lúc đó nàng sẽ cho chồng biết là Dick có hỏi anh ta muốn lại chơi có được không và nàng đã từ chối. Nếu thế, Gerald hỏi tại sao thì nàng đáp thế nào? Kể cho anh ấy những giấc mơ của nàng ư? Anh ấy sẽ cười giễu nàng.

Sau cùng, tuy xấu hổ với chính mình, Alix quyết định giấu chồng chuyện ấy. Đây là lần đầu tiên từ khi cưới nhau, Alix giấu chồng một chuyện và nó làm nàng khó chịu.

\*\*\*

Khi nghe tiếng chân Gerald trong vườn chiều hôm đó lúc anh đi làm về, nàng vội chạy vào bếp giả vờ bận bịu để giấu sự bối rối. Nàng biết Gerald chưa gặp Dick. Nàng thở nhẹ nhõm nhưng vẫn thấy xốn xang vì giấu chồng một việc mà lẽ ra anh ấy nên được biết.

Ăn tối xong, nàng cùng chồng vào phòng khách, mở các cửa sổ cho gió đêm đưa hương hoa ngoài vườn vào phòng. Alix bỗng nhớ cuốn sổ tay.

Nàng đưa cho anh, nói:

- Em thấy nó kẹt giữa những cành hoa trong vườn.
- Ủa, anh làm rớt ở đó à?
- Vâng, em biết hết bí mật của anh rồi.

Gerald cười:

- Không có gì là tội lỗi cả, em yêu.
- Chuyện bí mật của anh lúc chín giờ tối nay là gì vậy?
- Ô! Đó là...

Anh lộ vẻ ngạc nhiên trong một thoáng rồi mỉm cười như có gì đó làm anh thích thú lắm:

- Đó là một cuộc gặp gỡ của anh với một cô gái rất duyên dáng có mái tóc nâu, mắt xanh như em vậy.

Alix giả vờ nghiêm nghị:

- Em không hiểu, anh đừng lẫn tránh vấn đề.
- Không, anh nói thật. Cô gái đó là em đấy. Đây này, anh định tối nay rửa một số ảnh trong phòng tối và em sẽ giúp anh lúc chín giờ.

Gerald rất mê nhiếp ảnh. Anh có một cái máy ảnh cũ nhưng rất tốt. Chụp ảnh xong anh thường tự tráng phim, rửa ảnh trong căn hầm rượu nhỏ của biệt thự. Hầm rượu đó anh cho sửa lại thành phòng tối cho thú đam mê của anh. Alix cười:

- Và công việc phải làm đúng chín giờ!

Gerald lộ vẻ khó chịu:

- Em yêu...

Giọng anh bỗng có vẻ giận dữ:

- Nên sống có trật tự cho quen mới có thể làm việc nhanh chóng và hiệu quả.

Alix ngồi im không nói. Nàng nhìn chồng. Anh duỗi dài trên ghế đu, nhả khói thuốc. Mái tóc đen nhánh và gương mặt xương xương của anh bỗng nổi bật vẻ cương nghị. Bỗng nhiên. Một nỗi sợ hãi mơ hồ tràn ngập trong lòng Alix, nàng nói mà giọng lạc đi không kịp kèm chế:

- Ôi, Gerald, phải chi em hiểu nhiều hơn về anh!

Gerald nhìn nàng ngạc nhiên:

- Em yêu, em đã biết nhiều về anh. Anh đã kể tất cả quá khứ của anh từ khi anh còn là một cậu bé ở Norththumberland, về cuộc sống của anh ở Nam Phi, mười năm sau cùng ở Canada, thời gian sau cùng là quãng đời thành công nhất của anh.

Alix nói giọng bức bối:

- Chuyện công việc thì nói làm gì!

- Anh hiểu ý em rồi. Chuyện tình cảm phải không? Đúng là đàn bà! Không có gì làm đàn bà tò mò hơn những chuyện riêng tư của người khác!

Alix thấy cổ mình khô khốc khi nàng nói một cách lưỡng lự:

- Vâng... nhưng chắc hẳn đã có những chuyện tình cảm... phải chi em được biết...

Im lặng. Gerald có vẻ bức bối. Cuối cùng, anh nói với vẻ nghiêm túc nhưng ân cần:

- Alix, em cho rằng biết nhiều về người khác là tốt à? Được, anh sẽ nói. Đúng là đã có nhiều đàn bà trong đời anh. Anh không chối bỏ chuyện đó mà nếu anh nói không thì em cũng chẳng tin. Nhưng anh thề là không một người đàn bà nào trong họ là quan trọng đối với anh hơn em. Anh không thể sống thiếu em.

Giọng anh quá chân thành làm nàng xúc động. Anh cười, tiếp:

- Sao, vừa lòng chưa?

Bỗng anh nhìn nàng, tò mò:

- Alix, cái gì hôm nay làm em tự dừng nghĩ toàn chuyện không vui vậy?

Giọng Gerald nhỏ nhẹ như tự nói với mình:

- Lạ thật! Kỳ quái!

- Cái gì lạ hả anh?

- Ô, em yêu, đừng vặn hỏi anh như thế. Anh muốn nói là lạ vì em vốn là người vui vẻ và đang sống những ngày hạnh phúc với anh.

Alix miễn cưỡng mỉm cười, đáp:

- Tất cả mọi việc xảy ra hôm nay như cốt làm em khó chịu.

Ngưng một chút, nàng tiếp:

- Ngay cả bác George cũng có ý nghĩ là chúng ta sẽ đi Luân Đôn ngày mai, bác ấy bảo chính anh nói thế.

Giọng Gerald bỗng sắc lạnh.

- Em gặp bác ấy ở đâu?

- Bác ấy đến làm vườn hôm nay vì thứ sáu bác ấy xin nghỉ.

Gerald bỗng tức giận:

- Lão già ngu xuẩn! Ngu xuẩn!

Alix nhìn chồng, ngạc nhiên vì mặt anh ấy đỏ bừng vì giận dữ. Chưa bao giờ nàng thấy chồng như vậy. Nhận thấy sự ngạc nhiên của vợ, Gerald lấy lại tự chủ, thản nhiên lẩm bẩm:

- Đúng là lão già ngu ngốc.

- Anh nói gì mà bác ấy hiểu ra như vậy?

- Anh nói? Anh có nói gì đâu! Mà... à... anh nhớ rồi, anh chỉ đùa khi gặp lão trong làng: “Đi Luân Đôn sáng mai”, chắc lão hiểu lầm, cũng có thể lão nghe không rõ. Em đính chính rồi phải không?

Anh có vẻ bồn chồn chờ câu đáp của nàng.

- Dĩ nhiên, nhưng bác ấy có vẻ ngạc nhiên. Anh cũng đã biết tính bác ấy, một người kỹ tính, chân thật.

Rồi nàng nói về chuyện giá của căn nhà.

Gerald im lặng một chút rồi nói:

- Ông Ames bằng lòng nhận trước 2.000 bảng, số còn lại cho trả góp trong vài tháng nhưng anh đã trả đủ rồi. Anh quên không nói với em. Hết thắc mắc chưa?

Alix gật đầu vui vẻ:

- Hết rồi.

Nhìn đồng hồ, nàng cười:

- Chúng ta xuống phòng rửa ảnh đi, chín giờ rồi kìa!

Một nụ cười lạ lùng nở trên môi Gerald, anh nói:

- Anh đổi ý rồi, anh không muốn làm việc tối nay.

\*\*\*

Đầu óc phụ nữ hay nghĩ những chuyện rất bất ngờ, khó hiểu.

Khi lên giường đêm đó, tâm trí Alix hoàn toàn thỏa mãn, thanh thản. Tuy hạnh phúc của nàng có những khoảnh khắc bị đe dọa vu vơ nhưng giờ đây nàng thấy yêu đời và an tâm hơn bao giờ.

Thế mà chiều hôm sau nàng lại thấy bồn chồn, lo âu vô cớ. Dick không phen lại nữa. Nàng vẫn nhớ hình ảnh của anh khi hai người còn bên nhau. Nàng bỗng nhớ lời anh: “Người đàn ông đó hoàn toàn xa lạ đối với em. Em chưa hiểu gì về ông ta cả!”.

Rồi giữa những ý nghĩ ngổn ngang trong đầu, giọng nói chồng nàng bỗng trở lại bên tai: “Alix, em cho rằng biết nhiều về người khác là tốt à?”.

Tại sao anh ấy lại nói như thế? Có cái gì như đe dọa trong giọng anh ấy, như thể khuyến cáo nàng rằng: “Tốt nhất là em đừng nên biết về anh, dĩ vãng của anh sẽ làm em giật mình đấy!”.

Sáng thứ sáu, nàng linh cảm có một người đàn bà quan trọng trong đời anh ấy. Chồng nàng đã giấu nàng sự thật. Sự ghen tuông hình thành âm ỉ trong đầu nàng, giờ bùng lên dữ dội.

Phải đó là người đàn bà anh ấy định gặp lúc chín giờ tối thứ tư? Nếu thế thì anh ấy nói rủ nàng xuống phòng tối để rửa ảnh là anh ấy nói dối. Ba ngày trước đây nàng dám thề rằng nàng rất hiểu chồng. Giờ đây, anh ấy là người rất xa lạ với nàng. Nàng nhớ lại thái độ tức giận khó hiểu của anh ấy khi nàng nhắc việc bác làm vườn. Thái độ đó hoàn toàn khác thường. Có lẽ đó là việc nhỏ, nhưng cũng cho thấy là nàng chưa hiểu hết về chồng mình.

Sáng thứ sáu đó nàng có nhiều việc lật vật cần làm. Gerald đang trong vườn. Nàng nói với anh là nàng phải vào làng mua sắm vài thứ cần thiết trong nhà. Thật ngạc nhiên, Gerald phản đối dữ dội. Anh nói nàng phải ở nhà, anh sẽ đi giúp nàng. Alix miễn cưỡng nhượng bộ. Nhưng sự ngăn cản của anh làm nàng ngạc nhiên và lo lắng. Tại sao anh không muốn nàng xuống làng? Tại sao?

Thình lình, nàng tìm ra lời giải thích cho tất cả. Có lẽ cách lý giải này làm sáng tỏ tất cả. Có lẽ vì thế mà anh ấy không nói với nàng? Phải chăng Gerald đã gặp Dick trong làng? Trước khi lập gia đình nàng không biết ghen là gì, giờ thì nàng đã biết. Như thế thì Gerald cũng biết ghen chứ?

Anh ấy ngăn cản nàng gặp Dick. Cách giải thích này nàng thấy rất hợp lý, làm nàng an lòng và chấp nhận nó một cách mau mắn.

Nhưng chiều hôm đó nàng lại thấy khó chịu. Linh cảm một chuyện không may sắp xảy ra. Nàng bị giằng xé bởi một cái gì khó hiểu từ khi Gerald đi làm. Sau cùng, nàng nghĩ phải tìm việc gì để làm, để quên đi sự xao xuyến kỳ quái này. Nàng lên lầu, định dọn dẹp phòng làm việc của chồng. Nàng vừa lau dọn vừa nghĩ mình là người vợ tốt.

Nhưng vừa làm việc mà cứ vừa tự nhủ: “Phải chi mình biết hết! Phải chi mình hiểu hết!”.

Nàng cho rằng Gerald đã thủ tiêu một chứng cứ gì đó liên quan đến một người đàn bà trong quá khứ của anh. Sự nôn nóng trong nàng mỗi lúc một tăng cho đến khi nàng không chịu được nữa. Thế là, tuy xấu hổ, nàng hăm hở lục lọi những túi xách, cặp táp đựng thư từ, giấy tờ... lục lọi những ngăn kéo và tất cả các túi áo, quần của chồng. Chỉ có hai ngăn kéo nàng không mở được. Cái thứ nhất là ngăn kéo nhỏ trong tủ quần áo. Cái kia là ngăn kéo bên phải bàn giấy. Cả hai đều khóa. Nhưng nàng quên hết mặc cảm xấu hổ. Nàng tin chắc một trong hai ngăn kéo đó phải cái nàng đang tìm kiếm. Liên quan đến một người đàn bà nào đó. Một người bí ẩn đang ám ảnh tâm trí nàng.

Nàng nhớ Gerald hờ hững bỏ xâu chìa khóa trên bàn khác dưới nhà. Nàng xuống lấy và lên thử từng chiếc. Chiếc thứ ba mở được ngăn kéo bàn giấy. Nàng hăm hở mở vội ngăn kéo bàn giấy. Có một tập ngân phiếu và ít tiền lẻ. Trong cùng là một xấp vài bức thư, cột bằng sợi dây nơ màu hồng.

Alix thở gấp khi nàng mở sợi dây nơ để rồi cột vội lại, đẩy chúng vào chỗ cũ, khóa tủ lại. Đó là những bức thư tình nàng viết cho Gerald trước khi hai người lấy nhau.

Nàng quay sang ngăn kéo nhỏ trong tủ quần áo. Không hy vọng tìm thấy gì nhưng nàng không muốn bỏ sót một chỗ nào mà nàng thấy nghi ngờ. Không một chìa nào đúng của nó cả. Nàng bực bội lấy tất cả các xâu chìa khóa có trong nhà để thử. Bất ngờ, một chiếc chìa khóa trong xâu chìa của dây tủ bếp mở được cái ngăn kéo đó. Nàng lôi ngăn kéo ra ngoài. Chẳng có gì ngoài một xấp những mảnh báo cắt từ những tờ báo cũ.

Alix thở phào nhẹ nhõm nhưng mắt vẫn liếc nhìn những mảnh báo. Nàng muốn biết cái gì mà Gerald phải lưu giữ chúng? Hầu hết đều là báo Mỹ hơn mười năm trước, nói về vụ xử án một người đàn ông tên là Charles Lemaitre. Người đàn ông này bị nghi ngờ là đã cưới nhiều phụ nữ giàu có rồi giết họ để đoạt gia tài. Nhiều bộ xương người được tìm thấy ở nhiều nơi khác nhau, dưới đất, trong nhà kho hoặc hầm rượu của những căn nhà hãn thuê. Đa số những phụ nữ hãn cưới đều được báo cáo là “biến mất” và không bao giờ nghe nói đến nữa.

Hắn đã xử trí rất khôn khéo tại phiên tòa, được sự giúp đỡ bởi một trong những luật sư tài ba nhất nước Mỹ. Tòa án không chứng minh được hắn là kẻ sát nhân, chỉ tìm thấy những chứng cứ hắn phạm vài tội nhỏ. Hắn chỉ bị tù. Alix biết vụ này vì đã xôn xao dư luận một thời. Ba năm sau hắn vượt ngục và cảnh sát không tìm thấy hắn. Báo chí nước Anh cũng bàn tán về cá tính đặc biệt cùng khả năng quyến rũ phụ nữ rất tài tình của hắn. Cũng có nhiều bài nói về chứng bệnh tim của hắn. Đúng là hắn mắc bệnh tim khá nặng, nhiều lần lên cơn tại các phiên tòa, phải đưa đi cấp cứu.

Có một bức ảnh của hắn trong một bài báo. Alix nhìn kỹ. Đó là một người đàn ông để râu khá rậm, nét mặt trầm tư, dáng dấp quý phái.

- Sao trông quen quá nhỉ?

Thình lình nàng giật mình nhận ra người trong ảnh có cùng nét mặt, ánh mắt như Gerald. Đặc biệt là đôi mắt. Không khác chút nào. Có lẽ vì thế mà anh ấy giữ những bài báo này. Nàng đọc những hàng chữ bên dưới. Cảnh sát tìm thấy những cuốn sổ ghi ngày tháng mà theo họ là những ngày sau cùng người ta còn thấy những người phụ nữ ấy, những người vợ mất tích của hắn!

Tại phiên tòa nọ, có một người đàn bà khai rằng Lemaitre có một vết sẹo ở phía trong cổ tay trái.

Alix buông rơi những mảnh báo, hai tay ôm ngực.

Ở bên trong cổ tay trái chồng nàng có một vết sẹo.

Căn phòng quay cuồng chao đảo quanh nàng. Gerald Martin là Charles Lemaitre! Nàng hiểu hết và chấp nhận sự thật trong một tích tắc.



Tất cả những việc rời rạc khó hiểu mấy ngày qua bỗng khớp với nhau một cách nhanh chóng trong đầu nàng.

Tiền mua căn nhà này là tiền của nàng, chỉ một mình nàng. Giấc mơ của nàng giờ đây cũng có ý nghĩa: trong sâu thẳm tâm trí - tuy không nhận thức rõ - nàng luôn cảm thấy sợ hãi Gerald Martin. Nàng ước sao mình trốn thoát khỏi Gerald và ngôi nhà này ngay lập tức, để tìm đến Dick, cầu cứu anh. Không hiểu sao nàng tin rằng Gerald-Lemaitre đang âm mưu giết nàng. Có lẽ không bao lâu nữa...

Bỗng nàng thảng thốt nhớ lại một việc.

Thứ tư... 9 giờ tối...

Hầm rượu với bốn bức tường bê tông... thật dễ dàng, tiện lợi để giấu kín mọi chuyện! Hẳn đã từng chôn một trong những người đàn bà hăng giết trước đây trong một hầm rượu. Rõ ràng hẳn định hành động tối thứ tư vừa rồi. Nhưng tại sao hẳn lại điên tới mức viết ngày giờ đó ra giấy? Không... hẳn không điên, hẳn luôn ghi chép những việc sắp làm... đối với hẳn, án mạng cũng là một loại công việc.

Thế cái gì đã cứu nàng thoát chết? Làm sao nàng thoát khỏi cái chết đến gáy tối thứ tư vừa qua? Hẳn tha nàng vì thương hại vào phút chót ư? Không! Lời giải đáp chợt lóe trong đầu nàng: bác làm vườn...

Nàng hiểu tại sao hẳn nổi giận. Không nghi ngờ gì nữa. Hẳn đã chuẩn bị chu đáo mọi việc, đã dàn cảnh bằng cách nói với thật nhiều người rằng vợ chồng nàng sắp đi Luân Đôn hôm sau. Bác George bất ngờ đến làm việc là điều hẳn không ngờ. Bác ấy nói đến việc đi Luân Đôn và nàng đã phủ nhận, thế là Gerald hòng kế hoạch vì giết nàng đêm đó là cả một sự liều lĩnh. Trường hợp cảnh sát điều tra vụ việc, bác George sẽ kể sự thật. Hú vía, nàng thầm nghĩ, nếu nàng mà không nói chuyện với bác ấy trong vườn thì...

Nàng thấy chân tay bủn rủn.

Nhưng nàng không còn nhiều thời gian ở đây để nghĩ ngợi nữa. Phải trốn ngay trước khi Gerald trở về. Mau chóng thu xếp những mảnh báo vào chỗ cũ, khóa lại ngăn kéo.

Ngay lúc đó người nàng bỗng như hóa đá. Nàng nghe tiếng cạch cồng.

Chồng nàng đã về.

Trong vài giây, nàng đứng như tượng rồi rón rén bước đến bên cửa sổ, nhìn qua bức màn voan.

Đúng, Gerald đã về. Hắn vừa đi vừa huýt sáo vui vẻ, tay hắn cầm một vật làm cô gái trẻ đã kinh sợ lại càng kinh sợ hơn. Nàng gần muốn xỉu. Hắn đang cầm một cái xẻng. Alix hiểu ngay.

Hắn sẽ hành động trong đêm nay.

Nhưng nàng còn hy vọng. Hắn vừa huýt sáo, vừa đi vòng ra sau nhà. Không một chút lưỡng lự, nàng chạy ra cửa. Nhưng ngay khi ra đến cửa thì chồng nàng xuất hiện ở mé kia căn nhà. Hắn lên tiếng:

- Hello, làm gì em chạy vội thế?

Alix cố hết sức trấn tĩnh. Cơ hội của nàng đã qua nhưng nàng tin sẽ có cơ hội khác, với điều kiện là không được làm hắn nghi ngờ. Nếu không thì có thể... ngay bây giờ...

- Em định ra ngoài đi dạo chút.

Tuy đã trấn tĩnh nhưng giọng nàng vẫn run. Gerald nói:

- Tốt, anh đi cùng em.

- Không, anh đừng đi, em thấy trong người khó chịu, em muốn đi một mình.

Hắn nhìn nàng, ánh mắt dò xét. Nàng thấy nghi ngờ dấy lên trong mắt hắn.

- Chuyện gì vậy? Sao em nhợt nhạt vậy? Sao em run quá vậy?

Nàng mỉm cười, ra vẻ tự nhiên:

- Không có gì, em hơi nhức đầu, đi dạo chút có lẽ đỡ...

Gerald cười:

- Thế thì anh phải đi cùng em, dù em không muốn anh vẫn cứ đi!

Nàng không dám phản đối nữa, hắn mà nghi ngờ nàng đã biết thì...

Bằng tất cả cố gắng, nàng lấy lại tự chủ. Trong lúc đi dạo, nàng có cảm giác khó chịu là hắn thỉnh thoảng liếc nhìn nàng như nghi ngờ điều gì. Khi trở lại nhà, hắn bắt nàng nằm nghỉ, săn sóc nàng với thái độ dịu dàng. Alix cảm thấy tuyệt vọng như rơi vào một cái bẫy với tay chân bị trói. Hắn không rời nàng phút nào. Lát sau, hắn cùng nàng vào bếp, giúp nàng bưng

những đĩa thức ăn nàng đã dọn sẵn. Nàng biết mình phải tự cứu lấy mạng sống của mình. Chỉ có mình nàng và hăn ở đây. Sự giúp đỡ gần nhất cũng cách đây bốn cây số. Chẳng trông mong gì vào sự thương hại của hăn. Hy vọng duy nhất của nàng là làm dịu đi sự nghi ngờ của hăn để hăn không theo sát nàng nữa, dù chỉ vài phút, đủ thì giờ cho nàng gọi điện thoại trong đại sảnh. Đó là hy vọng cuối cùng của nàng.

Một niềm hy vọng chợt lóe trong trí khi nàng nhớ ra lý do đã làm hăn bỏ cuộc lần trước: bác George.

Nàng sẽ nói với hăn là Dick sắp đến chơi, nhưng lại không dám. Hăn sẽ không chịu thua lần thứ hai. Có một vẻ quả quyết và điềm tĩnh đến rợn người trong thái độ của hăn làm nàng chóng mặt. Nếu phịa ra chuyện đó rất có thể hăn sẽ giết nàng ngay và phôn cho Dick là hăn và nàng phải đi gấp.

Ôi, phải chi Dick tới chơi tối nay! Phải chi Dick...

Một ý nghĩ khác chợt nảy trong đầu. Nàng liếc nhanh hăn, như thể sợ hăn đọc được ý nghĩ trong đầu nàng. Nàng đã có kế hoạch, thấy tự tin trở lại, bình tĩnh lại.

Nàng pha cà phê, cùng chồng bưng cà phê ra vườn như những tối đẹp trời ngày mới cưới.

Gerald bỗng nói:

- À, tối nay chúng ta rửa ảnh nhé.

Máu trong người Alix như đông lại. Nàng chỉ nói được vài lời, cổ họng nàng khô khốc:

- Anh không làm việc một mình được sao? Tối nay em mệt lắm.

Hăn mỉm cười:

- Việc này mau thôi mà, và anh bảo đảm với em là sau buổi làm việc tối nay em sẽ không bao giờ thấy mệt mỏi hay bệnh hoạn gì nữa.

Những lời đó có vẻ làm hăn thích thú. Alix nhắm mắt lại.

Phải thực hiện kế hoạch ngay. Nàng đứng dậy nói:

- Em phải gọi điện thoại cho ông bán thịt bò.

Ngưng một chút, nàng tiếp bằng giọng thản nhiên:

- Anh cứ ngồi đó, em ra ngay.

- Phôn cho hàng thịt vào giờ này?

- Dĩ nhiên hàng thịt đã đóng cửa nhưng em phôn lại nhà ông ta. Mai thứ bảy, em quên không dặn ông ta giao thịt bò để em làm bữa cuối tuần. Ông ấy tốt lắm, nhờ gì cũng nhanh nhẩu.

Nàng đi nhanh vào nhà, đóng cửa và nghe Gerald nói với theo:

- Đừng đóng cửa.

Nàng đáp vui vẻ:

- Bộ anh sợ em tình tự với ông bán thịt bò à?

Ngay sau khi vào, nàng nhắc ống nghe, quay số điện thoại khách sạn Du Lịch. Họ chuyển đường dây tiếp tân cho nàng ngay.

- Có ông Dick Windyford ở đó không? Tôi nói chuyện với ông ấy được chứ?

Ngay lúc đó tim nàng đập mạnh. Cánh cửa ra vào bật mở và Gerald bước vào. Nàng tức giận la lên:

- Đi ra, Gerald! Em không thích ai nghe em nói chuyện điện thoại!

Hắn ngồi xuống một cái ghế, mỉm cười:

- Em có chắc là em đang gọi cho người bán thịt heo hay thịt bò gì đó không?

Alix tuyệt vọng. Kế hoạch của nàng đã thất bại. Dick sắp nói chuyện với nàng. Nàng có dám hét lên cầu cứu không?

Trong cơn hoảng loạn bối rối, vô tình những ngón tay nàng mân mê ống nghe. Ngay lập tức, một kế hoạch khác nảy trong đầu nàng. Trên ống nghe có một cái nút khóa. Khi ấn cái nút xuống thì đầu kia sẽ không nghe được tiếng nói của nàng, khi thả nút ra thì lại nghe được.

Nàng thầm nghĩ: “Khó đấy, phải thật bình tĩnh, phải thật chính xác, nói đúng những gì cần nói, không được vấp vấp... mình tin sẽ làm được... phải được...”

Ngay lúc đó giọng Dick vang lên ở đầu dây kia.

Alix hít một hơi dài rồi nói:

- Bà Martin đây, đang nói tại biệt thự Chim Sơn Ca, làm ơn đến (ấn nút) sáng mai, đem cho tôi một miếng bíp-tết đủ cho hai người (buông nút) rất cần thiết (ấn nút) cảm ơn nhiều, ông Hexworthy, xin lỗi ông vì gọi vào

giờ này, nhưng thịt đúng là (buông nút) vấn đề sống chết (ấn nút) vâng, tốt, sáng mai nhé (buông nút) càng sớm càng tốt.

Đặt ống nghe xuống, nàng quay nhìn chồng. Gerald nói:

- Đó là cách nói chuyện của em với người bán thịt à?

- Một cách nói chuyện thân tình đấy.

Nàng hơi run vì kick động. Hẳn không nghi ngờ chút nào. Dick sẽ đến, phải đến dù không hiểu gì cả.

Nàng vào phòng khách, bật đèn. Gerald theo sát nàng. Hẳn vừa nói vừa nhìn nàng chăm chú:

- Bây giờ trông em vui vẻ quá nhỉ?

- Vâng, em hết nhức đầu rồi.

Nàng ngồi xuống cái ghế quen thuộc, mỉm cười với chồng khi hẳn ngồi đối diện nàng. Nàng thoát rồi. Mới 8 giờ 25. Chắc chắn Dick sẽ đến trước 9 giờ. Gerald bỗng nhăn nhó:

- Anh không thích loại cà phê em pha lúc này, nó chua chua làm sao ấy!

- À, đó là loại em mới mua, thử xem có ngon không. Nếu anh không thích thì em đổi thứ khác.

Alix lấy giỏ đồ thêu, Gerald ngồi đọc báo. Nhưng chỉ vài phút sau hẳn ngược nhìn đồng hồ, vớt cuốn sách lên bàn rồi nói:

- 8 giờ 30 rồi, đến giờ chúng ta xuống phòng rửa ảnh rồi đấy em.

Món đồ thêu rơi khỏi tay Alix.

- Ô, chưa! Chưa đến 9 giờ mà, em thích làm việc lúc 9 giờ!

- Em đã quá hiểu anh mà, khi anh đã sắp xếp giờ giấc công việc thì không thay đổi được!

Alix nhìn thẳng vào mắt hẳn. Tay hẳn run rẩy. Mắt hẳn long lanh. Hẳn liếm môi liên tục. Đến giờ phút này thì hẳn không giấu diếm sự nôn nóng của hẳn nữa.

Alix nghĩ thầm: “Đúng rồi, hẳn không thể chờ đợi, hẳn giống như một gã điên...”

Gerald đứng dậy, bước lại bên nàng, chụp vai nàng, kéo nàng đứng dậy.

- Đi nào, em yêu, nếu không anh sẽ bế em xuống đó.

Hắn nói với giọng khô hài nhưng có cái gì dữ dội trong giọng hắn, một cái gì khủng khiếp. Bằng hết sức, Alix vùng khỏi tay hắn, tựa lưng vào tường. Nàng thấy tuyệt vọng. Nàng không thể thoát được nữa rồi. Không còn gì nữa...

Hắn bước về nàng.

- Nào, Alix!

- Không! Không!

Nàng hét lên, hai tay quơ quàng, cuống cuồng. Nàng bỗng buột miệng:

- Gerald, khoan đã... em... em có chuyện muốn nói với anh... em muốn thú thật với anh...

Hắn dừng lại, sững sốt:

- Cái gì? Thú nhận?

- Vâng, em muốn thú nhận hết...

Nàng không hiểu tại sao mình lại thốt lên những lời đó, nhưng nàng đã nói bừa trong lúc tuyệt vọng cốt làm xao lãng hắn, để trì hoãn được phút nào hay phút ấy.

Vẻ khinh miệt hiện trong mắt hắn:

- Một nhân tình phải không?

- Không... chuyện khác... em nghĩ anh sẽ gọi đó là tội ác.

Ngay lập tức, nàng biết mình đánh đúng chỗ hiểm. Nét mặt hắn đổi khác ngay sau câu nói của nàng. Nàng bỗng lấy lại can đảm, thấy hy vọng trở lại, nàng sẽ thoát chết...

Giọng nàng nhỏ nhẹ:

- Anh ngồi xuống đi.

Nàng cũng ngồi lại cái ghế cũ. Cúi nhặt những món đồ thêu trên sàn, đầu óc nàng làm việc dữ dội, cố tìm một câu chuyện giả tưởng cầm chân hắn trong khi chờ Dick đến. Nàng cố tình chậm chạp bắt đầu:

- Em đã nói với anh rằng em làm thư ký đánh máy suốt mười lăm năm qua, nhưng không hẳn đúng như thế. Có những lúc em bỏ việc, hai lần đáng nhớ. Lần đầu lúc em 22 tuổi. Lúc đó em gặp một người đàn ông rất tốt, có một gia tài nhỏ. Ông ấy yêu em ghê lắm, hỏi cưới em và em nhận lời.

Nàng ngưng một chút rồi tiếp:

- Em đã dụ được ông ấy bảo hiểm nhân mạng.

Nàng thấy vẻ quan tâm hiện rõ trên mặt Gerald. Nàng tiếp tục, tự tin hơn:

- Em đã làm việc trong một bệnh viện hồi còn chiến tranh, ở đó em được giao quản lý nhiều loại độc dược quý hiếm.

Rõ ràng là Gerald đang rất chú ý. Kẻ sát nhân luôn quan tâm đến án mạng. Nàng liếc thử tìm cơ hội ở đó và đã thành công. Liếc nhìn đồng hồ trên tường: 9 giờ kém 20. Nàng tiếp:

- Có một loại thuốc độc, dạng bột màu trắng ngà, chỉ cần một chút bằng đầu tăm là đủ gây cái chết. Anh có bao giờ nghe về loại độc dược đó chưa?

Nàng hỏi với vẻ lo lắng. Nếu hắn biết thì nàng phải cẩn thận không thì lộ tẩy. Gerald đáp:

- Chưa, anh biết rất ít về thuốc độc.

Nàng an tâm, tiếp:

- Chắc anh biết loại thuốc tên Hyoscine? Đó là loại em đang nói. Không à? Nó mạnh ghê gớm và hay ở chỗ là không thể tìm được dấu vết gì ở xác người bị đầu độc. Bất cứ bác sĩ nào cũng cho là một chứng đột biến về tim gây ra cái chết. Em đã đánh cắp một ít thứ thuốc đó để dành...

Nàng ngưng lại, Gerald nói:

- Tiếp đi.

- Không... em sợ... em không dám kể... để lúc khác...

Hắn lộ vẻ sốt ruột:

- Anh muốn nghe bây giờ!

- ... em ở với ông ấy được một tháng, luôn tỏ ra là người vợ tốt. Ông ta ca ngợi em với nhiều người hàng xóm. Ai cũng cho em là người vợ gương mẫu. Em thường pha cà phê cho ông ấy mỗi chiều. Một chiều nọ, khi pha cà phê, em bỏ một chút thuốc độc đó vào tách của ông ấy...

Alix ngưng kể, làm bộ chăm chú xỏ một sợi chỉ qua lỗ kim. Nàng chưa bao giờ đóng kịch trong đời nhưng lúc này đây nàng đang là đối thủ

số một của những kịch sĩ vĩ đại nhất thế giới. Nàng đang đóng kịch với một tên sát nhân tàn nhẫn và điên loạn.

- Loại độc dược đó không gây đau đớn chút nào. Em ngồi nhìn ông ấy. Lúc đầu, ông ta ho một chút, nói là khó thở. Em ra mở cửa sổ. Lúc đang mở cửa thì nghe ông ấy nói không đứng dậy được. Khi em quay lại thì ông ta đã chết.

Nàng mỉm cười, ngưng kể. 9 giờ kém 15. Chắc hẳn Dick sẽ đến, không lâu nữa...

Gerald hỏi:

- Bao nhiêu? Em được hưởng bao nhiêu tiền bảo hiểm?

- Hai ngàn bảng. Lúc đó em không biết giữ nên tiêu xài phí phạm hết số tiền lớn đó. Em lại làm công việc cũ nhưng chán nghề đánh máy lắm. Sau đó em gặp một người đàn ông khác. Ông này biết em đã một lần lập gia đình. Ông ta trẻ hơn ông trước một chút, khá đẹp trai, khá giàu. Tụi em cưới nhau ở Sussex. Ông ấy không muốn bảo hiểm mạng sống, nhưng dĩ nhiên tiền của ông ấy sẽ là của em nếu ông ấy chết. Ông ấy thích em pha cà phê cho ông ấy mỗi tối như em từng pha cho ông chồng trước của em...

Alix ngưng một chút, mắt mơ màng:

- Em pha cà phê rất ngon...

Nàng lại cười:

- Em có rất nhiều bạn bè trong làng tụi em ở, họ lấy làm buồn cho em khi chồng em đột ngột qua đời vì bệnh tim vào một buổi tối sau bữa ăn. Em không thích ông bác sĩ khám nghiệm chồng em lúc đó. Em không nghĩ ông ta nghi ngờ em nhưng ông ta cứ bần khoản về cái chết bất ngờ của chồng em. Lần đó em được 4.000 bảng, một số tiền rất lớn, em để dành được và anh thấy đó...

Nhưng nàng bị ngắt lời. Gerald đang chỉ tay vào mặt nàng, tay kia ôm cổ, kêu thất thanh:

- Cà phê!... Đúng rồi, cà phê!

Nàng nhìn hẩn, ngạc nhiên. Hẩn lại la lên:

- Tôi hiểu rồi, tôi hiểu tại sao cà phê có vị chua rồi! Đồ quý cái, đồ yêu tinh! Cô đã đầu độc tôi!



Hai tay hắn bấu chặt thành ghế. Nàng nghĩ hắn sắp phóng tới nàng nên vội đứng dậy bước nhanh về lò sưởi. Nàng đã làm hắn kinh hoàng tuy chỉ là vô tình. Nàng không ngờ lại xảy ra tình huống này. Nàng toan mở miệng nói sự thật nhưng lại thôi. Chỉ giây lát nữa là hắn nhào đến nàng. Thu hết can đảm, nàng nhìn hắn không chớp mắt, tỏ vẻ thản nhiên như ta đây là tay anh chị:

- Vâng, tôi đã đầu độc anh. Thuốc đang ngấm đấy. Bây giờ anh không ra khỏi ghế được đâu... không thể cử động...

Nàng ước chi có thể giữ hắn trong ghế vài phút nữa...

A! Cái gì vậy? Nàng nghe tiếng động ngoài kia. Nàng nghe tiếng lao xao ngoài cổng rồi tiếng chân chạy trên con đường trải sỏi dẫn vào nhà.

Cửa ra vào mở toang.

Nàng bước nhanh qua Gerald, không dám nhìn hắn, chạy vụt ra cửa và té xỉu.

Nàng té vào vòng tay của Dick Windyford.

Anh la lên:

- Trời ơi, Alix!

Anh quay sang người đàn ông bên cạnh, một cảnh sát:

- Ông hãy vào xem chuyện gì trong đó.

Anh nhẹ nhàng đặt Alix vào một cái ghế, cúi xuống ân cần hỏi:

- Alix, em yêu, em làm sao vậy? Chuyện gì vậy?

Mí mắt nàng khẽ rung động, môi nàng mấp máy, khẽ gọi tên anh.

Người cảnh sát trở lại, chạm tay vào vai Dick:

- Không có gì trong đó cả, thưa ông, chỉ có một người đàn ông đang ngồi trên ghế. Hình như ông ta quá kinh hoàng vì cái gì đó và...

- Sao?

- Vâng, ông ấy đã chết.

Họ ngạc nhiên khi nghe tiếng Alix. Nàng nói như trong mơ:

- Vậy là sau cùng, hắn đã chết...

# Đêm Định Mệnh

Robert Somerlott

Mắt ông ta mở to, bàn tay hộ pháp của ông ta đang cầm ly cocktail hơi run làm một chút nước trong ly sóng ra ngoài.

- Anh chắc chứ, Eric?

- Chắc.

Tôi tiếp, giọng nghiêm nghị.

- Tôi không làm đâu vì tôi đã thử mà!

- Kể lại đầu đuôi cho tôi nghe đi, Eric, có thể quan trọng đấy!

- Trời vừa xẩm tối thì tôi ra khỏi khách sạn, vừa đi vừa nghĩ đến hương vị tuyệt vời của món dưa cải bắp mà Frieda sắp cho chúng ta ăn vì suốt tuần qua tôi không được ăn món gì ra hồn cả. Tôi không để ý đến hai gã đó khi băng qua quảng trường, cho đến khi đi hết hai dãy phố tôi mới nhận ra họ đang theo dõi tôi.

Tay Henry Black đã hết run khi ông trao ly cocktail cho tôi. Ông ngồi im lặng trên cái ghế bọc da đối diện tôi, nét mặt điềm tĩnh nhưng đôi mắt xanh nhạt liếc về phía cửa sổ có vẻ căng thẳng. Các cửa sổ đóng kín, màn che kín lớp kính. Ngoài kia lại còn một lớp rào sắt kiên cố. Ông nghiêng đầu như lắng nghe tiếng động gì ngoài đó. Tôi không nghe gì ngoài tiếng mưa rơi và tiếng rên ư ử của Inga và Loki. Đó là hai con chó săn giống Đức. Chúng cũng có vẻ căng thẳng. Tôi biết hai con chó này không ngừng lảng vảng quanh nhà, quanh cái sân được bao bọc bởi một hàng rào kiên cố có thêm dây thép gai. Con chó cái Loki dữ dằn hơn nhưng con chó đực Inga khoẻ mạnh, nhanh nhẹn và tinh tường hơn. Nhiều tháng trước, những tháng đầu tiên đến đây, tôi có cảm tưởng mình đang mạo hiểm vào một nơi nuôi thú ăn thịt người. Tôi cứ tự hỏi liệu hai con chó đó có phóng lên cổ tôi khi tôi cầm lên một món đồ gì đó trong nhà không? Chúng không bao giờ

chịu gần người lạ. Khi ở trong nhà, chúng không bao giờ rời Henry nửa bước. Phải mất hơn bốn tháng chúng mới thôi không điên cuồng sủa vang, gầm gừ, hăn học khi tôi bước vào phòng khách. Hai con chó này được huấn luyện bởi một bậc thầy với kỹ thuật siêu đẳng.

Hiện giờ chúng đang sục sạo, rình mò quanh nhà. Cố tìm kiếm một mùi khác thường. Chờ đợi một bước chân rón rén.

Henry hỏi.

- Hai gã đó trông ra sao?

- Trông như hai gã say người Mexico. Khi nhận ra chúng đang theo sau, tôi nghĩ chúng chờ cơ hội trấn lột hay móc ví vì thấy tôi là du khách nhưng sau đó tôi biết mình lầm vì... đáng đi... vâng, đáng đi của họ không giống người Mexico ở đây, tôi cho rằng ý nghĩ đó buồn cười, nhưng...

Henry bỗng đứng dậy, căng thẳng nói.

- Không, không buồn cười đâu, Eric! Đúng là mỗi dân tộc của mỗi nước có dáng đi khác nhau, không ai để ý đến sự khác biệt đó trừ tôi và anh!

- Dù sao, vẫn có cái gì khác thường ở họ. Tôi nghĩ rằng nếu không tránh được phiền toái, nếu có chuyện không hay xảy ra thì đừng để nó xảy ra trên con đường đến đây, con đường quê không bóng người, không nhà cửa. Tôi đứng lại chờ đợi. Họ không đi qua tôi mà rẽ vào một trong những cái sân nhỏ của quảng trường.

Ngưng một chút, tôi tiếp.

- Rất có thể tôi đã quên mọi chuyện nếu tôi không thấy họ ở gần nhà ông.

- Họ làm gì ở đấy?

- Chiếc xe hơi màu đen chở họ đậu bên lề đường. Họ nói gì đó với tài xế, nhìn tôi một lúc rồi khi thấy tôi quẹo vào đây thì họ lên xe và đi mất... à, chiếc xe đó mang biển số Mỹ. Họ đi tiếp chứ không quay lại.

Henry dấm tay phải vào lòng bàn tay trái, giọng hoang mang.

- Họ đi đâu? Con đường đó dẫn đến hai lò gạch và một trại heo cách đây ba cây số... lẽ ra anh phải nói cho tôi biết sớm hơn!

Tôi cười, cố làm không khí trong phòng bớt căng thẳng.

- Tôi không muốn làm hỏng bữa tiệc thịnh soạn của Frieda! Tự nhiên đi kể caõu chuyện về những người lạ mặt vợ bí ẩn vẫn để bữa ăn mất ngon sao?

Nhấp một ngụm cocktail, tôi tiếp.

- Hơn nữa, có chuyện gì xảy ra đâu? Họ chỉ có vẻ lạ lùng vậy thôi... có điều tôi không hiểu tại sao họ đến đây trước tôi mà tôi không nhìn thấy xe họ vượt qua xe tôi. Thôi, quên đi nhé? Tôi cho là họ định trấn lột tôi nhưng thấy không ngon ăn nên bỏ cuộc...

- Có lẽ... có lẽ thế...

Frieda bước vào đột ngột làm tôi có cảm tưởng bà ta đứng ngoài cửa từ lâu, lắng nghe cuộc trò chuyện. Bà nói.

- Xin mời quý vị món tráng miệng.

Mặt bà ta tròn quay, nụ cười luôn tươi nở trên môi. Nhưng bây giờ thì không. Quầng mắt hơi thâm. Ánh mắt có chút căng thẳng. Những ngón tay mập mạp của bà đeo đầy những nhẫn vàng và kim cương hơi run khi đặt khay cà phê và bánh ngọt lên bàn. Những đĩa thức ăn đã sạch nhẵn. Henry nói.

- Ngày đó khi tôi quyết định lấy vợ thì Trời giúp tôi, cho tôi gặp một cô gái Đức là Frieda đây.

Bà cười.

- Tôi bây giờ không còn là cô gái nữa.

- Nhưng bà là người vợ tốt.

Ánh mắt hai người gặp nhau, một cái nhìn đầy thương yêu trìu mến, tận tụy và cảm thông. Và tôi thấy rất rõ trong ánh mắt đó có cả sự lo âu buồn bã. Frieda nói.

- Ông cũng là người chồng tốt.

Bà nói tiếng Anh không sôi lắm. Âm giọng bà chất chứa cái gì thật buồn thảm mường tượng như lời thì thầm vĩnh biệt khế vọng từ đáy mồ. Henry nắm tay bà, chạm vào cái vòng vàng rất đẹp mà bà rất hãnh diện. Frieda quá hiền lành và tận tụy trong vai người nội trợ và đặc biệt tính ham mê đồ trang sức khiến bà lăm lức cứ như trẻ con. Bà thích tất cả những món đồ trang sức dù thật hay giả miễn là đẹp.

Ngoài kia, Inga bỗng sủa vang. Henry bước tới cửa sổ chỉ bằng ba bước dài. Ông vén màn cửa, ghé mắt sát mặt kính. Đã gần sáu mươi nhưng dáng dấp ông vẫn hùng dũng, oai vệ như một con hổ. Từng bước chân vẫn vững vàng mạnh mẽ. Tôi hỏi.

- Cái gì vậy?

Sự căng thẳng ở ông dịu đi.

- Không có gì cả, tôi nghe Inga sủa.

- Để tôi ra xem.

Tôi vừa định bước đi thì ông nói, giọng sắc lạnh.

- Không! Eric!

Tôi nhìn ông.

- Có gì đâu, bác thân mến hôm nay lạ quá. Từ khi nghe tôi kể lại chuyện đó bác cứ nhấp nhồm như sợ một quả bom ném qua cửa vậy! Nhưng... tôi đã thấy thái độ kỳ lạ của bác trước khi tôi kể lại chuyện đó. Suốt bữa ăn bác cứ như mèo đang rình chuột, cứ như đang thủ thế... bác khác hẳn mọi ngày! Cứ để tôi ra xem.

Ngẫm nghĩ một chút, ông gật đầu nói.

- Ủ, ra xem chuyện gì.

Hai con chó chạy lại bên tôi ở thềm cửa.

- Chào Loki.

Tôi vỗ nhẹ lên lưng con Loki nhưng không dám đụng đến con chó cái Inga. Cùng hai con chó, tôi thông thả đi quanh nhà.

Nơi này giống như một pháo đài hơn là một căn nhà bình thường với hàng rào có dây thép gai bao quanh, rất chắc chắn. Cây cối bị đốn gần hết. Ngoài kia là một khu rừng nhỏ. Hàng rào thép gai được dẫn điện cao thế cả ngày lẫn đêm. Ở nơi hẻo lánh này của xứ Mexico, các nhà giàu xây tường cao, cắm mảnh chai, nuôi chó dữ là chuyện thường, nhưng những cách đề phòng của Henry thì vượt quá mức bình thường. Kỳ lạ.

Tôi gặp Henry năm tháng trước, ngay khi vừa đến làng San Xavier. Hôm đó ông ta đi bộ qua quảng trường, hai con chó hai bên, người hầu theo sau. Ông dừng lại một chút nhìn bức tranh tôi đang vẽ. Khẽ gật đầu chào tôi rồi ông đi tiếp. Nhìn theo, tôi thấy có một khẩu súng sau lớp áo ông ta,

nơi thất lừng. Hai tuần tiếp theo, ông đều đi ngang chỗ tôi vẽ mỗi sáng. Ông đến bưu điện, không nói một lời nhưng mắt nhìn quanh như đề phòng. Sau cùng, những bức họa phong cảnh của tôi đã chinh phục được ông ấy. Sau một lần trò chuyện, tình bạn giữa chúng tôi nảy nở nhanh chóng vì ông cũng là một họa sĩ nghiệp dư. Chúng tôi thường đánh cờ, môn này chúng tôi là những đấu thủ vừa sức. Ông ấy lớn hơn tôi hai mươi tuổi, cũng đã trải qua những năm chiến tranh như tôi, cũng đã đi khắp thế giới như tôi. Ông nói.

- Được gặp gỡ kết bạn với người thông minh như anh thật thú vị. Vì có gì mà anh đến nơi khi ho cò gáy này?

- Không phải tôi muốn đến mà do đơn đặt hàng. Ba năm rồi tôi mới quyết định đến đây vẽ những bức tranh cho họ.

Khi đến đây tôi mới biết mình không lầm vì phong cảnh ở đây đúng như tôi cảm tìm.

Tôi không hỏi tại sao ông lại chọn nơi này để nghỉ hưu. Có cái gì khác thường ở ông khiến tôi ngại không hỏi.

Một tuần sau tôi gặp Frieda. Ông nói.

- Tôi gặp bà ấy ở Đức, khi còn trong quân đội. Phải chi anh trông thấy bà ấy ba mươi năm trước!

Henry luôn cảnh giác.

Sự cảnh giác đó rõ rệt hơn trong vài tuần gần đây. Tôi thấy có cái gì khác lạ trong ánh mắt, trong thái độ của ông. Một cái gì đó căng thẳng. Một ngày nọ, tôi nhận thấy ông kín đáo thay đổi giờ giấc đi lại từ nhà đến bưu điện và từ bưu điện về.

Bây giờ hai con chó và tôi quẹo qua góc nhà, vào sân trước. Hình như con Loki muốn sủa lên. Tôi thấy bóng Henry ở phía kia, bên cửa sổ, một loại cửa chớp kiên cố được chế tạo riêng theo đơn đặt hàng đặc biệt. Đến bên cửa sổ, tôi bỗng dừng lại, nghe ngóng. Loki sủa vang. Hai con chó dường như cảm nhận được sự khác thường trong tôi. Chúng gầm gừ dữ dội, hướng về hàng rào như muốn nhảy xổ đến.

Tôi vội trở vào nhà. Henry hỏi ngay.

- Chuyện gì vậy?

- Không có gì.

- Không, Eric! Anh đã thấy cái gì đó phải không? Tôi trông chừng anh qua cửa sổ, rõ ràng anh giật mình vì thấy có cái gì bất thường ở khu rừng nhỏ bên ngoài.

Tôi nhìn ông.

- Chỉ là một ánh đèn. Nó thấp thoáng hai lần. Chắc là dân ở đây... hình như mưa làm nó tắt, trời đang mưa lớn.

Ông có vẻ nghi ngờ. Tôi thấy khó chịu khi ông không nói mà chỉ nhìn tôi đăm đăm. Tôi hỏi khi cởi áo khoác.

- Chuyện gì vậy? Tôi biết có chuyện khác thường mà! Tại sao Hugo đến tôi sáng nay mời tôi đến ăn tối thay vì thứ sáu như mọi khi? Chuyện gì làm bác thay đổi chương trình vậy?

Ông vẫn nhìn tôi, rõ ràng trong ông đang có cái gì xung đột dữ dội. Tôi nói nhanh.

- Tôi là bạn của bác. Tôi thật tình quý mến hai bác từ nhiều tháng qua. Tôi sẵn sàng giúp đỡ hai bác bất cứ việc gì nếu hai bác cần. Tôi không hề biết sợ cái gì trên cõi đời này cả, nhưng tôi phải được biết mọi chuyện.

Ông chậm rãi châm một điếu thuốc lá, cố tình kéo dài thời gian để suy nghĩ. Cuối cùng, ông nói.

- Ngồi xuống đi, Eric. Tôi đã thề rằng không bao giờ nói với ai nhưng bây giờ tôi cần sự giúp đỡ. Tôi phải bảo vệ Frieda bằng mọi giá.

Ông bỗng nhìn tôi, ánh mắt trở nên dữ tợn làm tôi càng khó chịu hơn.

- Eric, anh có bằng lòng thề trước Chúa là bất luận việc gì tôi kể lại cho anh nghe, dù là việc gì... anh muốn phê phán tôi thế nào cũng được, nhưng anh phải hứa bảo vệ vợ tôi khi tôi không ở bên bà ấy nhé?

Lưỡng lự một chút, tôi gật đầu.

- Bác thừa biết tôi sẽ nhận lời mà.

- Anh thề trước Chúa chứ?

- Vâng, với một điều kiện là bác phải kể hết sự thật.

- Hay lắm, tôi đồng ý, đây là lời thề thiêng liêng.

Trầm ngâm một chút, ông hỏi.

- Eric, anh biết gì về tôi?

Tôi cười.

- Bác đừng cười nếu tôi làm nhé? Thứ nhất, bác không phải người Mỹ dù cách phát âm của bác rất tuyệt nhưng đôi khi không đúng vì không phải tiếng mẹ đẻ. Thứ hai, cách bác ngồi vào bàn ăn, cách bác lấy một miếng pho mát, đúng chứ?

- Rất đúng, anh tinh tường lắm! Tôi thấy trong con người anh có chút gì như lạnh lùng, như tàn nhẫn đấy, nhưng đó là cái tôi thích và tin tưởng ở anh.

Tôi nói.

- Tôi biết bác đang chạy trốn cái gì đó. Căn nhà này được phòng bị một cách khác thường, rất khác thường và tôi tin chắc hai bác không phải sống bằng nghề lừa đảo...

Frieda bước vào, nói giọng lo sợ.

- Không, đừng anh!

Henry nghiêm nghị.

- Chúng ta cần sự giúp đỡ, em phải hiểu!

Frieda bật khóc. Bà khóc một lúc rồi ngồi im. Henry nói.

- Tên tôi là Heinrich Schwartz, người Đức. Tôi đến đây một cách hợp pháp với giấy chứng nhận là một sĩ quan Mỹ về hưu. Việc xoay xở giấy tờ giả dối với tôi không khó. Khi còn bé tôi sống ở Milwaukee. Sau đó tôi được huấn luyện thành người Mỹ tại một căn cứ quân sự Đức.

Ngoài kia trời mưa lớn hơn. Tiếng gió rít có trong này nghe rõ. Henry đứng dậy, hai tay nắm chặt, đi đi lại lại trong phòng.

- Tôi là thiếu tá quân đội Đức, được thăng chức khi còn rất trẻ. Tôi xuất thân từ một gia đình quý tộc nhưng chúng tôi không là đảng viên Quốc xã! Dù cho người ta nói gì đi nữa, chúng tôi cũng không bao giờ là đảng viên Quốc xã! Chúng tôi chỉ có những liên hệ với đảng quốc xã mà thôi. Frieda có những tiếp xúc quan trọng với đảng. Ai tránh được trong thời chiến khốc liệt ấy! Là quân nhân, tôi cũng được thưởng huân chương như những quân nhân khác. Hai ở Phi châu, một ở Ba Lan...

Hugo bước vào, tay ôm cái hộp gỗ. Tôi biết trong đó đựng những khẩu súng. Henry không để ý đến người hầu, ông tiếp.



- Tôi được đưa đến một trường huấn luyện ở Bavaria để học cách giả thành người Mỹ, cách phá hoại, chia rẽ nội bộ địch... sau đó, một mảnh đạn suýt làm hư một chân tôi. Họ rút tôi về công tác ở một trạm vận chuyển gần biên giới nước Bỉ. Hugo là lính của tôi lúc đó, bây giờ là quản gia của tôi.

Hugo khẽ nghiêng mình. Henry tiếp.

- Một phần công việc của tôi là vận chuyển những tù nhân Do Thái bắt được ở Hà Lan nhưng phần nhiều là dẫn những đội quân đặc nhiệm xâm nhập vào đất địch, tạo điều kiện cho họ vào sâu đất địch, cũng không nhiều lắm, mỗi tuần độ gần trăm người. Công việc đều đặn và tẻ nhạt may mà tôi có Frieda bên cạnh. Sau đó, mọi việc thay đổi bất ngờ vì quân đồng minh đang thắng thế. Một ngày nọ, họ chuyển đến chỗ tôi mười bốn tù nhân và cho biết người Mỹ đang đuổi theo sau. Không có trạm vận chuyển nào kế tiếp.

Ông đập tay xuống bàn.

- Tôi phải làm gì bây giờ! Thả hết tù nhân à? Để chúng phá hoại những gì quân đội chúng tôi đạt được, để chúng tố giác chúng tôi với quân Mỹ à?

Giọng ông bỗng như hét.

- Tôi được lệnh! Tôi là một người lính! Tôi và Hugo phải thi hành lệnh!

Mắt ông hướng về cửa sổ, giọng như người ngủ mơ.

- Đêm đó cũng mưa gió như đêm nay.

Tôi cố tưởng tượng những hình ảnh ấy. Họ có thấy không? Một đoàn tù bị dẫn đi trong đêm. Những bộ mặt hốc hác? Những thân hình chỉ còn da bọc xương? Tôi hình dung Henry và Hugo đang đứng cạnh chiếc xe bit bùng chờ đợi từng người được dẫn đến trước họng súng. Giờ đây, Frieda có hồi tưởng, có nghe những phát súng vang và đánh của khẩu Luger? Có nghe những lời thì thầm cầu nguyện cuối cùng của những nạn nhân của họ?

Tôi liếc nhìn bà ấy. Không, lúc này bà ấy không nhớ gì ở dĩ vãng mà đang lắng nghe cái gần hơn: sự nguy hiểm đang rình rập ngoài kia, trong màn đêm. Henry tiếp, vẻ buồn bã.

- Chiến tranh chấm dứt, họ đưa tôi ra tòa ở Nuremberg. Họ không chứng minh được gì có thể kết tội tôi. Nhưng có hai đứa trẻ trong đám tù nhân đó trốn thoát và họ biết. Vì thế họ nhốt chúng tôi trong tù trong thời gian tìm kiếm hai đứa trẻ đó làm nhân chứng. Không kiếm thấy, họ bèn quay sang kết tội vợ tôi cướp bóc những xác chết. Trời ơi! Thật khủng khiếp! Họ chẳng chứng minh được gì cả mà chúng tôi phải ở tù năm năm! Bảy ngày sau khi được thả, chúng tôi đến đây bằng giấy tờ giả. Chúng tôi biết nếu họ tìm thấy hai đứa trẻ đó và họ biết chúng tôi ở đây thì chúng tôi sẽ chết. Thế mà... bây giờ họ đã biết...

Ông lấy trong túi áo ra một phong bì đóng dấu bưu điện Mexico. Bên trong là một tờ lịch ngày, đúng ngày tháng hôm nay. Mặt sau vẽ nguệch ngoạc như nét bút con nít, hình ba người: hai đàn ông, một đàn bà. Người đàn bà bị treo cổ trên một cành cây. Cuối tờ giấy có mấy chữ: “Tối nay, chờ đây, thiếu tá!”

Henry nói.

- Đã có những cái trước cái này hơn một tháng nay. Cái đầu tiên là một hộp quà, trong là một cái vòng đeo tay y hệt như cái Frieda đang đeo nhưng chúng quấn thêm vào đó một con rắn bằng cao su. Một bức thư kèm theo: “Sắp đến rồi đấy, không lâu nữa đâu!”

Frieda thở gấp, buột miệng.

- Kế đến là một khẩu súng đồ chơi của con nít màu đỏ như máu. Lần thứ ba là một quyển sách viết về Adolf Eichmann. Họ viết ở bìa sách: “Các người sẽ theo hắn trong tháng này”.

Tôi nhìn cả ba rồi nói.

- Đó là lý do bác mời tôi đến đây tối nay? Bác nghĩ rằng họ sẽ không dám làm gì khi có người lạ trong nhà phải không?

- Tôi không chắc, Eric, nhưng tôi tin là họ không làm hại anh vì anh là người Mỹ. Đụng đến anh sẽ rất phiền toái, những vụ như thế này họ rất cẩn thận.

Ông cau mày, tiếp.

- Chẳng ra cái quái gì cả! Những trò này cốt để hành hạ chúng tôi... quý thật mà!

Ông đặt tay lên vai tôi.

- Hugo và tôi có thể tự lo liệu, chúng tôi có nhiều súng và đạn, nhưng Frieda phải ở nơi an toàn. Anh giúp tôi việc đó nhé?

Tôi không dám nhìn thẳng vào mắt ông - Tôi hứa sẽ bảo vệ bác gái. Việc bác làm không phải lỗi bác ấy. Nếu có chuyện không hay xảy ra đêm nay thì tôi sẽ giúp bác. Câu chuyện của bác không làm tôi bận tâm đâu, và tôi không thể đứng im khi biết bác sẽ bị bắn lén bởi một tên hèn nhát núp trong bóng tối.

Giọng Henry lạt đi.

- Cám ơn, Eric.

Frieda bước tới, nhón chân hôn lên má tôi.

Một luồng gió hắt nước mưa vào cửa kính và tiếp theo là một loạt tiếng ầm ỉ. Tiếng gõ thùng thiếc! Âm thanh đó thật quái đản trong lúc này! Chúng tôi chụp những khẩu súng trong cái hộp Hugo đã mở nắp. Cầm khẩu Luger, tôi kiểm soát lại cẩn thận. Bỗng Henry la lên.

- Frieda, tắt đèn!

Di chuyển thân mình nhanh nhẹn theo thói quen đã được huấn luyện trong quân đội, bà bước đến bên công tắc, tắt tất cả đèn trong nhà nhưng lại bật hai ngọn đèn cực mạnh ở sân trước.

Hình như tiếng ầm ỉ đó đến gần hơn. Tôi nói với Henry.

- Ông canh chừng cửa này, tôi và Hugo ra cửa sau xem chuyện gì.

- Ừ.

Tôi biết ông đang run rẩy trong bóng tối. Tôi và Hugo ra bằng cửa sau. Hai con chó chạy đến bên chúng tôi ngay. Hugo bảo chúng im lặng bằng cách ra hiệu đặc biệt. Tiếng rổn rảng của kim loại lại vang lên xen lẫn tiếng mưa rơi, tiếng lá cây phàn phật trong gió và tiếng sấm rền vang quanh chúng tôi. Chúng tôi bước cẩn thận tránh những cành cây gãy trên đất, những rễ cây thò trên mặt đất. Mùa này ở đây hầu như ngày nào cũng mưa bão. Hình như nó cũng dự phần vào cuộc báo thù khủng khiếp này. Chẳng có gì có thể ngăn cản được.

Cách căn nhà khoảng năm mươi mét, chúng tôi tìm ra nguyên nhân của tiếng ầm ỉ đó. Một cái chập chỏa đồ chơi con nít được cột vào một thân

cây cụt và một cái đĩa trống được cột khéo léo bên trên. Gió làm chúng đập vào nhau. Tôi nói hốt hoảng.

- Hugo, đây là cái mẹo! Chúng lừa bốt người ra khỏi nhà! Trở lại mau!

Chúng tôi bước nhanh trở lại nhà, cảnh giác hơn lúc nãy. Chúng tôi không biết cái gì đang chờ đợi chúng tôi ở cửa sau. Khi sắp đến sau nhà thì hình như Hugo trông thấy cái gì. Anh ta đột ngột dừng lại. Chợt nhận ra cái anh ta thấy, tôi hét lên.

- Hugo!

Anh ta nhảy lại nhưng qua muộn. Một phát súng vang lên. Anh ta chết không kịp kêu tiếng nào. Cúi rạp mình chạy thật nhanh, tôi đến cửa sau. Hai con chó như nổi điên, tôi tưởng chúng sẽ nhảy xổ vào tôi, nhưng không, chúng để tôi qua. Vào nhà, tôi quơ quàng trong bóng tối, la lên.

- Henry! Chúng bắn Hugo rồi! Anh ấy chết rồi!

- Lạy Chúa! Chúng có mấy tên? Chúng ở đâu?

- Có lẽ chúng đang vòng ra cổng trước, tôi không thấy rõ mấy tên... ba hay bốn gì đó...

Ánh đèn từ ngoài sân hắt vào nhà. Frieda vẫn ngồi im bên công tắc đèn. Henry bên cửa sổ, tay cầm súng của ông buông thõng xuống. Thật nhanh và chính xác, tôi đá văng khẩu súng trong tay ông. Các ngọn đèn bỗng sáng rực. Tôi nói.

- Thừa thiếu tá, chỉ có một người thôi, hẳn không có ngoài đó. Hẳn ở đây. Ông bà đã rất ngu xuẩn để cho hai đứa nhỏ đó trốn thoát...

Sự khủng khiếp hiện trên mặt họ đúng như tôi đã chờ đợi. Đó là phần thường xứng đáng cho những năm tháng dài đợi chờ, nhất là những tháng cuối cùng này. Giờ đây, tôi đã thấy. Tôi sung sướng hả hê nhìn họ trong im lặng. Những hình ảnh năm xưa hiện lại trong trí tôi. Tôi không quên được một hình ảnh nào của đêm đó. Giờ này em gái tôi đang chờ tôi trở về với sứ mạng thành công. Tôi nói bằng tiếng Đức.

- Đêm đó trời cũng mưa như đêm nay.

Tôi bắn Frieda trước. Ông ấy phải sống để thấy. Khi ông ta nhào tới chụp khẩu súng nằm trên sàn thì tôi bắn vào đầu ông ta. Sau đó, thu xếp xong mọi thứ cần thiết, tôi đặt khẩu súng tôi đã giết cả ba vào tay ông ta mà

không quên chùi sạch dấu tay của tôi, thủ tiêu ly cocktail của tôi, lau chùi những nơi tôi nhớ có chạm tay vào. Chắc còn lâu họ mới phát giác những xác chết. Khi đó, tôi và em gái tôi đã trở về New York.

Trước khi đi, tôi tháo cái vòng vàng ở cổ tay Frieda, mặt sau có khắc tên mẹ tôi. Bà nhất định không bán nó những ngày đói kém trong chiến tranh vì nó là kỷ vật sau cùng của cha tôi.

Tôi cũng không bao giờ quên được đêm đó tôi và em gái tôi nằm im giả chết, thấy Frieda lục lấy cái vòng này trong túi quần lót của mẹ tôi, lúc bấy giờ bà là một xác chết ướt sũng nước mưa, cứng đờ lạnh giá.

Những con chó đã im lặng. Chúng mừng rỡ xoắn xít bên chân tôi khi tôi ra đến cổng lớn.

Tôi nói.

- Vĩnh biệt Loki, vĩnh biệt Inga...

# Mụ Phù Thủy Tỉnh Wilton Falls

Gloria Ericson

**Đ**ọc lướt xong bức thư sau cùng, tôi lơ đãng bóc một bức thư mà người thư ký của tôi để nguyên niêm. Có lẽ cô ấy nghĩ đây là thư riêng? Không biết đầu óc để ở đâu, tôi quên không coi địa chỉ người gửi nên nội dung bức thư làm tôi giật mình.

“Vì chúng tôi không tìm thấy người bà con nào trong khi dường như ông là người liên lạc thư từ và là khách thăm duy nhất của bà ấy nên chúng tôi xin báo cho ông biết là bà Miriam Winters đã qua đời. Bà ấy chết thanh thản trong giấc ngủ vào ngày 25 vừa qua”.

Ánh nắng đang chiếu qua màn cửa sổ văn phòng tôi bỗng trở nên lạnh lẽo. Tôi đứng khi mở bức thư, bây giờ tôi ngồi xuống, xoay cái ghế bọc da một vòng, nhìn đăm đăm ra cửa sổ. Thế là, sau cùng, bà ấy đã chết. “Khách thăm duy nhất”. Ôi trời! Không hẳn thế. Lần sau cùng gặp bà ấy là khi nào nhỉ? Tôi nhớ có nhận được một thiệp mừng Giáng Sinh và bà ấy cứ nhắc đi nhắc lại là tôi phải viết thư cho bà ấy. Bà ấy cô đơn, cô đơn ghê gớm vào những năm tháng cuối đời, ắt hẳn thế. Lòng tôi bỗng tràn ngập một nỗi ân hận, thứ cảm giác mà bạn thấy khi chưa thu xếp xong những việc còn dang dở.

Tôi chỉ là một thằng nhóc mười sáu tuổi khi họ thả ông Winters và vì thế, tôi có trách nhiệm về việc giải cứu ông ta. Tôi đi lăng quăng mùa thu năm đó, vênh váo như một anh hùng đáng nguyên rủa. Tôi không ý thức được sự lỗ bịch của mình cho đến mãi sau này. Tôi không trở lại Winton Falls nhiều năm qua nên tôi không biết họ có còn kể cho con cháu họ nghe chuyện xảy ra mùa thu năm ấy hay không. Tôi cũng không biết họ có kể lại câu chuyện theo cách đó - tạo ra một huyền thoại “mụ phù thủy Miriam” -

hay không? Vâng, họ làm. Bà ấy không phải là phù thủy. Tôi đã kể lại cho bà ấy biết mọi chuyện.

Xoay cái ghế bọc da lại bàn giấy, tôi đọc bức thư một lần nữa. Thật kỳ lạ. Nhưng có thể tôi là người còn sống duy nhất đã nghe tất cả câu chuyện kể lại bởi chính bà ấy. Chắc chắn báo chí không cho bà ấy có cái quyền đó. Họ không bao giờ cho bà ấy có được dịp kể lại tất cả sự việc. Họ quá mê mải viết những phóng sự giật gân về sự khủng khiếp bà ấy đã gây ra.

Mà quả thật, đó là một chuyện khủng khiếp.

Tôi không hề chối bỏ điều đó. Tôi cũng không tha thứ cho việc bà ấy đã làm. Nhưng định mệnh đã đưa vào tay tôi trọn vẹn tất cả bi kịch mà không ai có được. Vì thế, tôi luôn nghĩ khác về bà Miriam Winters.

\*\*\*

Miriam ngừng lại để lau mồ hôi trên trán. Chỉ còn hai cái áo sơ-mi chưa ủi. Harry sẽ về nhà tối nay và hẳn sẽ hỏi chúng trước tiên. Hẳn có rất nhiều áo sơ-mi đủ để thay trong một tháng xa nhà trong khi ở nhà hẳn cũng có ngần ấy áo cho Miriam giặt ủi. Một người chào hàng phải ăn mặc chải chuốt, Harry luôn nói thế. Mà hình như hẳn có nhiều áo hơn cần thiết. Sau sai lầm ngớ ngẩn lần đầu tiên, nàng không bao giờ nhắc lại chuyện đó khi thấy vết son môi, vết phấn vấy bẩn trên áo hẳn.

Nàng nhìn đồng hồ trên lavabo một cách sợ hãi. Tại sao nàng phải đến đến giờ chót? Ồ, vì tháng này nhiều chuyện quá. Bobby ốm rồi đến lượt nàng. Nàng bị chứng nhức đầu ghê gớm hành hạ liên miên. Từ sau lần Harry đánh nàng té vào lò bếp thì nàng bị chứng nhức đầu đó và một cảm giác kỳ lạ thường xuyên choán ngự tâm trí nàng. Nàng không sợ cái chứng nhức đầu đó nhưng cái cảm giác kỳ lạ kia... nàng tự hỏi không biết có phải mình bị mất trí nhớ từng lúc hay không. Nàng mong rằng chuyện đó không có. Bobby tuy bé nhưng có thể tự lo ăn uống, tắm rửa... nó sẽ ra sao một khi mẹ nó bị mất trí nhớ?

May thay, khi nàng vừa ủi xong cái áo sau cùng thì xe hơi của Harry cũng vừa rẽ vào bãi cỏ sau nhà. Hẳn tông cửa bước vào. Hẳn lớn hơn Miriam hai mươi tuổi, to con. Ném túi hành lý xuống sàn mà không đáp lại lời chào run rẩy của Miriam. Hẳn quay ra rồi trở vào với túi giấy mà hẳn

cẩn thận đặt trên bàn bếp. Tim Miriam chùng xuống. Thế có nghĩa là hẳn không vui rồi. Nàng không lạ gì điều đó bởi những chai rượu hẳn đem về để uống vài ngày nghỉ ngắn ngủi ở nhà trước khi lên đường.

- Em chuẩn bị bữa ăn cho anh rồi đấy.

Vừa nói Miriam vừa chỉ tay vào bếp.

Đang lúi húi mở nắp chai rượu, hẳn dừng lại ngược nhìn nàng rồi cầm cúi tiếp vào những chai rượu, hỏi:

- Áo của tôi xong chưa?

- Vâng... xong cả rồi... đủ hết. Anh ngồi vào bàn đi, em dọn cho anh ăn.

Hắn lăm bằm trong miệng rồi ngồi vào bàn.

Hai giờ sau, hẳn say mèm. Hẳn không cho nàng đi ngủ.

Tuy tránh được những cái vồ của hẳn trong cơn say bí tỉ, nàng cũng bị hẳn dồn vào góc nhà. Hơi thở hẳn nồng nặc mùi rượu. Bàn tay hẳn lần mò trên thân thể nàng làm nàng buồn nôn.

- Đứng... Harry... đứng...

Giọng nàng vô tình cất cao trong hơi thở gấp.

Có những bàn tay khác chụp lấy tay nàng. Đó là Bobby. Giật mình vì tiếng kêu của nàng, nó vừa khóc vừa chạy vào bếp ôm lấy nàng.

- Mẹ! Mẹ ơi!

Nó la lên, cố kéo nàng thoát khỏi tay gã đàn ông đang say. Miriam nuốt nước mắt, cố nói giọng ôn hòa:

- Con vào phòng ngủ đi, Bobby... nào... để mẹ đưa con đi ngủ...

Nhưng Harry ôm chặt nàng.

- Cô không được đi đâu cả... dẹp cái trò làm mẹ bán thiu đó một lát đã... khi một người đàn ông đi xa về thì hẳn phải được giải trí... nghe chưa...

Hắn quay sang đưa bé vẫn đang ôm chặt mẹ nó.

- Cút ngay! Đồ khốn! Đi ngủ!

Nhưng thằng bé khốn khổ không nghe hẳn.

Nhanh như chớp, hẳn vung mạnh bàn tay hộ pháp.



Thân hình thẳng bé như bay trong không khí. Nó văng lên không trước khi nằm bất động dưới lavabo. Một vết tét ngay trên trán thẳng bé, máu xịt ra có vôi rồi tuôn xối xả đầy mặt nó. Miệng nó mấp máy nhưng không thốt ra được tiếng nào.

Ngay cả Harry cũng bàng hoàng trước cảnh tượng đó. Hắn không ngăn Miriam khi nàng vùng thoát khỏi tay hắn với tiếng thét hãi hùng. Thằng bé vẫn thở. Tiếng khóc thảm thiết của nó hòa lẫn tiếng khóc đau lòng của mẹ nó. Nàng ôm nó vào lòng, dỗ dành. Nàng thấm mặt nó bằng một cái khăn ướt. Chẳng hy vọng gì ở sự giúp đỡ bên ngoài vì nhà không có điện thoại mà Harry thì quá say không thể lái xe được. Căn nhà lại ở nơi biệt lập, nằm ngay rìa một đồng cỏ. Bên kia cánh đồng cỏ là một khu rừng nhỏ. Người láng giềng gần nhất cũng cách đó hai cây số.

Sau cùng, tạ ơn Trời, dòng máu yếu dần rồi ngưng chảy. Miriam nhẹ nhàng lau sạch máu trên mặt con trai. Vết tét khá dài và nàng kinh hoàng khi thấy vết đứt gần sát mí một con mắt. Sáng mai nàng sẽ mời bác sĩ, còn bây giờ cho nó đi ngủ có lẽ là giải pháp hay nhất. Nàng bế thẳng bé lên, đi ngang qua Harry. Hắn đã ngồi lại bàn, uống tiếp. Nàng băng cho nó một cách vụng về rồi đặt thẳng bé vẫn còn thút thít lên giường. Nó không cho nàng đi nên nàng ngồi với nó cho đến khi tiếng nức nở lịm dần và thẳng bé mau chóng rơi vào giấc ngủ say.

Nàng nhẹ nhàng trở lại nhà bếp thấy Harry gối đầu trên hai cánh tay khoanh trên bàn. Nàng lay hắn. Hắn không nhúc nhích. Đến bàn để dao, mở ngăn kéo, nàng chọn một con dao nhọn và sắc nhất. Đóng ngăn kéo lại, nàng đến cạnh chõng. Giơ cao con dao, cân nhắc, đắn đo... đâm hay chém? Cách nào hay nhất đây?

Thật kỳ lạ. Vận mệnh nàng trên cõi đời này cho đến giờ phút này là của người đàn ông đang gục trên bàn kia. Nàng đã lâm lữ với hắn. Nàng ghét hắn nhưng không biết làm cách nào để thoát khỏi tay hắn. Đó là nguyên nhân của một cái gì thình lình xui khiến cho nàng biết nên hành động ra sao. Nàng không kinh ngạc chút nào về hành động của mình. Nàng cũng không muốn hỏi ý kiến ai. Harry phải chết, vậy thôi. Nàng tin điều đó là đúng.

Cái gì trong tay nàng vậy?

Một đoạn văn lạ lùng ở trường học thời thơ ấu “Bạn đừng bao giờ giết người...”. Phải chăng đó là sự nhận thức về cái khó là làm sao thủ tiêu được xác chết? Có lẽ. Nhưng đúng hơn, có thể đó là ý nghĩ chợt nảy trong trí nàng, rằng chính nàng sẽ đứng trước vành móng ngựa và Bobby cô đơn. Những kẻ sát nhân có bao giờ thoát đâu! Nàng chẳng có kế hoạch gì để che giấu “tội ác” của nàng. Nàng cũng chẳng có chút hy vọng gì là sẽ qua mặt được nhà chức trách nếu nàng thực hiện hành vi giết người. Nàng biết mình không có được sự khôn ngoan đó.

Chậm chạp, nàng hạ con dao xuống.

Có lẽ nàng không thể giết Harry, nhưng hẳn phải bị kềm chế bằng cách nào chứ? Những gì vừa xảy ra tối nay... Miriam rùng mình khi nhớ lại khuôn mặt máu me của con. Không, con thú man rợ phải bị giết hay bị nhốt lại...

Nhốt lại? Nàng suy nghĩ trong một thoáng. Phải rồi. Đó là giải pháp xác đáng nhất. Căn nhà có nhiều khoảng đất rộng có hàng rào bao quanh mà Harry đã mua hơn một năm nay của những người chăn nuôi. Họ là những người nuôi chó chuyên nghiệp. Họ làm một căn hầm trong lòng đất cho bày chó xuống khi có lốc mạnh. Chỗ đó ngoài vườn, hình vuông mỗi cạnh ba mét. Có rào chắn phía trên. Cái chuồng này cũng dùng cho việc sinh sản của những con chó cái. Harry mà bị nhốt trong đó thì hẳn không bao giờ có thể hành hạ mẹ con nàng nữa.

Nàng nhìn đăm đăm Harry. Có lẽ nàng sẽ vô cùng ngạc nhiên khi nghĩ rằng nàng có thể kéo được thân xác nặng nề của hắn ra khỏi nhà bếp, xuống hầm. Nhưng nàng phải làm.

Harry khẽ cựa mình một hai lần trong “cuộc hành trình gian khổ” đó. Tuy thế, hắn không tỉnh lại nổi trong cơn say chết người này của hắn. Khi đưa được người chồng say mèm vào cái chuồng đó, người nàng ướm dẫm mồ hôi. Trong chuồng có một tấm ván lát sàn nên sàn chuồng cao hơn sàn nhà vài phân. Nàng thấy đúng là có những dấu vết của những con chó còn sót lại ở đây. Miriam lên lầu lấy hai cái mền rồi trở xuống ném chúng trên sàn gỗ, đóng cửa chuồng lại. Có một ổ khóa lớn móc ở then cửa. Nàng bấm

ổ khóa. Nàng không thấy chìa khóa đâu cả, mà cũng chẳng cần vì nàng không có ý định mở nó ra nữa, mãi mãi...

Vài ngày đầu sẽ là những ngày ồn ào ghê gớm, dĩ nhiên. May là căn nhà quá biệt lập nên tiếng gào thét phẫn nộ của Harry sẽ không ai nghe được. Miriam đưa Bobby đến bác sĩ sáng hôm sau. Người bác sĩ kinh ngạc hỏi tại sao nàng không đưa nó đến ngay lúc đó. Ông ta hỏi sao nó bị như thế.

- Nó té, va đầu vào ống nước dưới lavabo. Tôi không thể bế nó đi một mình giữa đêm khuya đến đây. Chồng tôi vắng nhà.

Miriam nói dối, tin rằng Bobby không dính chính lời lẽ của mẹ nó. Thằng bé im lặng. Nó là đứa bé ngoan, điềm tĩnh, có vẻ lớn trước tuổi.

Khi hai mẹ con trở về nhà, họ nghe tiếng hét của Harry trong cơn giận cuồng điên. Bobby nép sát vào mẹ nó. Miriam ngồi xuống một cái ghế gần cửa rồi ôm nó vào lòng.

- Nghe đây con trai, không có gì phải sợ... tiếng hét đó chỉ là...

Ngừng một chút, một ý nghĩ chợt nảy trong đầu.

- Con có nhớ chuyện cổ tích mẹ đọc cho con nghe tối hôm kia không?

- Nhớ...

- Con có nhớ chàng hoàng tử độc ác bị biến thành con ếch không?

- Nhớ...

- Tốt, cha con cũng thế. Ông ấy bị biến thành một con gấu, một con gấu to xấu xí. Mẹ cho là do ăn ở độc ác nên bị trừng phạt. Bây giờ ông ấy bị nhốt dưới hầm nên không thể nào làm hại mẹ con mình nữa.

Mắt Bobby tròn xoe.

Một tiếng thét ghê hồn từ dưới hầm vọng lên làm thằng bé run rẩy.

- Ông ấy...không ra được hả mẹ?

- Không. Chỉ vài hôm thôi ông ấy sẽ không la hét nữa.

Nàng đặt thằng bé xuống, đứng dậy nói:

- Bobby, con không được kể cho bất cứ ai chuyện này nghe không?

Nếu con kể thì họ sẽ thả ông ấy ra đấy!

Mắt thằng bé mở to, khủng khiếp. Miriam vuốt lại quần áo, vẻ mặt mãn nguyện. Vậy là yên trí nó sẽ không nói với ai.

Ba hôm sau Miriam mới xuống dưới đó. Hẳn đang nằm. Hẳn có vẻ kiệt lực sau ba ngày la hét, đói khát. Thế nhưng vừa trông thấy nàng, hẳn chồm lên. Những ngón tay run rẩy bấu lấy tấm lưới sắt cửa chuồng. Miriam dừng lại vài bước trước cửa chuồng, đặt xuống sàn một cái đĩa, một tô sữa. Dùng cái chổi ở đó, nàng đẩy đĩa thức ăn và tô sữa vào trong chuồng.

Harry liếm môi:

- Tốt... này... chuyện này là thế nào đây?

Không đáp, Miriam tiếp tục đẩy thức ăn vào. Giọng Harry vang lên dễ sợ:

- Khốn nạn! Miriam! Thả tao ra! Mà mày có nghe tao nói không?

Giọng hẳn bỗng lưỡng lự ở những lời sau cùng.

Thái độ thản nhiên của nàng khiến hẳn lo lắng. Có phải đây là người đàn bà hẳn từng ngược đãi, vùi dập không? Có phải đây là người đàn bà trước đây từng ngoan ngoãn phục tùng hẳn không? Hẳn thử lần nữa.

- Nghe đây, Miriam... anh cho phép em được ăn thịt bò đấy... à... anh quá say lúc đó... nhưng em đâu nhất anh mãi vậy được phải không?

Bấy giờ nàng mới đáp.

Đứng thẳng lên, đôi mắt xanh biếc của nàng nhìn thẳng vào mắt hẳn không chút sợ hãi.

- Vâng.

Hẳn kinh ngạc:

- Cái... cái gì?

Nàng lặp lại:

- Em sẽ nhất anh mãi ở đây. Mãi mãi. Em phải làm thế.

Chỉ thức ăn trên sàn, nàng tiếp:

- Anh ăn đi, tối mai em sẽ đem cho anh nhiều hơn.

Hẳn sững sờ một lúc rồi la lên, không phải là tiếng kêu giận dữ nữa mà là sự hoảng loạn:

- Người ta sẽ biết! Cô không hiểu gì cả! Đồ ngu! Cô không thể thoát được! Cô sẽ bị bắt!

Thiếu phụ tiếp tục bước lên bậc thang như thể không nghe thấy gì. Đến đầu cầu thang, nàng tắt đèn, ngọn đèn duy nhất của căn hầm. Cẩn thận,

lặng lẽ, nàng đóng cửa lại.

Mỗi tối nàng đều đem thức ăn cho hăn. Ít khi nàng lên tiếng trước, phớt lờ tiếng hét điên cuồng của hăn, tiếng chửi rủa man dại của hăn vang vọng khắp căn hầm. Nàng không nói một lời. Khi mùi hôi thối trong chuồng không chịu nổi nữa, nàng làm như những người chủ trước vẫn làm. Nối một ống cao su vào vòi nước ở đó, nàng xịt vào chuồng. Nước và những thứ bẩn thỉu trôi ra một cái rãnh nhỏ ngay cửa chuồng, trôi tiếp ra ống dẫn xuống cống. Thỉnh thoảng nàng rắc bột tẩy thơm để giữ vệ sinh, nàng nghĩ thế. Một tuần vài lần, nàng đẩy vào trong chuồng cho hăn một chậu nước nhỏ và xà bông.

Nhiều tuần trôi qua, Harry bớt chửi rủa, đe dọa.

Hăn nghĩ mẹo khác. Hăn nói với nàng đây chỉ là vấn đề thời gian. Công ty của hăn sẽ biết. Hơn nữa, nàng có thể nhốt hăn mãi vậy ư? Làm sao nàng sống? Nàng kiếm tiền bằng cách nào? Những câu hỏi của hăn không làm nàng lo lắng. Vậy có nghĩa là nàng đã tính đến việc ấy rồi.

Thật vậy. Miriam đã phôn cho sở làm của hăn, nói là chồng nàng đã nhận được việc làm ở nơi khác lương cao hơn và xin lỗi là nghỉ không báo trước. Harry vốn không phải nhân viên giỏi giang gì nên họ không quan tâm, chỉ yêu cầu hăn gửi trả công ty những mẫu hàng và các sổ sách, họ chúc hăn may mắn. Miriam gửi những thứ đó qua bưu điện. Thế là, cả cái công ty nợ, nơi mà gã đàn ông trong chuồng kia hy vọng là sẽ làm rùm beng vì sự biến mất của hăn đã cho hăn vào quên lãng.

Những tuần lễ đầu sau khi giam Harry trong chuồng là những ngày nhàn hạ của hai mẹ con Miriam. Họ thường đến những khu rừng gần đó để hái dâu rừng. Chưa bao giờ Miriam thấy hạnh phúc như thế. Tuổi thơ của nàng là những ngày dài của những thống khổ tiếp nối. Cuộc hôn nhân của nàng với Harry mà nàng cho là sự giải thoát chỉ là sự chuyển đổi nàng sang tay một con quái vật mới, ghê gớm hơn cha nàng. Giờ đây, nàng tự do. Lần đầu tiên trong đời, nàng được hưởng tự do. Giờ đây, chứng nhưc đầu lần cảm giác kỳ lạ kia bắt hành hạ nàng. Vào mùa thu này Bobby sẽ được đi vườn trẻ và nàng sẽ tính chuyện tương lai. Những lời Harry nói về khả

năng xoay xở để kiếm sống, nàng cũng đã nghĩ đến. Nhưng hiện giờ, với số tiền dành dụm được, nàng chẳng phải lo lắng gì đến mùa thu.

Mùa thu đến, nàng cũng chẳng lo lắng gì vì mọi sự tốt đẹp đang chờ đợi nàng. Bà Jenkins, quản thủ thư viện của tỉnh qua đời. Vốn là người mê sách, nàng xin nhận việc đó.

Cũng có vài người xin làm và tuy Miriam là người đến cư ngụ chưa lâu nhưng lại là người duyên dáng, đáng yêu, ngăn nắp, tính tình trầm tĩnh, có đầu óc tổ chức... Trong đơn xin việc, nàng nói bị chồng bỏ, có lẽ vì lẽ đó, họ chọn nàng. Lương của nàng chẳng được bao nhiêu nhưng ước muốn của nàng không nhiều: chỉ cần đủ tiền nuôi nàng, Bobby và “con gấu” kia. Sự tưởng tượng của nàng bỗng hóa thật. Vì Harry đã biến dạng gần như gấu. Nhiều lần, khó khăn lắm nàng mới nhận ra sinh vật tóc râu xồm xoàm trong chuồng kia là chồng nàng. Hẳn thật sự là một con vật được cho ăn vào ban đêm. Ban ngày bị bỏ mặc ở đó.

Nhưng nếu cứ bỏ mặc hẳn như thế trong những ngày đông giá thì không ổn vì hẳn đã thay đổi nhiều. Hẳn thường nằm những mắt lưới chuồng lắc dữ dội. Thường khua những cái đĩa sắt âm ỉ, thường kêu gào ghê rợn. Một đêm nọ, khi đem đồ ăn xuống cho hẳn, nàng thấy hẳn đang bám lấy những mắt lưới, run rẩy. Hẳn nhìn nàng. Một giọt nước mắt lăn trên má hẳn, đọng trên bộ râu góm ghiếc của hẳn. Rồi những giọt nước mắt nổi tiếp nhau rơi.

Con gấu đang khóc!

- Miriam! Miriam!

Nó nức nở. “Thật lạ lùng! Gấu mà biết tên mình!” Miriam nghĩ thầm. Ngay sau đó, nàng nhớ đó là Harry trong lồng gấu.

- Miriam... làm ơn... làm ơn thả anh ra... anh biết lỗi rồi... anh hứa sẽ ra đi... không bao giờ làm em buồn nữa... thả anh ra đi...

Mắt Miriam long lanh ngấn lệ. Nàng vốn đa cảm. Trong nàng dấy lên một niềm thương cảm vô bờ đối sinh vật trong chuồng. Thật khê khàng, nàng đặt những đĩa thức ăn xuống sàn.

- Em xin lỗi.

Nàng nói nhẹ nhàng trước khi trở lên.

Đêm đó nàng không ngủ được.

Nàng thấy cuộc đời nàng, thế giới nàng đang sống buồn làm sao! Nàng thương con gấu khốn khổ đó quá. Phải chi nàng làm được cái gì đó để xoa dịu nó, nhưng làm gì bây giờ?

Rất nhiều lần sau này, nàng nghĩ phải làm cái gì mỗi khi thấy thương xót con gấu của nàng nhưng vẫn không biết làm sao...

Bobby đã lớn. Nó hiểu mà không cần hỏi, rằng nó không bao giờ được đưa bạn về nhà. Nếu làm thế, chẳng bao lâu người trong tình sẽ biết người quản thư duyên dáng kia và người con trai đang sống một cuộc sống quái đản. Sẽ chẳng ai dám gần họ nữa.

Chắc chắn câu chuyện người cha hóa gấu sẽ không tồn tại lâu trong đầu Bobby nữa. Nó gần như quên sinh vật dưới hầm theo ký ức tuổi thơ. Chỉ biết có chuyện gì đó ghê gớm dưới đó. Nhưng sẽ có một ngày nó tò mò nhìn vào nắp hầm trên mặt đất ngoài vườn. Khi còn bé, nó có thể bị đánh lừa bởi hình dáng dị hợm đó, cứ cho đó là một con gấu thật.

Ngay cả mẹ nó cũng nghĩ thế mà!

Nhưng khi đã lớn, biết suy nghĩ, nó sẽ hiểu hết. Nó sẽ làm gì? Báo cảnh sát ư? Để có lại người cha mà nó nghe mẹ nó kể mơ hồ là một người nhân tâm tàn ác? Khi đó mẹ nó sẽ ra sao? Đi tù... hay vào nhà thương điên? Không, không thể! Nó không được biết cái gì thực sự trong hầm vì nếu biết, nó sẽ không chịu nổi sự thật...

Thời gian chậm chạp trôi qua với con gấu...

Nhưng năm tháng trôi nhanh với hai mẹ con. Tiểu học. Trung học... chiến tranh! Đệ nhị thế chiến!

Hitler đã tiến quân qua Tiệp Khắc, Ba Lan... và trận Trân Châu Cảng! Bobby đăng lính hải quân. Nó hôn lên khuôn mặt đầm đìa nước mắt của mẹ nó, trấn an. Nó nói chiến tranh sẽ qua mau thôi, cho mẹ nó an lòng. Nguồn sống của nàng đang rời bỏ nàng.

Miriam nói cho con gấu biết chuyện tối hôm đó.

Những năm sau này nàng thường có thói quen ngồi bên ngoài chuồng, trên một cái ghế đu vào những buổi chiều tối. Những lúc đó Bobby đi chơi bóng rổ ở trường. Nàng thích nói chuyện với con gấu. Bây giờ nó đã biết

không nên nói gì về sự tự do của nó nữa. Thay vào đó, nó im lặng nghe nàng kể những chuyện thế giới bên ngoài, về những thành tích thể thao của Bobby, những chuyện ở thư viện...

Những ngày ấy thật êm đềm!

Miriam đặt một ngọn đèn ngay cạnh ghế đu để thỉnh thoảng nàng đọc sách cho con gấu nghe. Nó có vẻ thích thú. Tối nay, khi nàng cho biết Bobby đã lên đường vào quân ngũ, hình như nó lộ vẻ buồn rầu. Nó bỗng nói:

- Miriam...

Giọng nó khàn khàn:

- Miriam... thả... thả anh ra đi... cho anh được săn sóc em khi Bobby không còn ở nhà...

Nàng nhìn hẫng, kinh ngạc.

Bao nhiêu thời gian đã qua mà nó vẫn không hiểu, vẫn còn mơ tưởng!

Vẻ buồn bã, nàng đứng dậy, tắt đèn và đi lên. Đến đầu cầu thang, nàng đóng cửa nhẹ nhàng nhưng kiên quyết trước lời van xin của nó. Sau thời gian dài như vậy mà nó không chịu hiểu là người ta không bao giờ để những con thú hoang được thả rông. Chẳng có gì phải lo lắng, âu sầu cho những con cạp, sư tử trong sở thú. Cũng chẳng có gì phải nghĩ ngợi nhiều về vẻ hiền lành, thuần hóa của chúng. Chỉ có điều là không cho chúng được tự do. Chỉ có thế!

Không bao lâu sau thì có thư của Bobby. Nàng đọc cho con gấu nghe. Nó đã học được bài học sau cùng nên ngoan ngoãn hơn bao giờ. Và không bao lâu sau thì Bobby được về phép lần đầu. Da rám nắng, khỏe mạnh, cường tráng, trông thật thích mắt. Miriam ước sao con gấu được trông thấy nó.

Tận dụng những ngày phép ngắn ngủi, Bobby sửa sang nhà cửa. Chỉ còn một hôm nữa thôi. Nó nhìn đăm đăm ra cửa sổ nhà bếp. Miriam đến cạnh nó và nó nhìn nàng, vẻ đăm chiêu.

- Mẹ à, con thấy bọn nhóc chạy trong vườn nhà mình hôm qua đấy. Hàng rào có lẽ hư hết rồi.

Miriam gật đầu:



- Ủ, nó mục nát hết rồi.

Bobby nhú mày:

- Con sẽ làm lại, con không thích chúng nó đến đây phá phách. Để con lên tỉnh mua gỗ và kềm gai...

Nó làm việc suốt ngày hôm đó, luôn hôm sau cho đến gần giờ lên đường. Mồ hôi đầm đìa nhưng vẻ mặt mãn nguyện:

- Con có gắn những tấm bảng “Cấm vượt rào”. Hàng rào chắc chắn lắm mẹ ạ, giờ thì đổ tụi nó vào được.

Nó đặt tay lên vai mẹ nó, tiếp:

- Mẹ, chẳng bao lâu nữa con sẽ về...

Nhưng nó không bao giờ trở về. Nàng đang ở thư viện thì điện tín tới. Mọi người xót thương cho nàng. Nhiều người bảo để họ đưa nàng về nhưng nàng từ chối tất cả. Nàng muốn đi bộ một mình trên con đường quen thuộc. Nàng không lộ vẻ gì cho đến khi đến trước chuồng gấu. Bấy giờ nàng mới quỵ xuống sàn xi-măng lạnh lẽo. Nàng khóc như mưa, khóc thỏ thẻ, cho vơi nỗi đau.

- Bobby chết rồi... nghe không, gấu! Bobby... chết rồi!

Qua hàng rào lưới sắt, những móng tay dài từ lâu không cắt thò ra như muốn đánh nàng. Những giọt nước mắt lăn dài trên bộ râu rậm.

Con gấu rơi nước mắt cho nỗi đau mất con hay cho sự thù hận cuộc đời? Nào ai biết?

Đời sống tiếp tục trôi.

Nỗi đau nguôi ngoai dần trong lòng Miriam.

Nàng tiếp tục công việc ở thư viện. Có Bobby hay không thì nàng vẫn phải nuôi lấy nàng và con gấu. Tiền tử của Bobby nàng để nguyên không đụng đến. Một ngày nào đó, khi không làm việc được nữa, nàng phải cần đến.

Cuộc sống trong căn nhà đó đều đặn trôi qua theo thời gian biểu bất di dịch. Con gấu đã hoàn toàn đáng tin. Vào những ngày cuối tuần đẹp trời, Miriam đã dám mở cánh cửa nhỏ nắp chuồng trên mặt đất ngoài vườn cho con gấu được hưởng không khí trong lành. Và nàng vui sướng khi thấy nó đứng bật dậy, lại ngay dưới cửa sổ, hít những hơi dài không khí của bầu

trời tự do. Đôi lúc nó với tay nhảy lên nhưng vô ích vì ô cửa quá cao, lại còn một lớp lưới sắt chắc chắn. Đôi lúc nó nhón chân cố rướn cổ nhìn ra nhưng vô vọng. Nàng thường đem cho nó những bó hoa rừng. Nó thích lắm, vùi mặt vào bó hoa hít lấy hít để. Nàng vui thú làm những việc đại loại như thế vì nàng đã thật sự thích nó. Càng ngày, sự tồn tại của nàng trên cõi đời này càng là nguồn an ủi lẫn sự sống còn của nó.

Năm tháng lặng lẽ tiếp tục trôi.

Dĩ nhiên cũng có những lúc khó khăn, chẳng hạn như những lúc con gấu ốm nặng. Thật là một cực hình cho Miriam khi nó kêu gào đòi mời bác sĩ. Rồi nó hiểu rằng chuyện đó không bao giờ có được. Nàng không biết làm gì ngoài việc cầu nguyện. Thế mà lời cầu nguyện của nàng được đáp lại. Con gấu hạ sốt, không rên rỉ nữa rồi đỡ dần. Lại có lúc chính nàng ốm. Vào mùa thu nọ, nàng ngã bệnh trong những ngày phép. Nàng ốm nặng đến nỗi không tự đến bác sĩ được. Cũng không mời bác sĩ đến được vì còn con gấu trong chuồng. Hình như nàng cũng bị giam cầm bởi một loại ngục tù. Cơn sốt dữ dội hành hạ nàng nhiều ngày. Điều duy nhất giúp nàng không gục ngã là tiếng kêu thống thiết của con gấu. Bỏ mặc cho nó chết thì dễ quá... nhưng nàng không thể... con gấu đói... nó cần có nàng...

Vì thế, nàng gom hết sức lực để sống và để thấy con gấu vục mặt vào đĩa thức ăn mà với cố gắng phi thường, nàng đem xuống cho nó. Nàng vui sướng thấy nó ăn ngon lành, đó là phần thưởng xứng đáng cho nỗ lực đáng thương của nàng.

Có lẽ chuyện ghê gớm nhất là khi chảo mỡ bị bắt lửa, cháy trên bếp. Trong cơn sợ hãi cuống cuồng, nàng dập tắt được ngọn lửa. Tay nàng bị bỏng. Không phải cái đau làm nàng sợ mà điều khiến nàng sợ là ngọn lửa lan qua đồ đạc. Con gấu sẽ bị thiêu sống. Ý nghĩ đó làm nàng phát ốm. Nàng chợt nhớ tới Harry, người chồng cũ của mình (nàng quên hẳn nhiều năm rồi) có một khẩu súng lục. Lên lầu, nàng tìm thấy khẩu súng trong tủ của Harry. Nàng thấy an tâm. Vật này sẽ đem đến cho nó cái chết nhanh chóng, không đau đớn.

Một ngày nọ, lò sưởi bị sụp. Việc sửa chữa ngoài khả năng của nàng. Thế là cà phê cho con gấu tối hôm đó được pha thêm thuốc ngủ. Ngày hôm

sau khi nó còn say ngủ vì thuốc, nàng lấy tấm phủ giường che kín cái chuồng, kê những đồ đạc sát cửa chuồng rồi gọi thợ xây.

Những người thợ không hề biết chỉ cách đó có vài thước, có một sinh vật đã từng là người, đang ngủ say.

Nhiều năm nữa trôi qua.

\*\*\*

Mùa hè năm đó tôi chẳng có việc gì, hơn nữa tôi mới mười sáu tuổi. Cha mẹ tôi chết trong một tai nạn xe hơi mới vài tháng. Tôi đi chơi với ông nội tôi ở Wilton Falls. Ông nội tôi là quan tòa. Ông thường dùng túp lều nhỏ ở đó vài lần vào mùa thu trong những cuộc săn bắn nhưng năm nay ông đi sớm cho tôi đi theo. Có lẽ ông nghĩ thú câu cá và những trò chơi trong rừng sẽ giúp tôi quên đi chuyện bất hạnh.

Tôi ở trong rừng cả ngày hôm đó, chỉ có mình tôi. Khi đi ngang khu vườn có hàng rào bao quanh của nhà Winters, lúc đó đã mục nát. Tôi đập thử vào dây kẽm gai. Nó bung ra. Nhanh nhẹn và nghịch ngợm, tôi nhảy qua và rơi vào khu vườn im lìm. Một ngôi nhà cổ kính tiêu điều hiện ra trước mắt tôi. Tôi ngạc nhiên. Có ai sống trong đó không nhỉ? Chắc là không vì trông có vẻ hoang phế quá. Tôi đi loanh quanh dò xét và bỗng thấy một cái nắp hầm bằng gỗ đã mục trên bãi cỏ sau nhà. Trong hầm tối thui. Giây lát sau tôi mới nhận ra có ánh đèn dầu leo lét. Thẳng ngay bên dưới có một cái gì trông giống như một cái chuồng.

Có cái gì thù lù trong đó.

Một cái bóng? Không, hình như nó cử động.

Thình lình, tôi thấy một đầu tóc rối bù, một cặp mắt trắng dã, thất thần, ghê rợn mà tôi chưa bao giờ thấy. Tim tôi như muốn rớt ra ngoài. Không thể tin được! Tôi cứng người như bị cặp mắt đó giữ chặt. Cái đầu bồm xồm quay đi và tôi thoát! Tôi chạy, chạy như điên giữa ánh nắng gắt của buổi trưa hè, trên bãi cỏ của khu vườn ma quái. Nhảy qua những dây thép gai, mặc cho gai nhọn xé rách áo quần, cào xước da thịt. Tôi chạy chậm dần khi về gần túp lều của ông nội tôi. Tôi cảm thấy xấu hổ vì chẳng còn bé bỏng gì, mười sáu tuổi rồi mà chạy như thỏ... nhưng hình ảnh đôi mắt đó hiện lại trong đầu làm tôi cứ toát mồ hôi.

Ông tôi đang lúi húi trên bếp khi tôi vào.

- Cháu đã về đấy à... ông đang không biết cháu ở đâu... sắp ăn rồi...

Tôi đứng im, tựa cửa, thở dốc.

- Ông ơi...

Cổ trấn tĩnh nhưng giọng tôi cứ run.

Ông tôi quay ngoắt lại. Mắt ông loang loáng.

- Chuyện gì vậy cháu? Sao cháu hoảng hốt vậy?

Tôi cố gắng trấn tĩnh nhưng không được.

- Ông ơi, ai sống trong ngôi nhà ở bìa rừng đằng kia vậy?

Ông tôi nhú mày.

- Ở bìa rừng?... À, gia đình Winters... có chuyện gì vậy?

- Cháu vừa ở đó về, cháu thấy...

- Ở đó? Xung quanh có hàng rào mà, cháu không leo rào vào nhà người ta đấy chứ?

- Hàng rào mục hết rồi... cháu không thấy có bảng cấm.

- Có lẽ bảng cấm bạc sơn rồi... nhưng ở đây ai cũng biết đó là nhà của gia đình Winters.

- Cháu không biết... cháu nhìn vào một nắp hầm... có cái gì trong đó giống như một cái chuông... có một người đàn ông...

Ông tôi kéo một cái ghế lại bàn, ôn tồn:

- Cháu kể đầu đuôi cho ông nghe... nào, cháu nói gì, một cái chuông?

Một người đàn ông?

Tôi kể lại. Ông tôi có vẻ không tin.

- Cháu nói thật chứ? Không tưởng tượng chứ? Ai cũng biết bà Winters sống ở đó một mình. Cuộc đời bà ta thật đáng thương. Chồng bỏ, người con duy nhất thì chết trận. Ông không muốn tiếng đồn không hay về bà ta lan mọi nơi mà lại do cháu của ông bịa ra. Sẽ là một xúc phạm ghê gớm với bà ấy.

- Không! Cháu nói thật mà! Ông đến mà xem!

Có lẽ lời thành khẩn của tôi làm ông tôi ngạc nhiên. Ông đứng dậy.

- Được, đi, nhưng ông không thích trò này chút nào. Ông tin cháu chỉ tưởng tượng.

Đêm đó cả tỉnh Wilton bàng hoàng.

Cảnh sát cửa ổ khóa cho Harry ra ngoài bầu trời tự do. Giờ đây ông ta đã là một ông già mắt kém chân run. Người nữ quản thư dịu dàng kia được đưa vào một “nhà bảo vệ” vì bà sợ con gấu. Lời yêu cầu duy nhất của bà là “con gấu” của bà phải được chăm sóc cẩn thận. Khi người ta hứa sẽ chăm sóc nó cẩn thận, bà mới chịu đi.

Thật ra cả hai được đưa đến nhà thương điên của tỉnh.

Cả tỉnh ồn ào cho đến hai tuần sau. Báo chí địa phương đăng những hàng tít lớn:

“Người chồng bị nhốt trong cũi hơn 30 năm”

Bên dưới hình tôi họ viết:

“Cậu bé dám nhìn vào ngực tối của mẹ phù thủy”

Dưới hình của Harry:

“Ông lão bị nhốt trong cũi hơn 30 năm”

Và dưới hình Miriam:

“Mẹ phù thủy của tỉnh Wilton Falls. Mẹ biến chồng mình thành một con gấu”

Đó là chuyện rắc rối cho tôi. Tự nhiên tôi trở thành một vị anh hùng! Nhưng khi nhìn kỹ những bức ảnh ông bà Winters, tôi thấy lạ lạ. Cả hai đều có nét mặt ngây ngô như con nít lúc bị dẫn đi.

Miriam được đưa vào nhà thương điên liên bang. Nhưng xử trí với Harry lại là cả một vấn đề. Các bác sĩ tâm thần không làm gì được. Ông ta không hé miệng nói lời nào.

Sau cùng họ kết luận rằng trí não ông ta trở nên điên loạn vì những năm tháng dài bị giam trong chuồng. Ông ta hoàn toàn vô hại, có thể được trông nom riêng.

Nhưng thế nào là “trông nom riêng”?

Người ta phản đối việc giam lỏng ông ta một nơi vì họ cho rằng những ngày tháng còn lại trong đời, ông ta phải được hưởng “tự do”...

Người ta bàn bạc nhiều về chuyện ấy. Cuối cùng Harry được đưa về nhà cũ. Một nhóm người tình nguyện được thành lập, thay phiên hàng ngày đến trông nom ông già, đem thức ăn đến, giặt giũ... Nhiệm vụ của họ cũng

gồm việc “nhân hóa” ông ta! Nhưng họ thất bại hoàn toàn vì Harry chẳng màng nói chuyện với bất cứ ai!

Thế thì, sự tự do của Harry có ý nghĩa gì đối với ông ta trong những ngày cuối cùng cuộc đời ông ấy?

Cũng lại là tôi khám phá ra lần nữa.

Bất hạnh thay!

Một đêm tháng tám nóng bức, sáu tuần sau khi ông ta được đưa về nhà cũ, tôi trở lại nơi đó, quyết định ghé qua coi ông ta ra sao. Khi tôi đến thì căn nhà tối om trừ ánh sáng yếu ớt hắt lên từ căn hầm. Tôi nhớ lại lời đồn là căn nhà không bị xáo trộn một thứ gì, không một thứ đồ đạc gì được đụng đến. Họ nói... ngay cả giường ngủ cũng không có ai nằm. Phải chăng sau những năm ấy, Harry chỉ có thể ngon giấc trong cái chuồng cũ của ông ấy? Có phải ông ta trở lại đó hằng đêm?

Rón rén, tôi bò đến bên nắp hầm. Qua ánh sáng yếu ớt, tôi nhận ra cái chuồng. Kế bên cửa chuồng là cái ghế đu mà Miriam vẫn ngồi. Ngay sau đó tôi nhận ra cái bóng bên cạnh là Harry. Ông ta ngồi trên sàn, cằm gác lên tay ghế. Tôi ngạc nhiên... có một hình ảnh mơ hồ lảng đãng trong đầu, tôi không nhớ ra, bất chợt hiện rõ. Trong phòng ngủ của ông nội tôi có một bức tranh tựa đề “Kẻ than khóc người chăn cừu”. Bức tranh vẽ hình một con chó âu sầu ủ ê nằm cạnh quan tài chủ nó, một người chăn cừu mới chết. Sự liên tưởng hình ảnh đó với cảnh tượng dưới kia làm đau nhói tim tôi. Tôi không thể nhìn thêm nữa. Nhưng khi sắp đứng lên thì tôi thấy cái bóng khốn khổ kia cử động. Cái đầu rồi bù ngược lên, miệng há ra. Một tiếng gào ma quái rùng rợn. Tôi đưa tay bịt chặt tai lại. Nhưng tôi vẫn nghe. Nó khóc, khóc lớn hơn. Tiếng khóc xé ruột, đau buốt tim gan. Tiếng khóc khao khát, tiếng khóc ước ao của một con thú đã được thuần hóa đòi lại người chủ dịu hiền của nó.

Tôi bỏ chạy.

Khi thoát khỏi khu vườn ma quái đó tôi chạy như kẻ mất hồn dưới ánh trăng. Lần này tôi cũng bị rượt đuổi bởi sự khủng khiếp. Nhưng sự khủng khiếp này do chính tôi gây ra và tôi biết mình không bao giờ thoát được.

Sáng hôm sau người ta thấy Harry nằm chết trong chuồng. Họ nói do bệnh tim.

Sau đó tôi thường thấy ác mộng trong giấc ngủ. Có lẽ tôi la hét nhiều, nói nhảm nhiều nên ông tôi bảo:

- Theo ông thì cháu không nên có mặc cảm tội lỗi gì về việc ấy. Nó phải như thế thôi.

Tôi gật đầu:

- Vâng, cháu hiểu...

Nhưng tôi cứ như kẻ sống trong mơ. Ông tôi lo lắng hơn:

- Ông thấy đã đến lúc xóa tan cái bóng đen trong đầu cháu rồi đấy. Ông sẽ đưa cháu đến thăm bà Miriam Winters.

Tôi đi một cách miễn cưỡng. Nhưng cuộc viếng thăm lại hóa tốt. Bà Miriam vui mừng khi có bạn. Bà trò chuyện thật vui vẻ. Bà biết con gấu của bà đã chết. Bà nói là bà buồn lắm nhưng bà nói thêm như một triết gia là dù sao nó cũng đã già quá già. Rồi thật bất ngờ, bà nói thêm là nếu nó còn sống và còn ốm đau nữa, bà sẽ cho nó ngủ mãi mãi.

Ông tôi liếc nhìn tôi đầy ngụ ý. Rõ ràng, tôi chẳng cần thêm chứng cứ gì để biện minh cho việc tố giác bà Miriam là sai về... mặt nhân đạo. Theo ông tôi thì cuộc viếng thăm đó thật tốt đẹp. Nhưng theo tôi thì ngược lại hoàn toàn vì bà Miriam là người tốt. Bà nói gặp tôi làm bà nhớ đến con trai bà. Bà mong tôi đến thăm bà thường xuyên. Thật ngạc nhiên, tôi nhận lời làm vui lòng bà.

Tôi giữ lời hứa.

Phải chăng đó là cách xoa dịu mặc cảm tội lỗi của tôi? Vì tôi đã phá vỡ cuộc sống thích hợp của vợ chồng họ? Tôi không biết nhưng tôi biết một điều là trong những cuộc trò chuyện với bà ấy, tôi hiểu tất cả những nguyên nhân dẫn đến sự cầm tù Harry.

Tôi nói với ông tôi:

- Bà ấy không hẳn là điên đâu, không hoàn toàn điên trừ việc con gấu... chính Harry đã gây ra chứng điên đó cho bà ta...

Ông tôi nhìn tôi, thờ dài:

- Vậy là cái bóng đen đó vẫn lớn vờn trong đầu cháu!

Miriam được đưa về tỉnh, không phải ở nhà thương điên nữa. Thà vậy đi, tôi thấy lòng mình nhẹ nhõm. Tôi vẫn đến thăm bà ấy nhưng thưa dần. Rồi tôi tốt nghiệp đại học, lập gia đình, dọn đi xa.

Những cuộc thăm viếng chỉ còn là những thư từ, thiệp mừng năm mới và bây giờ...

\*\*\*

Tôi nhìn lại bức thư trong tay.

Vậy là từ đây chẳng còn viết thư cho bà ấy nữa. Chẳng còn phải ân hận nữa. Miriam đã trả xong món nợ cho xã hội và xã hội đã vừa lòng. Về phần tôi, riêng tôi, tôi ao ước được sống lại những ngày hè năm đó, được sống lại vào đúng cái lúc tôi nhìn vào cặp mắt của Harry.

Lần này, tôi sẽ nhìn vào cặp mắt gần lòa của ông ấy và sẽ lặng lẽ bỏ đi.



# Cao Nguyên

Clark Howard

Tank Sherman thấy bàn tay con gái nhẹ lay ông:

- Tank, Tank, dậy đi. Bruno chết rồi.

Tank ngồi dậy, bỏ hai chân xuống võng. Ông vẫn mặc áo quần tươm tất, chỉ không có giày thôi. Bruno? Bruno chết ư?

Như cái máy, ông vớ lấy đôi giày, nói:

- Ý con muốn nói Hannah chứ gì?

- Không, Tank, con nói là Bruno. Hannah vẫn sống, chỉ có Bruno chết thôi.

Tank nhú mày. Sao lại thế? Vậy là không đúng như dự định rồi. Ông xỏ một chân trước rồi chân kia, vào đôi giày boots da đen gót cao, chuyên dùng cưỡi ngựa. Ông đã dùng đôi giày đó mười tám năm qua, giờ nó mềm như da găng tay vậy. Đi giày xong, ông thờ người nhìn xuống sàn, chưa hết bàng hoàng. Bruno chết ư? Ai cũng nghĩ Bruno sẽ sống lâu hơn Hannah. Bruno thì trẻ, khỏe mạnh. Hannah thì già nua. Và chính vì có Bruno mới có cuộc bốc thăm.

Ông hỏi Dalia, con gái ông:

- Chuyện thế nào?

- Con không biết. Bác sĩ Lewis đang xem xét.

Cô băng qua căn phòng nhỏ đến bên lò bếp, bật máy hâm cà phê. Lấy ra một cái tách, cô rót rượu lê vào đó rồi hỏi:

- Bố có nghĩ họ vẫn tiến hành cuộc săn không? Nếu chỉ còn Hannah mà không có Bruno?

- Không!

Tank sôi nổi đáp. Nhìn con gái, ông tiếp:

- Họ sẽ bỏ cuộc. Hannah quá già. Sẽ không có một cuộc săn bình thường nữa mà sẽ là một cuộc bắn mục tiêu cố định.

Khi cà phê sẵn sàng, Dalia hòa rượu lê vào và mang cho ông già. Trong khi nhấm nháp, Tank nhìn con gái. Nó có mái tóc y như mẹ nó: rất dày, rất đen và rất dài. Cả gò má cao như dòng giống mẹ nó, người da đỏ Shoshone. Chỉ có màu da và màu mắt xanh là giống ông. Từ bé đến nay nó chỉ gọi ông là “Tank” thay vì “Bố”. Mười chín tuổi, thân hình tròn đầy, khỏe mạnh. Nó sống trong căn nhà di động của nó ở cuối đường, làm việc trong một phòng đánh bài của nhà hàng Custer. Tank vẫn sống trong cabin này, nơi Dalia ra đời. Ông sống cô độc ở đây một năm rồi, từ khi Dalia ra ở riêng, và đã cô đơn sáu năm qua, từ khi mẹ nó qua đời vì bệnh ung thư xương.

Dalia hỏi:

- Bố có ra chỗ đó không?

- Chờ bố một chút.

Ông cầm ly rượu cà phê bằng hai tay, như sưởi ấm hai lòng bàn tay, mỉm cười với con gái:

- Con còn nhớ mẹ con làm ầm ĩ khi thấy con pha rượu vào cà phê cho bố không?

-Nhớ chứ bố!

Cô mỉm cười. Tank tiếp:

- Mẹ con vẫn muốn bố phải làm cái gì đó. Luôn luôn muốn bố phải làm một việc gì thật quan trọng, thật ý nghĩa. Nhưng bố biết không phải chỉ là việc đánh bài. Nếu Hannah chết trước, như mẹ con nghĩ, thì bố có thể làm một việc quan trọng đầu tiên trong đời bố. Ít ra cũng quan trọng cho mẹ con. Và cho Bruno. Thế mà lại là Bruno chết trước. Vậy là bố chẳng còn gì quan trọng để làm. Nếu mẹ con mà còn sống thì bà ấy lại làm ầm ĩ là bố sắp đặt mọi việc như vậy.

Lắc đầu buồn bã, Tank uống một hơi dài ly rượu pha cà phê. Ở tuổi năm mươi, ông đã là một người đàn ông phong trần, già nhiều trước tuổi. Mặt ông còn hằn dấu hàng trăm cú đấm, có lẽ nhiều hơn. Hai mươi năm trước ông đến đây theo một đoàn đánh bốc lưu động, võ sĩ da trắng thách

đấu với võ sĩ da đỏ. Dan Sherman là tên ông bấy giờ, nhưng người ta gọi ông là “Tank” [1] vì ông quá hung bạo và sức chịu đòn của ông thật ghê gớm. Tank Sherman ra đời từ đó. Tham gia rất nhiều trận đấu, và cũng bị đánh rất nhiều. Tại thị trấn Montana nhỏ bé này, một người da đỏ Cheyenne miền bắc mà anh ta rất ghét người da trắng đã đánh ông như tử và khi đoàn bốc lưu động ra đi, họ đem theo anh chàng da đỏ Cheyenne kia, bỏ Tank lại. Mẹ của Dalia thấy ông ngồi sau núi, cố nhá cái bánh bích-qui và cái xúc-xích mà ông đã mua bằng đô-la cuối cùng. Mũi ông sưng vều, trông rất kinh khủng, đến nỗi ông gần như không nhai nổi. Hai mắt ông cũng sưng to đến nỗi không thấy đường nữa. Mẹ của Dalia đưa ông về nhà và họ sống với nhau từ đó. Dalia là con gái duy nhất của họ.

Tank nói khi uống xong ly cà phê.

- Chúng ta ra chỗ đó đi con.

Cabin của ông nằm trên sườn đồi nên khi hai cha con đi bộ xuống con đường mòn, họ nhìn thấy một đám đông đang tụ tập ở bãi quây bò trong vùng đất của chính phủ.

Vùng đất có hàng rào đó không lớn lắm, có gần một tấm bảng lờ lẹt ở cửa:

HAI CON BÒ RỪNG CUỐI CÙNG

VÉ VÀO CỔNG: 1 \$

Du khách mua vé, sắp hàng quanh bãi, rồi cửa chuồng bò mở ra và Bruno cùng Hannah được dẫn ra cho công chúng xem. Chúng là hai con bò rừng cuối cùng của miền Bắc Mỹ.

Bây giờ chỉ còn một.

Bác sĩ già Lewis, bác sĩ thú y riêng của thị trấn, vừa xem xét con Bruno xong thì Tank và Dalia chen qua đám đông đến bên ông.

Tank hỏi khi nhìn cái xác khổng lồ của con vật trên mặt đất:

- Sao nó chết vậy bác sĩ?

- Vỡ mạch máu não.

Vị bác sĩ già đáp, đứng dậy phui đất ở gấu quần.

- Nó tăng cân quá nhiều, chắc phải hơn một tấn, họ vỗ béo nó không đúng cách.

Tank gật đầu.

- Ủ, vỗ béo quá mức và bị quần quá mức, làm sao nó chạy bình thường trong bãi quây như vậy được.

Vị bác sĩ ghi chép những điều cần thiết vào sổ tay, hỏi:

- Ông biết nó bao nhiêu tuổi không?

- Chín. Vợ tôi đỡ lúc nó ra đời mà.

Khuôn mặt đầy sẹo của nhà cựu võ sĩ lảng buồn khi thấy con gái mình bước đến, vỗ về cái đầu khổng lồ của con bò rừng. Rồi ông liếc nhìn về góc bãi, thấy con Hannah, đang đứng im lìm, nhìn họ. Không như Bruno, con bò đực trẻ khỏe mạnh, Hannah là bò cái và già hơn nhiều, ít nhất đã ba mươi tuổi. Lông nó thưa hơn, mỏng hơn hầu hết những con bò rừng khác. Một phần hình tam giác ở cổ và vai nó gần như màu vàng, cho thấy tổ tiên xa xôi của nó là một con bò rừng trắng. Nhỏ con hơn Bruno nhiều, nó chỉ cao một mét sáu đo từ vai, nặng hơn bốn trăm ký.

Tank hỏi:

- Theo tôi thì cuộc săn vĩ đại này phải hủy bỏ phải không bác sĩ?

Đó cũng là câu Dalia đã hỏi ông và câu trả lời của bác sĩ cũng giống như ông đã trả lời con gái mình.

- Dĩ nhiên. Chẳng thể gọi là thể thao khi rượt theo Hannah. Nó quá già rồi.

Ba người đến bên Hannah, và như cùng lúc bị một sự thúc giục không cưỡng được, họ vỗ về nó cùng lúc. Bác sĩ nói:

- Giỏi lắm, bà bạn già, mi làm nên lịch sử đấy, con bò rừng miền đồng bằng duy nhất còn sống sót.

Dalia nói:

- Có thể họ sẽ cho in hình nó lên tem hoặc làm cái gì đó để kỷ niệm.

Bác sĩ nói:

- Có thể lắm, họ đã có hình bò rừng trên đồng xu rồi, nhưng bây giờ thì không biết chắc...

Từ trong chuồng bò, một người phụ nữ trẻ rất đẹp trong sắc phục cảnh sát cơ động phụ trách trông coi công viên quốc gia xuất hiện, bước về phía

họ. Người da trắng, điềm đạm, học thức, cô ta là hình ảnh trái ngược với Dalia.

- Xin chào, bác sĩ Lewis, ông Sherman... chào Dalia.

Cô mắc một sợi dây chì vào vòng dây da trên cổ Hannah, nói:

- Tôi vừa nhận điện thoại của các sếp là đóng cửa nơi này, và cắt móng của Hannah. Thú vị chứ nhỉ?

Bác sĩ và Tank nhìn nhau, ngẩn người. Bác sĩ lưỡng lự hỏi:

- Cái gì thú vị?

Tuy hỏi nhưng ông và Tank thừa biết câu trả lời.

- Cuộc săn chứ còn gì nữa. Ô, tôi biết sẽ không thú vị nhiều nếu chúng ta còn Bruno làm con mồi. Nhưng dù sao vẫn là cuộc săn bò rừng cuối cùng. Một trang mới của lịch sử!

Bác sĩ nhăn mặt:

- Như thế thì tàn nhẫn quá!

Tank hỏi:

- Cô nói là cuộc săn vẫn tiến hành, với Hannah là con mồi ư?

- Dĩ nhiên.

Cô ta nhún đôi vai rất đẹp, tiếp:

- Làm thế nào khác bây giờ? Vé đã bán rồi. Cuộc bốc thăm đã tiến hành rồi. Ông cho rằng nhà nước sẽ nuốt lời à?

Dalia nói:

- Không, chắc chắn không, không bao giờ, không phải nhà nước!

- Thế thì cô làm gì đi.

Nữ cảnh sát cơ động nói, rồi phớt lờ Dalia, tiếp:

- Nhưng, nghe đây, họ đã thay đổi luật một chút cho sòng phẳng hơn. Hannah sẽ được cho hai mươi bốn tiếng khởi hành, nhớ đấy, hay chứ? Hannah có đúng hai mươi bốn tiếng.

Cô mỉm cười, rõ ràng thích thú vì điều vừa nói.

Bác sĩ Lewis quay lưng bước đi, lòng đầy ghê tởm. Tank và Dalia cũng rời nơi đó. Đi bộ trên con đường mòn về cabin của cha, Dalia nói:

- Hình như bố đang tìm cách thực hiện điều quan trọng của bố thì phải.

Tank, đang nghĩ về người vợ đã chết của mình, gật đầu:

- Cũng như...

Khi biết chắc là loài bò rừng đồng bằng sắp đến bờ vực của sự tuyệt chủng, khi biết chắc chắn rằng sẽ không còn có bò rừng con ra đời vì những con bò cái ít ỏi còn lại không thể mang thai khi quá già, nhà nước làm ngay hai việc: bắt nốt những con hiếm hoi còn sống sót, bán vé để vào xem chúng và nghĩ ra một cuộc bốc thăm trên toàn quốc để chọn những người sẽ được phép săn - và làm chủ cái đầu cùng bộ da - con bò rừng cuối cùng của Mỹ quốc.

Cả hai việc đó đều đem lại thành công rực rỡ. Khu vực dành cho những con bò rừng cuối cùng, điều hành bởi chính phủ, giao cho một trong những ban ngành riêng: Cục Công Viên Thiên Nhiên Quốc Gia, được mở ra chín tháng nay. Điều hành nơi ấy là đội cảnh sát cơ động tiểu bang, với tổng chi phí rất thấp và thu được rất nhiều do sự hiếu kỳ của du khách giàu có khắp mọi miền đất nước... mọi nơi xung quanh khu vực đều được tận dụng, ba máy tự động bán những ly bánh để ném cho bò ăn, như đậu phộng cho khỉ ăn trong sở thú. Nhưng chỉ khác là bò không làm trò như khỉ. Dầu rất cố gắng lúc đầu, kể cả roi vọt, loài bò rừng vẫn kiên định, bướng bỉnh, không chịu thuần hóa. Cuối cùng, cảnh sát cơ động đành chịu thua, chỉ biết dẫn chúng ra đứng đó cho trẻ con sờ mó, cho chúng những loại thức ăn chế biến. Dù sao, sự hiếu kỳ vẫn còn đó.

Thu lợi không nhỏ nhờ khu vực đặc biệt này là thế, nhưng không thể so sánh với cuộc bốc thăm. Đó là một chương trình xổ số do một thanh niên thiên tài trong Cục Kế Toán Quốc Gia nghĩ ra. Hai triệu vé được mua sạch trong nước, kể cả bằng đường bưu điện, với giá năm đô-la một vé. Vé bán hết không đầy một tháng từ ngày phát hành và nhà nước thu được mười triệu đô-la một cách nhanh chóng.

Ngay cả những người không mấy quan tâm đến cuộc săn cũng mua để đầu cơ. Trước khi cuộc bốc thăm diễn ra, những mẫu quảng cáo đã tràn ngập các báo đề nghị mua lại vé của người may mắn trúng số.

Cuộc xổ số đó có ba người được chọn, lấy vài con số trong kết quả tổng số tiền thu được công bố hàng ngày của tổng hành dinh thị trường

chứng khoán Nữ Ước. Những người may mắn là một người sửa đàn dương cầm ở Boston, một người bồi bàn ở Memphis, và một người chủ trại bò sữa ở Nevada. Người thợ sửa đàn bán lại vé của mình cho Gregory Kingston, một kịch sĩ với giá mười ngàn đô-la. Người bồi bàn bán lại vé của mình cho nhà văn Harmon Langford với giá tám ngàn năm trăm đô-la. Lester Ash, người chủ trại bò sữa, không bán vì cho rằng cái đầu và bộ da con bò sẽ có giá trị rất lớn. Ông ta cũng được biết là một tay súng cừ khôi hơn hai ông kịch sĩ và văn sĩ kia nhiều.

Hai tiếng sau cái chết không đúng lúc của Bruno, cả ba người nói trên được thông báo chuẩn bị lên đường vào cuộc săn giải thưởng độc nhất vô nhị của họ. Hannah, con bò rừng đồng bằng duy nhất còn sống sót, sẽ được thả cách chuồng của nó một trăm cây số, phía thảo nguyên, vào giữa trưa thứ sáu.

Giữa trưa thứ bảy, ba người có vé may mắn được phép lên đường săn nó.

\*\*\*

Nửa đêm thứ năm, Tank Sherman chuẩn bị lên đường. Nổi đằng sau chiếc xe tải nhỏ hiệu Ford của ông là một toa moóc mui kín khá lớn.

Đậu xe trên thảo nguyên cách khu vực đó một trăm mét, ông và Dalia nhẹ nhàng bước trong đêm thanh lặng đến cái chuồng, cắt ổ khóa bằng kềm cộng lực, dẫn Hannah ra ngoài. Con bò rừng già hiền lành như thỏ, không hề kêu tiếng nào khi Dalia cho nó một mớ cỏ tươi và Tank tra dây thòng lọng vào cổ nó.

Sau khi đưa được con bò lên toa moóc và khẽ đóng lại cửa sau, Tank đưa cho Dalia một phong bì lớn.

- Đây là giấy tờ đất và nhà của bố. Có cả sổ tiết kiệm của mẹ con trong đó. Sáu trăm bốn mươi đô-la mẹ con để lại khi chết, dành cho con khi con đủ hai mươi một tuổi. À, cái máy hát này cũng cho con. Bố mẹ chỉ có vậy cho con thôi.

Dalia lấy một gói giấy và một bình thủy trong xe Jeep của cô.

- Con có bánh mì kẹp cho bố đây, cà phê nữa... có cả...

- Được rồi.

Ông đặt gói giấy và bình thủy lên băng ghế, khụt khịt mũi như bị cảm. Nhưng ông có cảm đâu.

- Cố gắng tự lo cho mình nhé, con gái.

Giọng ông như sắp òa vỡ. Ông im lặng, định lên xe nhưng bỗng quay lại:

- Này con, bố biết rằng bố chưa bao giờ là người cha gương mẫu nhất, chưa bao giờ cho con có một căn nhà đẹp để ở, cũng không cho con học tiếp đại học, nhưng như thế không phải là bố không biết chăm sóc con đâu nhé... con hiểu không?

-Vâng.

Dalia nhún vai, nói:

- Nhưng bố đã dạy con khi nào thì phải khoanh tay trong một ván bài, cách tráo bài như thế nào và làm sao cho con ách chuẩn bật ra. Hầu hết các cô gái không hề biết những chuyện đó.

Cô cố kìm giọng nói. Nhưng cô không ngăn được nước mắt. Và cô biết bố mình không nhìn thấy những giọt nước mắt đó trong màn đêm. Tank nói:

- Tốt. Bố đi nhé.

Ông khẽ đóng cửa xe, lặng lẽ nổ máy, chậm chậm rời con đường mà không bật đèn trước.

Phía sau ông, Dalia vẫy trong bóng tối, nói:

- Tạm biệt... bố...

\*\*\*

Khi ra đến đường cái, ông bật đèn, tăng tốc, nghĩ thầm: “Tốt rồi, Rose, đây là quà cho em, Rose yêu quý!”.

Rose là người vợ quá cố của Tank, là người đàn bà luôn ao ước Tank làm một việc quan trọng. Tên của bà lúc còn ở với người Shoshone là Primerose (hoa anh thảo), do cha bà đặt vì bà ra đời vào một ngày đầu tháng bảy khi loài hoa anh thảo vừa bắt đầu nở. Về sau, khi dọn về thị trấn, sống theo người da trắng, bà rút ngắn tên lại là Rose.

Tank luôn nhớ Rose là một cái gì đó đẹp đẽ, nhưng thực sự thì bà không đẹp, không xấu. Nét mặt bà bình thường, mắt cũng vậy, mũi cao và



hai má hơi chấm tàn nhang. Bà chỉ được mái tóc, rất dày, rất đen và rất dài, luôn bóng mượt. Nhưng Tank thấy được ở bà nhiều thứ khác hơn bề ngoài. Ông thấy những hy vọng ở bà, thấy những mộng mơ của bà, thấy lòng kiêu hãnh của bà, thấy những niềm vui sâu kín của bà. Ông thấy mọi thứ trong tâm hồn người phụ nữ da đỏ đó, và những điều đó kết hợp lại làm thành vẻ đẹp mà ông ngưỡng mộ.

Lần đầu tiên bà chỉ cho ông thấy bò rừng là ba tháng sau khi bà ấy đưa ông về chung sống, sau khi săn sóc ông khỏe lại vì trận đánh. Họ dậy sớm một buổi sáng nọ, vào ngày bà được nghỉ ở đồn điền mía. Bằng xe Jeep, bà đưa ông đi sáu mươi cây số đến vùng thảo nguyên hoang dã. Ở đó, trên một bãi cỏ vắng vẻ, có một đàn bò: ba con bò đực, một con cái và sáu con bê. Chúng bắt đầu một cuộc di cư cuối cùng, khi làn sóng khách du lịch ngày càng nhiều, xua đuổi chúng lên miền bắc, về miền tây tính từ vùng Đồi Đen.

Rose nói:

- Nhìn xem, chúng quý phái làm sao! Hãy nhìn vẻ nghiêm trang trong dáng đứng của chúng và khi chúng nhìn.

Mắt bà ướt và bà nói tiếp:

- Chúng đang nhìn thế giới của chúng đến hồi kết thúc.

Đã một thời, Rose giải thích cho ông, có sáu mươi triệu con bò rừng đồng bằng. Sự tồn tại của chúng ở những vùng đồng bằng miền bắc được ghi nhận là sự tụ tập đông nhất của loài thú trên mặt đất mà loài người từng biết. Đối với người da đỏ sống ở thảo nguyên, những đàn bò đó là nguồn sống, là nền kinh tế của họ. Chúng cho lương thực, quần áo, lều trại, thuốc men... chúng nuôi sống cả một giống nòi. Lần duy nhất trong lịch sử thế giới có một sự cân bằng tự nhiên tuyệt vời như vậy giữa người và thú.

Rose nói:

- Thế mà, người da trắng đến, ban đầu thì họ giết bò rừng lấy thịt và da, cũng như người da đỏ chúng em vẫn làm, điều đó chấp nhận được vì chúng quá nhiều. Về sau họ giết chúng chỉ vì bộ da, bỏ lại xác cho thối rữa dưới ánh mặt trời. Hành động như thế - dù chẳng đẹp đẽ gì cho lắm - cũng có thể tha thứ được. Nhưng sau đó họ bắt đầu giết chúng cho cái mà họ gọi

là “thể thao”. Tiêu khiển. Giải trí. Mới đầu họ giết hàng chục ngàn con. Rồi tên đồ tể Cody mà họ gọi là “Buffalo Bill” xuất hiện, riêng tên đó đã giết bốn mươi hai ngàn con trong thời gian mười bảy tháng. Chẳng bao lâu sau, chúng bị giết chỉ vì sự tinh nghịch độc ác, hàng triệu con bị giết! Ngày nay chỉ còn vài trăm con. Phần lớn chúng sống ở Đồi Đen. Nhưng chúng từ từ di cư về đây một lần nữa.

Tank ngần ngợ hỏi:

- Tại sao?

- Chúng biết dòng giống chúng đã đến hồi kết thúc. Bất cứ loài vật nào cũng biết khi dòng giống mình sắp tuyệt chủng khi mỗi năm chúng thấy con cái chúng một ít đi, bầy đàn chúng mỗi thưa thớt hơn. Vì thế chúng kiếm một nơi để chấm dứt. Chúng kiếm đến một vùng đồng cỏ xanh tốt chưa có dấu chân người. Một nơi để nằm nghỉ và để chết trong sự trang nghiêm.

Trong suốt những năm sống với người đàn bà da đỏ Shoshone đó, ông đã hiểu. Bà ấy yêu quý bò rừng, than khóc khi thấy chúng ngày càng ít đi. Đau đớn khi mất bà, nhưng lúc này Tank lại mừng vì bà không còn sống để chứng kiến Bruno và Hannah, hai con bò rừng cuối cùng, bị nhốt lại, đưa ra biểu diễn, hoặc biết về cuộc bốc thăm dành đặc ân cho cuộc săn con sống sót cuối cùng.

Thế là em có món quà quý nhất rồi nhé, Rose, ông nghĩ khi lái về phía Đông nam với Hannah trong toa moóc. Có lẽ ông đã đi được bốn trăm cây số. Có lẽ như thế đã đủ.

Có thể không.

\*\*\*

Hai tiếng sau khi bình minh ló dạng, một người đàn ông cao lớn, rất đẹp trai, mặt đỏ bừng vì tức giận, bước tới bước lui trong cái chuồng trống rỗng.

- Ông nói vậy là nghĩa quái gì chứ! Mất? Làm sao một vật to như một con bò rừng lại có thể mất được chứ?

Ông ta là Gregory Kingston, nhà kịch sĩ được giải Oscar. Lúc này ông ta không đóng kịch mà giận dữ thực sự.

- Chính phủ bảo đảm cuộc săn này.

Người thứ hai nói, một người đàn ông nhỏ con hơn, hơi mập, không đẹp trai như nhà kịch sĩ nhưng thâm trầm hơn. Đó là Harmon Langford, nhà văn nổi tiếng thế giới. Cũng như Gregory Kingston, ông ta mặc bộ đồ săn cực kỳ đắt tiền, cầm khẩu súng rất đẹp của nước ngoài, báng súng làm bằng tay, chạm trổ công phu. Ông ta điềm đạm hỏi:

- Chính xác là ai chịu trách nhiệm ở đây?

Người đàn ông thứ ba, Lester Ash, chủ trại ở Nevada, đứng khiêm tốn phía sau, không nói gì nhưng quan sát mọi chuyện. Ông ta mặc đồ bình thường: quần áo jean may bằng vải bông, giày boots da.

Người trong đội cảnh sát cơ động nói:

- Thưa các ông, xin hãy tin tôi, chúng tôi đang hết sức tìm cho ra nguyên nhân chuyện này trong thời gian nhanh nhất mà chúng tôi có thể. Tất cả chúng tôi biết bây giờ là một hoặc nhiều người rõ ràng đã bắt cóc Hannah vào lúc nào đó trong đêm. Đã phát thông báo và cuộc tìm kiếm khắp tiểu bang đã được tiến hành lúc này rồi.

Gregory Kingston hỏi lớn giọng như chẳng coi ai ra gì:

- Thế việc đẽch gì mà có người lại đi bắt cóc một con bò rừng?

Gregory Kingston vừa nói vừa khoa tay múa chân. Bây giờ thì hẳn đang diễn kịch! Nhà văn lên tiếng:

- Coi nào, Kingston, chúng ta không nói về một con bò rừng, mà chúng ta đang nói về con bò rừng này cơ mà! Không như chúng ta, có những người khác...

Ông ta ngừng nói một chút, liếc xéo Lester Ash, tiếp:

- Mà họ chỉ quan tâm đến thú vật vì lợi tức chứ chẳng phải vì tinh thần thể thao chân chính!

Lester Ash cười tươi nhưng vẫn im lặng. Langford tiếp:

- Dù sao đi nữa, chúng ta không nên phí thì giờ chỉ để ở đây mà hỏi tại sao, chúng ta phải tập trung vào câu hỏi ở đâu. Phần thưởng vĩ đại của chúng ta đang ở đâu? Và làm thế nào chúng ta đến lấy nó?

Người cảnh sát nói:

- Chúng ta có thể biết tin bất cứ lúc nào từ các đội tuần tra. Mọi con đường đều bị kiểm soát.

- Chúng ta làm gì bây giờ?

Kingston hỏi thẳng Langford. Nhà văn đáp chắc nịch:

- Chúng ta phải chuẩn bị bắn con thú ngay khi họ kiểm thấy nó trước khi một kẻ ngoài cuộc bắn nó một cách bất hợp pháp. Vùng này đầy dẫy bọn cao bồi du đãng, súng ống hẵn hoi... Tôi tin chắc rằng phải có một số người cũng muốn được tưởng nhớ là người giết con bò rừng cuối cùng của hành tinh này.

- Chẳng hạn như ông phải không?

Lester Ash lần đầu tiên lên tiếng. Một nụ cười tự mãn nở trên môi Langford.

- Vâng.

Dĩ nhiên ông ta hiểu ý tứ câu nói của người chủ trại. Ông ta nói:

- Ông cũng thế chứ?

Họ nhìn nhau trong một tíc tắc thông cảm rồi Langford nói:

- Cái chúng ta cần bây giờ, dĩ nhiên là phương tiện vận chuyển nhanh nhất, năng động nhất.

Ông quay sang người cảnh sát, hỏi:

- Chỗ thuê máy bay trực thăng gần đây nhất ở đâu?

- Tám mươi cây số.

- Tôi đề nghị chúng ta khởi hành ngay. Nếu chúng ta có một chiếc trực thăng sẵn sàng vào lúc con bò được tìm ra thì chúng ta sẽ đến đó ngay. Tôi cho rằng phòng chỉ huy cảnh sát cơ động không phản đối việc này chứ?

Người cảnh sát nhún vai:

- Miễn là cả ba vị cùng xuất phát một lúc và không được bắn từ trên không.

- Dĩ nhiên. Chúng tôi đâu phải hạ người tàn nhẫn thế!

Nói xong ông nhìn Kingston và Ash, hỏi:

- Sao, hai vị đồng ý chứ?

- Đồng ý.

Nhà kịch sĩ đáp. Ash cũng đáp:

- Chúng ta lên đường.

\*\*\*

Ba tiếng trước đó, Tank đã đậu xe cạnh một cây du, đi bộ vào những hàng cây rậm nơi có cabin của Otter. Trời vẫn tối, nhưng chỗ này bóng tối thật lạ lẫm. Ông gõ nhẹ vào cánh cửa.

- Ai quấy rầy lão già bệnh tật này lúc đêm hôm vậy hử?

Tiếng nói từ trong nhà. Tank đáp:

- Ông Otter, Sherman đây, con rể ông đây.

Otter hỏi:

- Anh muốn gì? Tôi nghèo lắm chẳng có gì cho anh đâu. Tôi không có đồ quý, cũng chẳng có tiền. Tôi chỉ sống lây lất qua ngày thôi. Tại sao anh đến đây?

- Vì sự khôn ngoan của ông, Otter, tôi xin ông một lời khuyên.

- Thế thì tôi có thể cho anh được tuy rằng hơi thờ tôi giờ sắp cạn kiệt rồi, có thể đủ cho anh những lời khuyên rồi tắt hơi luôn. Bọn anh mấy người?

- Chỉ mình tôi.

Tank mỉm cười trong bóng tối. Bây giờ thì lão già trời đánh kia phải ngưng đóng kịch thôi.

- Anh vào đi, có nển ở cửa đấy.

Tank thả một cây nển và qua ánh sáng nhảy múa của ngọn lửa, ông thấy những mảng bẩn thỉu và nghèo nàn đến khó tin của căn phòng. Ở góc này có một cái vông với một cái chiếu tả tơi, góc kia là một chậu rửa bằng sắt rỉ sét, chất đầy những bát đĩa xoong chảo nhếch nhác. Góc thứ ba, một cái tủ xập xệ, cánh cửa đâu mất, để lộ ra những áo quần rách nát. Mọi nơi trong căn phòng đều vương vãi, lấm lem những thứ bẩn thỉu nhất mà Tank chưa từng thấy.

Ông không dừng lại ở đó mà đi thẳng đến cánh cửa dẫn sang một phòng khác. Trong phòng đó ông thấy Otter đang ngồi trên một cái giường khổng lồ, miệng ngậm xì-gà, một chai whiskey bên cạnh. Khi Tank đóng cánh cửa lại, người đàn ông da đỏ già hạ cò khẩu súng trường hai nòng đang lăm lăm trong tay rồi đặt nó trên nệm cạnh ông.

- Mi có khỏe không, Mặt Mềm?

Ông hỏi. Lần đầu gặp Tank, thấy bộ mặt chàng võ sĩ trẻ bị đánh bầm giập, Otter gọi Tank là Mặt Mềm và giữ luôn cái tên đó.

- Con khỏe lắm, trông bố cũng thế.

Ông già da đỏ nhún vai.

- Chẳng có lý do gì đặc biệt để thay đổi!

Tank cười, liếc nhìn quanh phòng. Đây là một thế giới riêng, hoàn toàn tự lập, đầy đủ mọi thứ gia Otter cần cho tiện nghi cá nhân. Máy điều hòa không khí, tivi màu, lò vi ba, tủ lạnh, máy phát điện, phòng tắm nhỏ ở góc phòng, vòi nước nóng, vòi nước lạnh... Ông hỏi:

- Chuyện buôn rượu lậu của bố ra sao rồi?

- Khách hàng của ta tốt quá nên ta chấm dứt mọi chuyện rồi!

Otter ngồi xuống giường, quần cái mền của người da đỏ quanh người, tiếp:

- Cháu gái ta vẫn làm cái việc chia bài ở chỗ của người da trắng chứ?

- Vâng.

- Nó vẫn bịp họ khi có dịp chứ?

- Vâng, nếu là du khách.

Otter gạt đầu tán thành.

-Tốt, dù có mang một nửa dòng máu da trắng cũng nên ăn trên đầu bọn chúng khi có dịp.

Trên một cái máy hâm, Otter đặt một ấm nước.

- Ngồi vào bàn và cho ta biết chuyện của mi.

Tank giải thích mọi chuyện cho ông già da đỏ. Khi ông nói đến Rose và lòng yêu thương của cô đối với bò rừng, mắt Otter đỏ hoe. Khi Tank nói xong, ông già rót cà phê vào hai tách rượu. Ông hỏi:

- Vậy tôi có thể giúp gì cho anh?

- Con cần một chỗ an toàn cho con bò. Một nơi nó có thể sống nốt những ngày tàn của nó trong an bình mà không sợ bị săn đuổi và giết chết. Một nơi nào đó nó sẽ chết thanh thản, như con gái Rose của bố vẫn hằng ao ước.

Otter nhấm nháp cà phê, suy tính. Nhiều lần, ông lúc lắc đầu, như thể đã tìm ra giải pháp rồi lại bỏ. Cuối cùng, ông gõ một ngón tay lên bàn và nói:

- Mi còn nhớ nơi mà Dòng Cạn chảy qua Núi Gấu không?

- Vùng Đồi Đen, nơi bố thường đưa chúng con đi chơi khi Dalia còn bé?

- Đúng. Đó là một vùng cỏ rộng xa phía trên Dòng Cạn mà bây giờ thuộc về bộ lạc người da đỏ Deerfield ít ỏi còn lại. Nó nằm trong khuôn khổ Công Viên Quốc Gia Những Ngọn Đồi Đen, nhưng chính phủ liên bang đã chuyển nhượng bằng chứng thư vùng đó cho người Deerfield vì không có con đường nào đến đó, và họ cũng tính toán kỹ, du khách cũng không thể đến đó được, quá hẻo lánh mà chẳng có gì thú vị. Người Deerfield dùng nó cho những nghi lễ tôn giáo. Đối với họ đó là mảnh đất thiêng liêng. Con bò sẽ được bảo vệ một khi nó ở đó. Nhưng chỉ có vài con đường mòn dẫn đến đó. Ta không biết con bò có leo nổi lên những con dốc không.

- Cao lắm không bố?

- Hơn hai ngàn mét. Khoảng gần hai ngàn mét là đường có lẫn sỏi, nhưng vài trăm mét còn lại là đường đất. Phải chi mi ăn trộm một con dê núi thì ta thấy còn dễ thoát hơn một con bò rừng. Mi sẽ gặp rất nhiều gian nan đấy, Mặt Mềm.

- Bố vẽ lại đường đi cho con được không?

- Dĩ nhiên, ta là người nhiều tài mà.

Otter lấy bút, giấy và vẽ lại con đường theo ký ức rồi đưa cho Tank. Bây giờ trời đã hừng sáng. Hai người đàn ông ra khỏi cabin, đến chỗ toa moóc. Tank mở cửa toa cho Hannah ra ngoài và lấy cỏ cho nó. Otter quan sát con bò, nói:

- Một con bò cái rất đẹp, chỉ có giống da trắng các người mới nghĩ đến chuyện giết nó.

- Chỉ vì con có cùng màu da thôi chứ họ không phải giống người của con.

Tank cột con bò vào một thân cây, trở vào cabin với Otter. Ông già da đỏ làm thức ăn và họ cùng ăn. Đến lúc phải đi rồi. Otter trở lại chỗ toa xe, giúp Tank đưa con bò lên. Sau khi Tank sắp nổ máy, Otter đặt một tay lên cửa xe, nói:

- Trong cuộc đời mỗi con người đều có một cao nguyên. Mỗi người đều có thể đến được cao nguyên đó. Hẳn có thể ở đó một ngày hoặc một năm, có khi chỉ một khoảnh khắc. Nhưng thời gian của hẳn cũng có nghĩa là cuộc đời hẳn. Đó là lý do Đấng Thiêng Liêng cho hẳn vào thế gian này. Mặt Mềm, ta nghĩ rằng cao nguyên của mi có lẽ là thảm cỏ xanh phía bên kia Dòng Cạn.

Ông vỗ vai Tank:

- Hãy ra đi với gió đi con trai.

Tank nuốt nước bọt một cách khó khăn, gật đầu.

\*\*\*

Chiếc trực thăng đang bay theo đường bàn cờ, cách nơi con bò bị trộm hơn ba trăm cây số. Harmon Langford ngồi cạnh phi công. Gregory Kingston và Lester Ash cùng ngồi ghế sau. Cả ba người cùng dùng ống nhòm nhìn xuống phía dưới.

- Khùng thật!

Kingston làu bàu. Ông vỗ vai Langford, hét lên trong tiếng ồn của mô-tơ.

- Nói lại coi! Tại sao ông cứ nhìn về phía đó vậy?

Nhà văn hét lại:

- Một xe tuần tiễu báo rằng có một chiếc xe tải nhỏ kéo theo một rờ-mooc ghé đỗ đầy xăng ở Dayton vào lúc bốn giờ sáng nay! Người bán xăng nói con thú trong toa moóc được phủ kín mít và người lái xe nói rằng con bò đó đã được đóng dấu để đưa đến lò mổ! Nhưng hẳn cho rằng đó chính là con bò của chúng ta! Chiếc xe đó hướng về Gillette! Chúng ta phải kiểm khắp vùng Gillette!

Nhà kịch sĩ lắc đầu, như thể câu chuyện hoàn toàn vô lý đối với ông. Lester Ash nghiêng người ghé sát tai ông:



- Cảnh sát tuần tra xa lộ nghĩ rằng có thể hãm lái xe về hướng Bãi Sấm! Đó là vùng đồng cỏ mênh mông! Một nơi cực kỳ lý tưởng để thả con bò!

Nhà kịch sĩ mỉm cười:

- Tôi biết! Thế thì càng thú vị!

Ông vỗ nhẹ vào đùi Lester Ash. Mắt Ash thoáng vẻ hồ nghi.

Chiếc trực thăng tiếp tục lượn những đường hình bàn cờ. Người phi công lấy bút vạch những đường trên một bản đồ dính ở bảng điều khiển. Họ bay nhanh qua vào những vùng đồng cỏ, hơn ba mươi cây số nữa rồi bắt đầu tìm kiếm lung tung, theo sát những hình bóng bất chợt, những vật di động trong gió, một trò chơi hoang dại... theo bất cứ cái gì lôi kéo sự chú ý của họ. Nhưng họ không tìm thấy cái họ đang tìm.

Một giờ sau, người phi công nói với Langford:

- Chúng ta phải đáp để đổ xăng.

Vừa nói xong thì họ nhận được tin qua điện đàm từ cảnh sát cơ động:

- Đã nhìn thấy chiếc xe từ một máy bay do thám của đội tuần tra trên không. Nó đang ở quốc lộ 16, phía nam Osage, hướng về Đồi Đen. Chắc chắn hãm đang tìm cách vượt qua ranh giới tiểu bang vì thế chúng tôi đang yêu cầu cảnh sát nam Dakota lập những chốt chặn. Sẽ thông báo tiếp.

Langford hỏi phi công:

- Osage cách đây bao xa?

- Tám mươi cây số, hơn kém một chút.

- Đủ xăng để đến đó không?

- Đủ, nhưng đó là giới hạn cuối, chúng ta phải đổ xăng ở Osage.

- Đi!

Langford ra lệnh.

\*\*\*

Tank mở radio trên xe, dò đài của cảnh sát và ông biết cảnh sát nam Dakota đang lập những chốt chặn xe. Rào cản đang được giăng ra phía trên Custer, ở giao lộ 85 và 16. Đậu xe vào lề đường, Tank trả lại số rồi mở tấm bản đồ ông xin ở trạm xăng gần Sundance, nơi Otter sống. Khi dừng ở đó, ông đã thả những tấm vải dầu che kín toa moóc nên không ai nhìn thấy gì

bên trong. Ông biết chắc không phải người bán xăng đã tố giác ông. Có thể là chiếc máy bay nhỏ hai chỗ ngồi bay lướt phía trên ông lúc này.

Xem kỹ bản đồ, Tank thấy những điểm họ chọn để giăng rào cản làm chậm khá nhiều thời gian của ông. Rõ ràng họ nghĩ ông sẽ lái về phía Đồi Đen. Ông đâu có đi về phía đó. Ông cần băng ngang qua đó chỉ vài cây số trước khi vào con đường thứ hai mà nó chạy về phương bắc rồi qua hướng tây, đến Dòng Cạn. Mím cười, ông biết mình sẽ thoát cả ba rào cản kia. Ra ngoài xe một chút, ông vén tấm vải dầu toa moóc, với tay vỗ về Hannah, sung sướng nói:

- Chúng ta sắp đánh bại bọn vô lại kia rồi.

Nhưng ông không biết rằng họ có một chiếc trực thăng.

\*\*\*

Tại Osage, Harmon Langford bàn bạc qua điện thoại với toán tuần tiểu phụ trách việc lập rào cản.

- Dĩ nhiên tôi đánh giá rất cao sự giúp đỡ của các ông trong việc bắt tên này, đại úy, và tôi hứa sẽ viết lại câu chuyện này, ông và người của ông sẽ được nhắc đến nhiều. Bây giờ nếu ông vui lòng cho người của ông trong tư thế sẵn sàng và để cho tôi góp phần vào việc điều khiển dưới đó từ chỗ tôi, thì tôi tin công lý sẽ được thực thi. Chúng tôi không hề coi đây là một vấn đề hình sự. Chỉ là một trò đùa tinh quái... à... một chuyện bực mình vặt vãnh thôi, nhưng chúng tôi thu xếp được.

Rồi ông nói với người phi công lái chiếc máy bay do thám nhỏ:

- Ông vẫn nhìn thấy nó chứ?

- Vâng, thưa ông Langford. Nó đang di chuyển về con đường thứ hai hướng về một nơi gọi là Dòng Cạn.

- Tốt. Cứ bay vòng quanh, đừng để mất dấu nó. Chúng tôi sẽ bay ngay vài phút nữa và sẽ sớm có mặt ở đó. Dĩ nhiên là tôi cần gặp ông sau khi vụ này kết thúc, tôi cần ảnh của ông và một bài phỏng vấn. Hãy trông chừng nó nhé.

Khi Langford quay lại, Kingston và Ash thấy một vệt đặc trưng nham hiểm hiện trên mặt nhà văn. Ông ta nói:

- Thưa các ông, trong một thời gian ngắn nữa thôi, chúng ta sẽ ở chỗ đó và sẽ lấy về phần thưởng vĩ đại của chúng ta. Tôi nghĩ các vị cũng chuẩn bị đối phó nếu tên trộm của chúng ta tìm cách kháng cự chứ?

Kingston nhú mày:

- Là sao?

Langford không đáp, chỉ cầm lên khẩu súng, chỉ vào cò súng.

Nhìn ông dăm dăm, Ash mỉm cười.

\*\*\*

Quẹo sang con đường thứ hai, vào con đường sỏi dốc, Tank mới biết chắc là có máy bay cảnh sát đang theo ông. Nhưng ông không lo lắng. Hai phi công trên chiếc máy bay đó không bao giờ chặn được ông. Không có một chỗ nào quanh vùng đồi này cho họ hạ cánh. Tất cả họ có thể làm là báo cho dưới đất biết vị trí của ông và lúc này thì ông quá gần đích đến rồi. Chẳng sợ gì nữa. Ông biết vị trí những rào cản rồi, xa lắm, và họ không tài nào bắt kịp ông nữa. Chương ngại duy nhất và cuối cùng là: hơn ba trăm mét đi bộ từ cuối con đường sỏi lên vùng đồng cỏ trên kia.

Đăm chiêu, ông không biết Hannah già nua có đủ sức đi trọn con đường hay không. Phần lớn thành công phụ thuộc vào độ dốc của con đường mòn và cách đặt bước chân trên mặt đường hóc hiểm này. Mặt đường càng thô nhám càng tốt vì họ đã cắt móng của Hannah nên nó rất dễ trượt trên mặt đường đá sỏi.

Ở cuối con đường sỏi, Tank lái xe vào chỗ có càng nhiều cây rậm càng tốt để giấu chiếc xe. Một phần toa moóc vẫn có thể nhìn thấy từ trên không. Không sao, ông nghĩ, họ chậm hơn mình nhiều rồi.

- Đi nào, bà bạn già.

Ông nói khi cho Hannah ra khỏi toa moóc, xoa đầu nó. Quan sát địa thế phía trước, ông chọn hướng ít dốc nhất mà ông có thể nhìn thấy trong tầm mắt, nhẹ nhàng kéo Hannah theo. Đi khoảng một mét phía trước, ông siết chặt dây thòng lọng, thúc nó tiến bước. Con bò rừng cái già nua ngoan ngoãn theo ông lên con đường dốc.

Có lẽ dễ dàng hơn mình tưởng. Tank hy vọng tự nhủ.

\*\*\*

Một giờ sau khi Tank và Hannah bắt đầu đi lên con dốc thì chiếc trực thăng mới đến chỗ hẹn với chiếc máy bay do thám kia.

Langford hỏi viên phi công qua máy điện đàm:

- Họ ở đâu?

- Trong những lùm cây bên sườn núi, thưa ông. Ông không thấy được vì những tàn cây rậm. Có lẽ họ đã đi được nửa đường lên trên vùng đồng cỏ của cao nguyên đó rồi.

Langford khen ngợi viên phi công kia rồi quay sang viên phi công của mình:

- Đáp xuống vùng đồng cỏ đó ngay.

Viên phi công nói:

- Không được đâu, thưa ông. Vùng đất thiêng đó của người da đỏ Deerfield. Người ngoài không được phép vào.

Langford hướng họng súng vào viên phi công:

- Tôi muốn anh đáp xuống đó.

Viên phi công mỉm cười:

- Tôi sẽ cẩn thận với khẩu súng này nếu tôi là ông đấy, thưa ông. Cứ bắn đi nếu ông và các bạn ông biết lái chiếc trực thăng này, kẻo không có tôi thì nó hạ cánh nhanh lắm đấy.

Trề môi, Langford bỏ khẩu súng xuống, thò tay vào túi áo rút ra một xấp bạc, đếm năm tờ một trăm đô-la.

- Chỉ cần anh giữ máy bay cách mặt đất độ một mét, đủ thời gian cho chúng tôi nhảy xuống là được.

Cầm lấy những tờ giấy bạc, viên phi công nói:

- Chuyện nhỏ.

\*\*\*

Vài trăm mét cuối cùng quả là địa ngục trần gian cho người đàn ông và con bò. Sau quãng đường khá dễ dàng lúc đầu, con đường trở nên hẹp và dốc, gập ghềnh lởm chởm. Ba lần, móng của Hannah trượt trên sỏi đá, hoặc vướng vào rễ cây ngầm và nó tuột xuống năm, sáu mét, kéo theo Tank. Trong mỗi lần đó, nó té nằm ngang, kêu rống dữ dội khi đất đá phía trên

trôi xuống phủ lấp gần nửa thân hình nó. Mỗi lần như vậy, Tank lại vỗ về trấn an nó, giúp nó đứng dậy, kiên nhẫn thúc giục nó tiến bước về trước.

Hai lần chính Tank trượt té thảm hại, da của đôi giày cũ cũng bị trượt trên đá sỏi như những móng bị cắt của Hannah. Lần đầu, giày trái ông sút ra và ông té đập hai đầu gối xuống đất, một đầu gối ông rách toạc vì cứa vào đá cứng, máu tuôn nhiều. Lần thứ hai, ông mất thăng bằng hoàn toàn, lộn nhào trở lại xuống dưới, tuyệt vọng lướt qua Hannah. Mặt ông, áo quần, giày boots... kéo theo hàng loạt đất đá phủ lên ông. Nhưng ông đủ tỉnh táo buông sợi dây thòng lọng ra ngay để không làm kinh hoàng con bò và ông lặn luôn gần mười lăm mét. Khi đứng vững trở lại, người ông lấm đầy đất cát, áo ông đầm mồ hôi, mặt và tay ông đầy những vết trầy xước, vết đứt ngang dọc. Rửa sạch, Tank bò lên chỗ Hannah đang im lặng nhìn ông bằng ánh mắt tò mò, chờ đợi ông một cách kiên nhẫn.

Còn khoảng một trăm mét cuối, Tank nghe hình như có tiếng gầm rú của mô-tơ. Khó mà xác định vì những ngọn cây dầy đặc cách ly mặt đất với tiếng ồn và vì gió lồng lộng vì lúc này họ đã ở quá cao. Có lẽ đó là chiếc máy bay nhẹ kia đang rà thấp tìm kiếm trên đồng cỏ phía chiếc xe. Nếu thế, ông khoái trá nghĩ, họ chẳng thấy gì cả.

Chúng ta thắng rồi, Rose, Hannah và ta! Chúng ta đã đánh bại chúng. Chúng ta đã đến cao nguyên.

Họ tiếp tục leo lên, một con người và một con bò, chống lại sự vây bủa xung quanh, chống lại độ cao còn trước mặt, chống lại sự phản kháng tinh quái của mặt đất, của gió lộng và của lòng ích kỷ, của bụi bẩn và sự tàn nhẫn, của đá sỏi và rễ cây. Máu và mồ hôi nhòa trong mắt họ, vì lúc này Hannah cũng bị những vết rách trên mặt gìa nua của nó. Nước bọt phì phèo đầy miệng con bò. Mồ hôi và nước mắt ướt đầm trên má con người.

Họ leo lên cho đến khi mọi cơ bắp của họ như cứng lại, phổi họ như sắp nổ tung, tim họ như sắp vỡ vụn. Không còn gì khác trừ sự can đảm mê loạn. Họ leo tiếp, leo tiếp.

Cuối cùng, họ đến đỉnh đồi, cùng quỵ xuống thảm cỏ xanh mướt.

Ba người thợ săn đang chờ họ ở đó.

\*\*\*

Chỉ đến khi nhìn thấy ba người thợ săn Tank mới hiểu ra tiếng máy gầm rú lúc này không phải của chiếc máy bay nhỏ mà của một chiếc trực thăng. Khi ông và con bò lão đảo về phía mép thảm cỏ, cả hai cùng quỵ xuống. Tank nhào người về phía trước nên ông quỵ xuống trong tư thế bò. Hannah cạnh ông, cũng quỵ hai chân trước, đầu gục xuống. Cả hai cùng thở hổn hển, cố hít lấy những luồng không khí trong lành vào những lá phổi tưởng như đã vỡ tung. Trong một lúc, khi cả hai quỵ bên nhau, vai Tank tựa vào cổ Hannah, đầu tựa đầu, như thể con người và con thú là một.

Rồi Tank nhìn lên thấy những tay súng.

Họ đứng dàn hàng ngang. Nòng súng của họ lấp lánh trong ánh mặt trời.

- Không.

Ông thều thào. Lắc đầu.

- Không.

Ông kêu to hơn khi đứng dậy. Và ông hét lên khi tiến về phía họ.

- Không!

Harmon Langford đứng giữa, lên tiếng:

- Đứng im tại chỗ, nếu bước thêm chúng tôi sẽ bắn!

Mắt tóe lửa, hai hàm răng nghiến chặt, hai bàn tay hộ pháp thu lại thành hai nắm đấm. Tank bước dài về phía họ. Vừa tiến tới, ông vừa hét như một người điên:

- Không! Không! Không!

Langford nạt:

- Chúng tôi bắn đấy!

Tank vẫn tiến tới.

Langford ra lệnh:

- Được, hãy bắn hắn!

Ông giơ súng lên nhắm kỹ.

Không có tiếng nổ nào. Langford hạ súng xuống, cuống cuống nhìn Ash và Kingston, la lên:

- Bắn đi! Sao các ông không bắn?

Lester Ash điềm tĩnh:

- Thế tại sao ông không bắn?

Langford không có thời gian để trả lời. Tank đã đến bên ông, giật lấy khẩu súng, ném nó ra xa rồi tung một quả đấm tay phải vào mặt Langford làm giập môi và mũi nhà văn. Ông ta té ngựa ra sau.

Khi Langford té, Tank quay sang Kingston, nhà kịch sĩ thối lui:

-Này, này... khoan đã... tôi có định bắn ông đâu...

Ông ta ném khẩu súng đi như bày tỏ thiện chí, nhưng không làm Tank động lòng. Người võ sĩ già tung quả đấm tay phải cực mạnh và chính xác vào giữa bụng nhà kịch sĩ làm ông ta gập người lại như người ta đóng mạnh nắp va-li. Mặt ông ta không còn giọt máu, mắt trợn ngược. Quy xuống, ông ta nôn ọe tất cả những gì có trong bao tử ra nền cỏ xanh.

Khi Tank tìm người thứ ba, thì ông thấy Ash, tay thợ săn đầy kinh nghiệm như lời đồn, đã linh ra sau lưng ông. Bây giờ Tank đang đứng trên thảm cỏ, Lester Ash đang nhìn ông, lưng quay về phía mặt trời, nói:

- Chúng ta có thể giải quyết việc này bằng cách ôn hòa hay thô bạo cũng được, nhưng cách nào đi nữa thì con bò cũng là của tôi.

Tank lắc đầu, tiến về Ash, hét lên:

- Không!

- Tôi chẳng phải là ông bạn kịch sĩ lảm lời kia, cũng không phải nhà văn dẻo miệng kia đâu. Lộn xộn với tôi là ông bạn vào nhà thương đấy. Con bò là của tôi!

- Không!

Tank vẫn tiến tới.

Viên đạn cắm vào đùi trái Tank, làm ông ngã vật xuống. Bản năng ngày xưa trỗi dậy, như thể có ai đó đang đếm từ một đến mười, Tank lồm cồm gượng dậy. Bịt tay vào vết thương, ông khập khiễng tiến về Ash. Lester Ash nói:

- Lão già điên rồi.

Viên đạn thứ hai xuyên vào đùi phải Tank và ông lại té vật xuống cỏ. Gầm lên, vẫn theo bản năng, ông ngồi bật dậy, mỗi tay bịt một vết thương. Cái đau như xé toạc thần kinh ông. Nóng rực, tàn nhẫn. Ông bỗng ho sặc sụa, rồi ông khóc nức lên. Mình sắp chết rồi, ông nghĩ.

Rồi ông thấy dưới chân mình một cái gì màu vàng pha trắng. Quệt nước mắt, ông định thần nhìn kỹ. Đó là một khóm hoa dại - cánh trắng, nhụy vàng. Primerose! Hoa Anh Thảo!

Tank cố đứng lên lần cuối. Ông sẵn sàng tiến bước, lão đảo như người say. Mắt ông trừng trừng nhìn Ash.

- Được, lần này thì ông già điên tiêu cái xương bánh chè rồi!

Trước khi Ash kịp bắn thì Hannah ra tay.

Đầu nó cúi xuống, những cái móng mới bị cắt gần như không gây tiếng động trên nền cỏ dầy, nó phóng đến Ash trước khi ông ta biết. Húc vào sườn trái tay thợ săn, cái trán rộng của nó cắm vào ngực ông ta, chà nát phần sườn trái. Khi thân hình ông ta lủng lẳng trước mặt, Hannah hất ông ta văng khỏi cao nguyên, rơi xuống sườn đồi.

Lester Ash hét lên kinh hoàng khi thân hình ông bị ném thia lia qua ba ngọn cây, rồi tiếng hét tắt ngấm khi thân hình ông trên đường rơi xuống.

\*\*\*

Người tộc trưởng bộ lạc Deerfield và người phụ tá của ông cười ngửa lên vùng đồng cỏ ngay sau tiếng súng nổ đầu tiên, cho bao vây khu vực và sai người dẫn Harmon Langford và Gregory Kingston đến ranh giới lãnh thổ của ông. Họ được thả sau khi ký giấy cam kết không được đặt chân đến nơi này nữa. Cảnh sát cơ động cùng đội cứu thương đến mang xác Lester Ash đi. Cái chết của ông ta được ghi nhận do té trên cao nguyên xuống chân đồi.

Người thầy thuốc của dân Deerfield tên Alzada, có một căn lều trong hàng cây rậm gần đồng cỏ, được vị tộc trưởng mời đến hỏi ý kiến về số phận con bò. Alzada tuyên bố:

-Nếu Đấng Thiêng Liêng đưa nó đến đây, thì nó được quyền đứng trên đồng cỏ thiêng này cho đến khi Ngài gọi nó về.

Vị tộc trưởng nhìn về phía mép đồng cỏ, nơi Tank đang ngồi dưới bóng một cây cổ thụ, kiệt sức vì mất máu.

- Thế người đàn ông thì sao?

Alzada hỏi:



- Người đàn ông nào? Tôi không thấy ai cả. Tôi chỉ thấy một con bò thiêng đang mẫn nguyện. Nếu ông thấy một cái gì khác thì đó là một hồn ma.

Vị tộc trưởng lắc đầu:

- Nếu Alzada không thấy gì, tôi cũng không thấy gì. Chỉ Alzada mới có thể thấy được những hồn ma.

Vị tộc trưởng và người phụ tá cưỡi ngựa xuống núi.

Khi họ đi khỏi, người thầy thuốc đến bên Tank, dìu người đàn ông bị thương vào căn lều của ông trong những hàng cây rậm rạp.

-----

[1] Tank: xe tăng.

# Con Thú Trong Rừng

Ed Gorman

**K**hi tôi đến chuồng bò, mảnh trăng lưỡi liềm đã vắt ngang bầu trời đêm tháng chín. Con chim lợn, luôn đậu trên cây du già bên thung lũng, đã cất tiếng hú vang trong màn đêm miền thôn dã Iowa này.

Hai mươi phút đầu tiên tôi quét dọn các chuồng, gom những đám rơm vương vãi trên sàn rồi rải một lớp mật cửa để hút ẩm và tẩy mùi hôi. Nuôi bò sữa rất bận rộn.

Làm công việc thường nhật mà tâm trí tôi cứ ở đâu đâu. Tôi chỉ nghĩ đến khẩu colt 45 cũ kỹ ông ấy dùng trong quân đội. Thường thì nó nằm trong bao súng treo trên móc trong căn phòng dư trên lầu, nơi ông ấy đã dọn đi sau khi mẹ mất hai năm trước vì bệnh ung thư. Hình như căn bệnh ấy di truyền trong gia đình mẹ. Bố nói bố dọn đi vì bất cứ lúc nào ở trong phòng cũ, nằm trên cái giường quen thuộc của hai người, bố lại khóc. Mà bố thì kiêu hãnh, ngạo nghễ lắm, thường nói đàn ông mà khóc thì không hay chút nào. Lại nữa, một đêm say bố kể rằng chỉ vài phút sau khi vào phòng, bố đã nói chuyện với hồn ma của mẹ và bố sợ. Vì thế bây giờ bố luôn đóng cửa phòng đó và ngủ trong căn phòng nhỏ dưới nhà.

Tôi muốn biết bố đang ở đâu. Tôi muốn biết bố đang làm gì.

Bố đi ba tiếng trước, nói sẽ trở về cùng tôi ăn tối. Nhưng bố không về.

Khi tôi làm một ít mì ống, đi ngang qua căn phòng đó, tôi không thấy bao da và khẩu súng đâu nữa.

Rải mật cửa các chuồng xong, tôi ra ngoài, đứng trong bóng tối nóng bức, bóng tối bao phủ khắp các ngọn đồi miền quê Iowa. Trên trời lấp lánh ánh sao. Mùi cây cỏ thoảng từ thung lũng gần cạnh. Mùi gỗ, như mọi mùa thu, từ rừng thông nhẹ nhàng đến.

Hình dáng to lớn của căn nhà lộ rõ mồn một, lừng lững trong bóng tối. Toa xe chở bắp đậu cạnh tháp chứa nhắc tôi những công việc tất bật của ngày mai.

Chỉ có một lý do duy nhất khiến bố đem khẩu súng chết tiệt đó lên tỉnh. Tôi mừng vì mẹ không có ở đây. Mẹ rất nhạy cảm. Chắc là mẹ đã trải qua nhiều năm tháng gay go vừa qua: nợ nần của bố không trả được vì cơn lũ đã cuốn sạch tất cả của chúng tôi và nhà băng buộc phải gia hạn cho bố tôi ba tuần để thu xếp công nợ, nếu quá hạn, chúng tôi sẽ mất nông trại. Tuy đã cho thêm thời hạn, nhưng sáng nay bố nhận được một cú điện thoại cho biết nhà băng phải hoàn tất thủ tục để bán đấu giá nông trại. Đến trưa thì ông Ken Ohlers, ở nhà băng đến gặp bố tôi trước cổng nhà: “Ông Verne này, thời thế không như trước nữa, chúng tôi không mở nhà băng để làm việc linh tinh, ông thử đi vay nhà băng khác coi, chúng sẽ chỉ cho nông dân Iowa các người vay cút mà thôi dù các người có thành công hay không. Chúng không cho vay dễ như tụi này để rồi bị rắc rối như vậy đâu!”

Sau đó bố lên tỉnh với khẩu súng.

Xa xa hướng bắc tôi thấy bốc lên một cụm bụi đường, trong đám bụi đó là một chiếc xe hơi màu xám và tôi nhận ra ngay lập tức.

Đúng như tôi nghĩ, ông ta quẹo vào con đường trái sỏi của chúng tôi, thẳng rít bánh trước căn nhà. Có một cái ăng-ten dài đong đưa phía sau xe của ông khiến chiếc xe của ông trông đã rất đường bệ, càng thêm vẻ dữ tợn. Ông là cảnh sát trưởng Mike Rhodes.

Ông nhảy ra khỏi xe khi máy xe chưa tắt hẳn. Trong tay trái ông là khẩu súng lục. Bằng tuổi bố nhưng ông mập mạp hơn. Cả hai đều năm mươi. Họ là những người đầu tiên cùng tham gia cuộc chiến ở Việt Nam, và cũng như nhiều cựu chiến binh khác đã từng tham gia Thế Chiến thứ hai, chiến tranh ở Triều Tiên, đều nghĩ rằng cuộc chiến ở Việt Nam không thể gọi là một cuộc chiến đúng nghĩa, năm mươi ngàn người Mỹ đã chết trong cuộc chiến chết tiệt đó. Bố thường nói như thế.

Một điều nữa về cảnh sát trưởng Mike. Ông là cha đỡ đầu của tôi.

- Bobby, bố con có nhà không?

Vừa nói, ông vừa tiến lại như sắp đánh tôi... hay sắp làm cái gì đó.

- Bố cháu lên tinh. Làm sao bác lấy được khẩu súng vậy?

Không đáp, ông đến gần tôi hơn. Người ông ướt mồ hôi và thoang thoang mùi nước hoa như mới cạo râu xong. Ông làm tôi sợ. Cũng như thái độ bố tôi làm tôi sợ khi ông nổi cơn thịnh nộ và tìm cách trút cơn giận...

- Bobby, bác muốn biết bố cháu đang ở đâu.

- Bố cháu không có nhà, cháu nói thật mà.

Ông nắm tay tôi. Những ngón tay ông làm tôi đau.

- Bobby, cháu phải nghe lời bác.

Ông vẫn điềm tĩnh. To lớn trong bộ sắc phục ka-ki, mồ hôi ướt đầm trên hai cánh tay ông ta.

- Bobby, cháu phải suy nghĩ chín chắn, phải suy nghĩ như một người bình thường, cháu hiểu bác nói không?

Thình thoảng có người bảo tôi như thế. Năm lên bảy tôi nghịch ngợm, trèo lên một chiếc xe máy kéo và té. Từ đó tôi không bình thường nữa. Họ nhắc cho tôi nghe chuyện cũ. Đó cũng là lời mẹ tôi thường nói. Chẳng Bobby tội nghiệp, nó chẳng bao giờ trở lại bình thường được nữa. Họ vẫn nói thế. Ở trường, tôi chẳng thể nào đọc chữ thông thạo. Họ kèm riêng, nhưng tôi không tài nào nhớ những con chữ dù rất cố gắng. Những khi đó tôi thường khóc. Tôi đã khóc rất nhiều trước khi rời bỏ mái trường năm lên mười bởi vì những đứa bạn gọi tôi là “thằng đần” và chúng thường xuyên chế nhạo tôi.

- Cháu lắng nghe đây, bác Mike.

- Cháu biết ông Ken Ohlers ở nhà băng không?

- Biết.

- Bố cháu giết ông ấy cách đây một giờ. Bắn ông ấy bằng khẩu súng colt 45 bố cháu dùng ở mặt trận ngày xưa.

- Ôi, chết tiệt! Sao bác lại nói thế!

- Bác xin lỗi, Bobby, nhưng đó là sự thật.

- Cháu sợ lắm, bác sắp làm hại bố cháu phải không?

- Không, bác chỉ thi hành nhiệm vụ. Vì thế bác cần sự giúp đỡ của cháu. Nếu cháu gặp bố cháu thì hãy khuyên bố cháu ra tự thú. Nghe bác

đây, mẹ cháu mất rồi, ông ấy chỉ còn cháu. Cháu là người duy nhất ông ấy nghe thôi.

- Cháu sợ, bác Mike! Cháu sợ lắm!

Và tôi khóc. Tôi không muốn khóc, nhưng không cầm được.

Và bác Mike, nhìn tôi với ánh mắt vừa hiền từ vừa bối rối. Các nông dân ở đây đều nhìn tôi như thế khi tôi khóc.

Rồi bác đến vòng tay ôm lấy tôi, hơi xiết lấy người tôi. Bố, chưa hề làm như thế với tôi, dù khi tôi khóc, chỉ nói rằng con trai như thế không tốt, nhất là hai người đàn ông ôm nhau thì rất khó coi.

Bác Mike lấy khăn ra lau mặt cho tôi. Cái khăn thơm mùi bạc hà. Bác thường bỏ kẹo bạc hà trong túi quần.

- Cháu muốn ăn kẹo bạc hà không?

- Cháu thích lắm.

Tôi cầm lấy cái khăn trong lúc bác ấy lấy kẹo. Tôi đưa trả lại khăn nhưng bác ra dấu cho tôi cứ giữ lấy.

- Cháu nhớ những gì bác nói không Bobby?

- Dạ nhớ.

- Hãy nói bố cháu ra tự thú nhé.

- Dạ...

- Vì ông thị trưởng không muốn mất thì giờ, ông ấy không thích bố cháu chắc cháu cũng biết.

- Họ cho chó đi kiếm bố cháu như trong phim phải không bác?

- Chó đã cho đi từ lâu rồi.

- Còn trực thăng?

- Cũng đã từ lâu rồi.

- Cháu sợ trực thăng lắm!

- Bác cũng ghét thứ máy bay đó, bay lòng vòng, làm việc linh tinh!

Ông lau mồ hôi trên mặt.

- Nếu bố cháu có gần đây, hãy nói lại với bố cháu họ đang kiếm đấy nhé?

- Cháu hứa...

Hình như tôi sắp khóc lần nữa.

Ông nhìn tôi một hồi lâu rồi lại ôm lấy tôi, xiết nhẹ.

- Bác rất buồn vì chuyện này đấy Bobby.

- Chắc bố cháu cũng thế, cháu sẽ cầu nguyện cho bố cháu, cháu sẽ cầu Đức Mẹ, như mẹ cháu đã dạy.

- Bác sẽ trở lại sau.

Nói rồi ông bước nhanh lại chiếc xe lớn vẫn còn bốc mùi bụi đường lẫn mùi dầu và hơi nóng. Vào trong xe, ông vẫy nhẹ tay với tôi rồi vòng xe lại. Chẳng bao lâu chiếc xe mất hút, chỉ còn lại đám bụi mù mà tôi trông giống như vàng sáng bạc trong ánh trăng.

Tôi vào nhà, lên gác, vào phòng ngủ của cha mẹ tôi trước kia. Mẹ có treo trên tường một bức tranh đóng khung hình Đức Mẹ Đồng Trinh. Bà thường bảo rằng Đức Mẹ hay lắng nghe lời cầu nguyện của trẻ em... nhất là những trẻ em không bình thường. Tôi cố nén không khóc trong lúc cầu nguyện. Đức Mẹ nhân từ. Đôi lúc tôi bối rối. Mẹ lúc còn sống đã viết cho tôi nhiều, rất nhiều lần nhưng tôi vốn hay quên những lời kinh cầu. Đức Mẹ bao dung. Lần này bỗng dưng tôi không quên, gần như không sót lời nào. Vừa cầu nguyện tôi vừa thắp cây nến tạ ơn nhỏ mà một thầy tu cho mẹ tôi một lần đến đây. Mùi diêm sinh từ que diêm. Mùi sáp từ cây nến. Ánh sáng vàng chiếu lên bức tranh Đức Mẹ. Tôi đọc lại bài kinh cầu, e rằng Người không nghe hay vì lý do nào đó?

Tôi ra ngoài, tin chắc mình biết nơi sẽ tìm thấy bố. Có một cái lều tranh trên đồi. Bố và chú thường đánh cờ ở đó. Chú chết ở chiến trường Việt Nam. Thăng trời đánh. Bố thường gọi chú như thế mỗi khi say. Chú Win, và mẹ được chôn ở nghĩa trang Harrison. Vào mùa ấm, hai lần trong tháng, bố lên đó đặt hoa trước mộ từng người. Mùa lạnh, bố chỉ đứng bên mộ nhìn trong im lặng, hoặc gạt tuyết trên bia để nhìn tên và ảnh họ. Có một lần bố lên đó đang đêm khi trời lạnh mười độ âm cho đến lúc trời sáng. Bác sĩ Hardy nói nhờ phép lạ bố mới chịu đựng được chứ không thì chắc hẳn đã chết. Cũng có người cho rằng bố thoát chết nhờ uống quá nhiều rượu bên mộ.

Bây giờ tôi đang chạy băng qua đồng cỏ miền thảo nguyên, cảm thấy háo hức. Cỏ cao tới bụng tôi làm tôi có cảm tưởng mình đang chạy xuyên

qua nước. Cỏ như nước, quật vào người làm tôi nhột. Mẹ thường đọc truyện cho tôi nghe về những người da đỏ và thiên nhiên. Tôi rất thích tên các loài hoa hoa và đòi mẹ đọc những truyện về hoa. Thật êm đềm. Rắn chuông chúa, gậy vàng, lông vũ đa sắc, Susan mắt đen, đậu Hà Lan vảy nền lá bạc, cỏ lười chó, sao băng. Có những đêm nằm một mình không ngủ được, tôi nhắm đọc đi đọc lại những cái tên đó, đọc mãi cứ tưởng như mẹ đang đọc cho tôi nghe giống như cách mẹ thường bắt tôi học những từ mới, mỗi tuần tôi phải học ba từ mới.

Hai lần tôi bị té. Tôi không khóc. Nhưng lần thứ hai thì đầu gối tôi bị cạnh đá bén cửa rách và tôi chỉ biết khóc. Khóc nhưng vẫn chạy dọc con sông bàng bạc ánh trăng, chạy cúi mình dưới rặng liễu, nhảy qua một con ếch nhỏ rồi vào vùng đất toàn những cây tuyết tùng nơi mái lều tranh của chúng tôi.

Một lần tôi nghe có tiếng động phía sau và tôi dừng lại. Tôi sợ hãi, như tôi vẫn sợ mỗi khi con quái vật xuất hiện trong tivi. “Con không nên coi những cái vớ vẩn đó”. Bố thường bảo thế và ông tắt tivi khi ông thấy tôi sợ.

Giờ đây rừng mênh mông. Bóng tối. Trơn nhớt, nổi gai ốc, ghê rợn... những thú trong rừng, thú có túi, rắn và chó sói. Có thể có quái vật nữa, như những khu rừng trong tivi. Người da đỏ luôn tin rằng có quái vật trong rừng.

Tôi chạy. Cần phải tìm bố. Phải báo cho bố biết.

Tôi nghĩ về những thứ mẹ đọc cho tôi nghe về người da đỏ thường làm khi còn sinh sống ở đây. Tôi muốn mình cải trang thành người da đỏ. Tôi ao ước mình được đeo mặt nạ da bò như họ mỗi khi nhảy múa quanh ngọn lửa. Hoặc đeo vòng cổ kết bằng móng gấu xám bắc Mỹ, để chứng tỏ mình là người can đảm nhất. Hoặc vẽ những vạch đỏ như máu trên cánh tay, mỗi vạch là dấu tích một lần lâm trận. Họ thường tìm tôi, bố và mẹ, sợ tôi đi lang thang trong rừng nhưng tôi thường đến mái lều tranh, chơi trò đóng vai người da đỏ, ngược mặt nói chuyện với bầu trời như người da đỏ, đứng nhìn những con sói xám trên cỏ, rồi khóc, rồi cười... trong khi vầng trăng bạc lên cao trên bầu trời đêm Iowa.

Tôi đã thấy bóng mái nhà tranh nhỏ qua những cây tuyết tùng. Nó nằm giữa khoảng đất trống. Không đèn. Không tiếng động. Chỉ có tiếng cú kêu và cỏ rì rào. Chỉ có mùi gỗ mục ẩm ướt do cơn mưa dầm tuần qua.

Tôi biết bố trong đó. Tôi cảm thấy được điều đó.

Tôi cúi rạp mình theo cách người da đỏ, đến vùng đất trống, định bụng sẽ chạy nhanh vào trong mái nhà tranh.

Chạy được nửa đường tôi nghe tiếng nói.

- Con trở về nhà, Bobby, ngay lập tức.

Bố. Trong căn nhà tranh.

Người tôi nổi gai. Run rẩy, tôi nói.

- Bác Mike đến lúc này đó bố, bác ấy nói...

- Bố biết bác ấy nói gì rồi.

- Bác ấy nói bố đã giết ông Ohlers.

- Bố buộc phải làm thế, con trai. Ông ta không có quyền gì mà lấy nông trại của chúng ta. Ông ta nói ông ta tử tế nhưng có tử tế đâu.

Tôi không nói gì. Chỉ có gió, tiếng gió vi vu như hơi thở của con quái vật khổng lồ vô hình đang ngủ.

- Bác ấy nói bố có thể bị giết.

- Bố không muốn vào tù.

- Con muốn thấy bố.

Bố trong cửa sổ, trong bóng tối. Bây giờ bố giống như mẹ. Tôi có thể nói chuyện với ông nhưng không trông thấy ông. Giống như cái chết.

- Bố ơi... con muốn thấy bố.

- Con hãy đi về, Bobby, con nghe bố không? Con phải trở về nông trại và chờ ở đó.

Tôi lại nghe tiếng động. Quay lại tôi thấy bác Mike đang bước vào vùng đất trống.

Trông ông thật nhếch nhác, áo nửa trong nửa ngoài quần, tóc rối bời. Ông cầm khẩu súng của ông, lăm lăm trên tay.

- Bác đoán thế nào cháu cũng dẫn bác đến chỗ bố cháu.

- Bố cháu không cho cháu gặp.

Ông gật đầu rồi nhìn về phía căn nhà thô sơ.



- Tôi muốn vào nhà nói chuyện với anh.  
- Ở yên đó, Mike.  
- Đủ rồi, anh không nên làm cho tình huống xấu hơn. Tôi là bạn anh mà.  
- Vâng, cũng như Ohlers chứ gì.  
- Hẳn chẳng tự ý làm gì với nông trại của anh cả, đó là chỉ thị của bọn chủ nhà băng tàn nhẫn kia thôi.  
- Đó là cách chống chế.  
- Tôi sắp vào đây.  
- Tôi sẽ bắn anh.  
- Thế thì bắn đi, ông bạn chết tiệt!  
Tôi hiểu bác Mike. Một khi đã quyết định thì không thể ngăn cản ông ấy được. Tôi nói.  
- Cháu đi với bác nhé?  
Ông lắc đầu.  
- Cháu phải ở đây.  
- Ông ấy là bố cháu.  
- Bobby, quý tha ma bắt mày đi, bác mệt mỏi lắm rồi, biết chưa? Cứ ở yên đây.  
- Vâng.  
- Bác ra ngay thôi. Xin lỗi đã mắng cháu.  
Bố tôi hét lên từ trong nhà.  
- Anh phải ở yên đó, Mike, anh nghe tôi không?  
Mike vẫn bước về phía căn nhà.  
Bố tôi bắn.  
Tiếng nổ vang và đánh trong cái tĩnh lặng của thảo nguyên.  
- Phát kế sẽ trúng anh đấy Mike.  
- Thì cứ bắn tôi đi, bạn thân.  
Lần này viên đạn đi gần hơn, tiếng đạn vang vọng xa ngoài thung lũng.  
Nhưng Mike vẫn bước tới.

Ông bước tới, tung chân đá mạnh vào cửa trước và bước vào trong nhà.

Tôi bước ra ngoài rìa quầng đất trống, nhìn cây cối xung quanh. Mẹ cũng thường đọc tên các loài cây. Sồi trắng, mai châu hồ đào, cây đoan, sồi kim, tro lục, cẩm thạch bạc, bồ kết mật ong ba gai, dương lá rung rảng lớn. Mẹ đọc đi đọc lại cứ như lời những bài hát.

Tôi muốn tiểu tiện.

Tôi vào rừng, kiếm nơi đi tiểu.

Tôi muốn rửa tay. Tôi thấy khó chịu khi không làm theo lời mẹ dạy, dù bây giờ mẹ đã đi xa.

Trở lại chỗ đất trống, tôi nghe họ la hét trong nhà tranh và tôi sợ hãi. Họ bắt đầu đánh nhau. Họ xô nhau vào vách. Căn nhà tranh rung chuyển. Tôi muốn chạy vào nhưng tôi quá sợ hãi. Tôi không muốn thấy bố làm đau bác Mike hay bác Mike làm đau bố. Chuyện không nên xảy ra như vậy.

Một tiếng súng.

Chỉ có một.

Tiếng nổ lớn hơn bình thường. Tiếng vang cũng lâu hơn. Rồi sự im lặng khủng khiếp bao trùm. Cả tiếng gió cũng không còn.

Cửa nhà bật mở và bố bước ra.

Ông bước đến giữa vùng đất trống. Tay cầm khẩu colt 45.

- Con trở về nông trại ngay đi, Bobby, có nghe bố không?

Không kèm chế được, tôi chạy đến bố. Tôi ôm lấy bố. Thật lạ, bố không đẩy tôi ra như mọi lần và nói đàn ông không nên ôm nhau mà bố ôm chặt lấy tôi và tôi cảm nhận được cơ thể rắn chắc của bố.

Bố ôm chặt tôi như tôi ôm chặt bố. Ông nói.

- Bố làm hỏng mọi chuyện rồi, Bobby, hỏng hết rồi.

Bố khóc, khóc như hồi đám tang mẹ. Tôi mặc cho bố khóc và vẫn ôm chặt bố y như mẹ ôm tôi khi tôi khóc.

Bố khóc ngon lành.

Bố đứng giữa khoảng đất trống. Bố nhìn lên mặt trăng như người da đỏ thường nhìn, giống như mẹ vẫn kể. Mẹ nói họ nhìn trăng và họ tin rằng họ đọc được nhiều sự việc ở đó, đoán được tương lai.

Rồi bố nhìn tôi, nói nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng.

- Con trở về trại ngay đi, phân cho luật sư Sayre, ông ấy biết cách thu xếp mọi chuyện.

- Bác Mike chết rồi hả bố?

- Ừ, chết rồi.

- Sao bố lại bắn bác ấy?

- Bố không biết... thật tình là bố không biết, phải chi bố đừng...

Tôi muốn nói nhưng sợ lại bật khóc.

Bố nhìn lại mái nhà tranh.

- Con trở về trại đi và gọi ông Sayre.

Tôi với tay định cầm lấy khẩu colt 45 trong tay bố nhưng ông rút lại.

- Bố, cho con giữ khẩu súng đi.

- Con đi đi.

- Con sợ, bố đừng giữ súng nữa.

- Con đi mau đi, gọi ngay ông Sayre.

- Con sợ lắm bố ơi!

- Bố biết con sợ, Bobby, bố cũng sợ.

Ông gật gù, vè mặt quả quyết.

- Đi đi con, thật nhanh và gọi ông Sayre.

- Vâng.

- Chạy thẳng về trại và gọi ngay ông ấy.

- Vâng.

Ông quay đi, mặt khuất trong ánh trăng. Ông bước trở vào ngôi nhà tranh.

Tôi biết không nên tranh cãi nữa.

Tôi thần thờ bước đi vào rừng và khi tôi đến hàng cây trước bìa rừng thì tiếng súng vang lên đúng như tôi nghĩ. Tôi cố hình dung cảnh đó. Hai xác người trong căn nhà tranh. Máu và ruồi và mùi hôi thối như xác thú vật chết. Nỗi sợ hãi ập đến. Tôi sợ. Tôi khóc.

Tôi muốn bố ôm tôi như vừa mấy phút trước đây, như mẹ thường ôm tôi khi tôi đòi. Bây giờ tôi muốn có ai đó ôm tôi, ôm tôi thật chặt, thật lâu, thật lâu.

Bởi vì giờ đây đêm đen dày đặc và có một con thú trong rừng, như người da đỏ da đỏ vẫn nói, một con quái thú trong rừng sâu, đen đúa, thăm thẳm.

# Table of Contents

[Con Ngựa Về Nhất](#)

[Canh Bạc](#)

[Sáu Cổ Quan Tài](#)

[Sòng Phăng](#)

[Biệt Thự Chim Sơn Ca](#)

[Đêm Định Mệnh](#)

[Mụ Phù Thủy Tỉnh Wilton Falls](#)

[Cao Nguyên](#)

[Con Thú Trong Rừng](#)